

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

BÁO CÁO TỔNG HỢP

ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CẤP CƠ SỞ HỖ TRỢ KINH PHÍ NĂM 2024
NGHIÊN CỨU ĐÁNH GIÁ CÁC QUY ĐỊNH CỦA PLHS VỀ TỘI
MUA BÁN NGƯỜI DƯỚI 16 TUỔI VÀ THỰC TIỄN TRÊN ĐỊA
BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Mã số: 13.01.24.I.02

Tổ chức chủ trì: Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Chủ nhiệm đề tài: Nguyễn Quý Phương Anh

Hà Nội - 2024

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

BÁO CÁO TỔNG HỢP

**ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CẤP CƠ SỞ HỖ TRỢ KINH PHÍ NĂM 2024
NGHIÊN CỨU ĐÁNH GIÁ CÁC QUY ĐỊNH CỦA PLHS VỀ TỘI
MUA BÁN NGƯỜI DƯỚI 16 TUỔI VÀ THỰC TIỄN TRÊN ĐỊA
BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Mã số: 13.01.24.I.02

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI

(ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Quý Phương Anh

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI**

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Trinh

Hà Nội - 2024

THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Thông tin chung:

- Tên đề tài: Nghiên cứu các quy định của PLHS về Tội mua bán người dưới 16 tuổi và thực tiễn trên địa bàn thành phố Hà Nội
- Mã số: 13.01.24.I.02
- Chủ nhiệm đề tài: Nguyễn Quý Phương Anh
- Tổ chức chủ trì: Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội
- Thời gian thực hiện: năm 2024

2. Mục tiêu:

Đề tài nghiên cứu một số vấn đề lý luận về Tội mua bán người dưới 16 tuổi; thực trạng các quy định của Pháp luật hình sự (PLHS) về tội Tội mua bán người dưới 16 tuổi và thực tiễn thi hành trên địa bàn thành phố Hà Nội; đề xuất giải pháp hoàn thiện các quy định của PLHS về Tội mua bán người dưới 16 tuổi.

3. Tính mới và sáng tạo:

Đề tài đánh giá được hiệu quả áp dụng các quy định của Tội mua bán người dưới 16 tuổi trong BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) trên địa bàn thành phố Hà Nội.

4. Kết quả nghiên cứu:

- Thông qua việc nghiên cứu một số vấn đề lý luận về Tội mua bán người dưới 16 tuổi, tác giả đã xác định được khái niệm Tội mua bán người dưới 16 tuổi, phân tích các dấu hiệu pháp lý cũng như các khung hình phạt của Tội mua bán người dưới 16 tuổi

- Tác giả đã tìm hiểu quá trình phát triển của các quy định pháp luật hình sự về Tội mua bán người dưới 16 tuổi qua các giai đoạn từ thời kỳ trước khi ban hành BLHS năm 1985; thời kỳ từ khi ban hành BLHS năm 1999 và quy định của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về Tội mua bán người dưới 16 tuổi.

- Đánh giá được thực trạng các quy định pháp luật hình sự hiện hành về Tội mua bán người dưới 16 tuổi bằng việc phân tích những vướng mắc trong quá trình áp dụng pháp luật. Trên cơ sở số liệu đã phân tích, tác giả đã nghiên cứu thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về Tội mua bán người dưới 16 tuổi trên

địa bàn thành phố Hà Nội bao gồm: những kết quả đạt được, một số hạn chế, bất cập và nguyên nhân của hạn chế, bất cập để từ đó làm tiền đề cho việc đưa ra định hướng hoàn thiện, giải pháp hoàn thiện và giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của pháp luật hình sự đối với Tội mua bán người dưới 16 tuổi.

- Trên cơ sở đánh giá thực trạng các quy định của pháp luật hình sự về Tội mua bán người dưới 16 tuổi và thực tiễn thi hành trên địa bàn thành phố Hà Nội, tác giả đã đề xuất một số định hướng và giải pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự hiện hành về Tội mua bán người dưới 16 tuổi.

5. Sản phẩm:

Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu của đề tài, 01 công bố khoa học

6. Phương thức chuyển giao, địa chỉ ứng dụng, tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu:

* Phương thức chuyển giao:

- Kết quả của đề tài sẽ được chuyển giao toàn bộ cho bộ môn Pháp luật thuộc khoa Lý luận chính trị, trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội để phục vụ cho việc đào tạo;

- Sản phẩm của đề tài sẽ được chuyển toàn bộ cho Trung tâm Thư viện và Công nghệ Thông tin để lưu trữ và làm tài liệu tham khảo cho cán bộ giảng viên và người học.

* Địa chỉ ứng dụng: trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

* Lợi ích của đề tài:

a) Tác động đến xã hội: Đề tài là tài liệu tham khảo cho các nhà hoạch định chính sách pháp luật, các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc giải quyết vụ án hình sự liên quan đến Tội mua bán người dưới 16 tuổi, là tài liệu phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học trong các trường đại học, cao đẳng đào tạo ngành luật.

b) Nâng cao năng lực nghiên cứu của tổ chức, cá nhân thông qua tham gia thực hiện đề tài, đào tạo trên đại học : Thông qua việc thực hiện nghiên cứu đề tài “Nghiên cứu pháp luật hình sự về Tội mua bán người dưới 16 tuổi trên địa bàn thành phố Hà

Nội ”, tác giả không chỉ có cơ hội được nâng cao khả năng nghiên cứu khoa học mà còn tích lũy thêm nhiều kiến thức liên quan đến Tội mua bán người dưới 16 tuổi, góp phần phục vụ tốt cho công tác giảng dạy.

INFORMATION ON RESEARCH RESULTS

1. General information:

Project title: Research the provisions of the Penal Code on the crime of trafficking in people under 16 years old and practice in Hanoi city

Code number: 13.01.24.I.02

Coordinator: Nguyen Quý Phuong Anh

Implementing institution: Ha Noi University of Natural Resources and Environment

Duration: 2024

2. Objective(s):

The topic researches some theoretical issues on the crime of trafficking in people under 16 years old; Current status of provisions of the Criminal Law (PLHS) on the crime of trafficking in people under 16 years old and implementation practices in Hanoi city; Propose solutions to improve the provisions of the Criminal Code on the crime of trafficking in people under 16 years old.

3. Creativeness and innovativeness:

The project evaluates the effectiveness of applying the provisions of the crime of trafficking in people under 16 years old in the 2015 Penal Code (amended and supplemented in 2017) in Hanoi city.

4. Research results:

- Through researching a number of theoretical issues about the crime of trafficking in people under 16 years old, the author has identified the concept of crime of trafficking in people under 16 years old, analyzing legal signs as well as penalty frames. of the crime of trafficking in people under 16 years old

- The author has studied the development process of criminal legal regulations on the crime of trafficking in people under 16 years old through the stages from the period before the promulgation of the Penal Code in 1985; The period from the promulgation of the Penal Code in 1999 and the provisions of the Penal Code in 2015 (amended and supplemented in 2017) on the crime of

trafficking in people under 16 years of age.

- Evaluate the current status of current criminal law regulations on the crime of trafficking in people under 16 years old by analyzing problems in the process of applying the law. Based on analyzed data, the author has researched the practical application of criminal law provisions on the crime of trafficking in people under 16 years old in Hanoi city including: achieved results, a number of limitations, inadequacies and causes of limitations and inadequacies to serve as a premise for providing directions for improvement, perfect solutions and solutions to improve the effectiveness of applying the provisions of law criminal for the crime of trafficking in people under 16 years old.

- Based on the assessment of the current situation of criminal law provisions on the crime of trafficking in people under 16 years old and implementation practices in Hanoi city, the author has proposed a number of directions and solutions to complete the crime. Improve the provisions of current criminal law on the crime of trafficking in people under 16 years of age.

5. Products: Summary report, Summary report on research results of the topic, 01 scientific publication

6. Transfer alternatives, application institutions, impacts and benefits of research results:

* Transfer method:

- The results of the project will be transferred entirely to the Department of Law under the Faculty of Political Theory, Hanoi University of Natural Resources and Environment to serve training;

- All products of the project will be transferred to the Center for Library and Information Technology to store and serve as reference materials for lecturers and learners.

* Application address: agencies conducting proceedings; Universities and colleges offering Law training.

* Benefits of the topic:

a) Impact on society: The topic is a reference for legal policy makers and litigation

agencies in resolving criminal cases related to the crime of trafficking in people under 16 years old , is a document serving teaching, learning, and scientific research in universities and colleges providing law training.

b) Improve the research capacity of organizations and individuals through participating in research projects and university training: Through conducting research on the topic "Criminal law research on the crime of human trafficking under 16 years old in Hanoi city", the author not only has the opportunity to improve his scientific research ability but also accumulates more knowledge related to the crime of human trafficking under 16 years old, contributing to solving the problem. Good service for teaching.

MỤC LỤC

| | |
|---|-----------|
| DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU, CÁC TỪ VIẾT TẮT | iv |
| DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU | v |
| DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ, ĐỒ THỊ | vi |
| MỞ ĐẦU | 1 |
| CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU..... | 3 |
| 1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu trong nước..... | 3 |
| 1.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu ngoài nước | 5 |
| 1.3. Phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu trong nước và ngoài nước | 7 |
| KẾT LUẬN CHƯƠNG 1..... | 9 |
| CHƯƠNG 2. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU | 10 |
| 2.1. Phạm vi nghiên cứu của đề tài | 10 |
| 2.2. Đối tượng nghiên cứu của đề tài | 10 |
| 2.3. Phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng | 10 |
| KẾT LUẬN CHƯƠNG 2..... | 12 |
| CHƯƠNG 3: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TỘI MUA BÁN NGƯỜI DƯỚI 16 TUỔI THEO PLHS VIỆT NAM | 13 |
| 3.1. Một số vấn đề lý luận về tội mua bán người dưới 16 tuổi..... | 13 |
| 3.2 Dấu hiệu pháp lý của Tội mua bán người dưới 16 tuổi | 17 |
| 3.2.1 Khách thể của tội mua bán người dưới 16 tuổi..... | 17 |
| 3.2.2 Mặt khách quan của tội mua bán người dưới 16 tuổi | 18 |
| 3.2.3 Mặt chủ quan của tội mua bán người dưới 16 tuổi | 22 |
| 3.2.4. Chủ thể của tội mua bán người dưới 16 tuổi..... | 24 |
| 3.3. Hình phạt áp dụng đối với Tội mua bán người dưới 16 tuổi theo pháp luật hình sự Việt Nam | 25 |
| 3.3.1. Khung hình phạt cơ bản (khoản 1 Điều 151 BLHS năm 2015) | 25 |

| | |
|--|-----------|
| 3.2.2. Khung hình phạt tăng nặng (khoản 2 Điều 151 BLHS 2015) | 27 |
| 3.2.3. Khung hình phạt tăng nặng (khoản 3 Điều 151 BLHS 2015..... | 34 |
| 3.4. Ý nghĩa của tội mua bán người dưới 16 tuổi trong PLHS Việt Nam | 39 |
| 3.5. Quy định của pháp luật một số quốc gia về tội mua bán trẻ em..... | 42 |
| 3.5.1. Tội mua bán người dưới 16 tuổi trong BLHS của Campuchia..... | 43 |
| 3.5.2. Tội mua bán người dưới 16 tuổi trong BLHS của Liên Bang Nga | 45 |
| 3.5.3. Tội mua bán người dưới 16 tuổi trong BLHS của Malaysia | 46 |
| 3.5.4. Tội mua bán người dưới 16 tuổi trong BLHS của Cộng hoà nhân dân Trung Hoa | 47 |
| 3.5.5. Tội mua bán người dưới 16 tuổi trong BLHS của Cộng hoà Liên bang Đức | 48 |
| KẾT LUẬN CHƯƠNG 3..... | 50 |
| CHƯƠNG 4: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ TỘI MUA BÁN NGƯỜI DƯỚI 16 TUỔI VÀ THỰC TIỄN THI HÀNH TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI..... | 52 |
| 4.1. Khái quát lịch sử pháp luật hình sự Việt Nam về tội mua bán người dưới 16 tuổi..... | 52 |
| 4.1.1. Quy định về tội mua bán người dưới 16 tuổi trong BLHS năm 1985 .. | 52 |
| 4.1.2. Quy định về tội mua bán người dưới 16 tuổi trong BLHS năm 1999 .. | 53 |
| 4.1.3. Quy định về tội mua bán người dưới 16 tuổi trong BLHS năm 2015 .. | 54 |
| 4.2 Khái quát chung về tội mua bán người dưới 16 tuổi trên địa bàn thành phố Hà Nội | 56 |
| 4.3. Thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật Hình sự về tội mua bán người dưới 16 tuổi trên địa bàn thành phố Hà Nội | 61 |
| 4.3.1. Thực tiễn xét xử tội mua bán người dưới 16 tuổi trên địa bàn thành phố Hà Nội | 61 |
| 4.3.2. Một số hạn chế trong hoạt động xét xử đối với tội mua bán người dưới 16 tuổi..... | 69 |

| | |
|--|-----------|
| 4.3.3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế và vướng mắc trong hoạt động xét xử tội mua bán người dưới 16 tuổi trên địa bàn TP. Hà Nội | 73 |
| KẾT LUẬN CHƯƠNG 4..... | 76 |
| CHƯƠNG 5: HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI MUA BÁN NGƯỜI DƯỚI 16 TUỔI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY..... | 77 |
| 5.1. Định hướng hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành về tội mua bán người dưới 16 tuổi | 77 |
| 5.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định PLHS đối với tội mua bán người dưới 16 tuổi | 82 |
| 5.2.1. Nâng cao hiệu quả tổ chức và hoạt động của Tòa Án Nhân Dân | 82 |
| 5.2.2. Tăng cường Năng lực và Chất lượng Đội ngũ Cán bộ Tòa án | 84 |
| 5.2.3. Thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững | 85 |
| 5.2.4. Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật | 86 |
| 5.2.5. Tăng cường hợp tác quốc tế trong cuộc chiến chống tội phạm mua bán người dưới 16 tuổi | 87 |
| KẾT LUẬN CHƯƠNG 5..... | 89 |
| KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ | 91 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO | 93 |

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU, CÁC TỪ VIẾT TẮT

| | |
|-------------------|------|
| Pháp luật hình sự | PLHS |
| Bộ luật hình sự | BLHS |
| Nghị định thư | NĐT |
| Tòa án nhân dân | TAND |
| Thành phố | TP |

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

| | |
|---|----|
| Bảng 4.1. Thống kê tội phạm mua bán người dưới 16 tuổi trên địa bàn TP. Hà Nội giai đoạn năm (2020-2023) | 56 |
| Bảng 4.2. Thống kê số vụ án và số nạn nhân mua bán người dưới 16 tuổi trên địa bàn TP. Hà Nội giai đoạn năm (2020-2023)..... | 59 |
| Bảng 4.3. Thống kê số vụ án được điều tra và số vụ án kết thúc điều tra mua bán người dưới 16 tuổi trên địa bàn TP. Hà Nội giai đoạn năm (2020-2023). | 60 |
| Bảng 4.4. Tổng số vụ án, tổng số bị cáo bị đưa ra xét xử về tội mua bán người dưới 16 tuổi trên tổng số vụ án, tổng số bị cáo bị đưa ra xét xử trên địa bàn TP. Hà Nội..... | 63 |
| Bảng 4.5. Số vụ án, số bị cáo tội mua bán người dưới 16 tuổi trên tổng số vụ án, số bị cáo, tội mua bán người dưới 16 tuổi từ năm 2020-2023 trên địa bàn TP. Hà Nội..... | 65 |
| Bảng 4.6. Phân tích tình hình phạt áp dụng đối với bị cáo phạm tội mua bán người dưới 16 tuổi trên địa bàn TP. Hà Nội | 67 |
| Bảng 4.7. Thống kê số nạn nhân theo mục đích mua bán của tội phạm mua bán người dưới 16 tuổi trên địa bàn TP. Hà Nội từ năm 2020 - 2023..... | 68 |

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ, ĐỒ THỊ

| | |
|--|----|
| Biểu đồ 4.1 : Thống kê tội phạm mua bán người dưới 16 tuổi trên địa bàn TP. Hà Nội giai đoạn năm (2020-2023) | 57 |
| Biểu đồ 4.2 : Thống kê số vụ án và số nạn nhân mua bán người dưới 16 tuổi trên địa bàn TP. Hà Nội giai đoạn năm (2020-2023)..... | 59 |
| Biểu đồ 4.3: Thống kê số vụ án được điều tra và số vụ án kết thúc điều tra mua bán người dưới 16 tuổi trên địa bàn TP. Hà Nội giai đoạn năm (2020-2023)..... | 60 |
| Biểu đồ 4.4: Số vụ án, số bị cáo tội mua bán người dưới 16 tuổi trên tổng số vụ án, số bị cáo, tội mua bán người dưới 16 tuổi từ năm 2020-2023 trên địa bàn TP. Hà Nội | 65 |

MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, tội phạm mua bán người, đặc biệt là mua bán người dưới 16 tuổi, đang ngày càng gia tăng với những hình thức ngày càng tinh vi và phức tạp. Vấn đề này đã trở thành một vấn đề nhức nhối không chỉ ở Việt Nam mà còn trên toàn thế giới. Tội phạm mua bán trẻ em không chỉ gây tổn hại nghiêm trọng đến thể chất và tinh thần của các em, mà còn đe dọa đến sự an toàn, ổn định và phát triển bền vững của xã hội. Hệ lụy từ tội ác này không chỉ ảnh hưởng đến các nạn nhân mà còn lan tỏa đến gia đình và cộng đồng, gây ra những tổn thất về mặt kinh tế, xã hội và nhân văn.

Tại Việt Nam, PLHS đã có những quy định cụ thể để trừng trị và ngăn chặn hành vi này. Cụ thể, Điều 150 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt là BLHS năm 2015) quy định về “Tội mua bán người” với các khung hình phạt từ 5 năm đến 20 năm tù giam hoặc tù chung thân trong trường hợp nghiêm trọng. Điều 151 quy định về “Tội mua bán người dưới 16 tuổi” với các khung hình phạt nặng hơn, từ 7 năm đến 20 năm tù giam hoặc tù chung thân. Cụ thể, khoản 1 của Điều 151 nêu rõ: *“Người nào mua bán, chuyển giao hoặc nhận chuyển giao người dưới 16 tuổi dưới bất kỳ hình thức nào nhằm mục đích bóc lột, cưỡng bức lao động, hoặc vì các mục đích khác bất hợp pháp, thì bị phạt tù từ 7 năm đến 12 năm.”* [7]

Nghiên cứu các quy định PLHS liên quan đến tội phạm nhằm bảo vệ quyền lợi của trẻ em là một nhiệm vụ hết sức cần thiết và cấp bách trong bối cảnh hiện nay. Việc này không chỉ giúp nâng cao hiệu quả công tác phòng chống tội phạm mà còn tạo ra một môi trường an toàn cho trẻ em. Đề tài này sẽ tiến hành phân tích sâu rộng các quy định pháp luật hiện hành và thực tiễn thi hành tại Hà Nội, từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm bảo đảm quyền lợi của trẻ em một cách tốt nhất.

Trước hết, cần nhận thức rõ rằng các quy định pháp luật hiện hành

không chỉ là công cụ pháp lý để trừng trị tội phạm mà còn là cơ sở để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nạn nhân, đặc biệt là trẻ em dưới 16 tuổi. Trẻ em là tương lai của đất nước, do đó việc bảo vệ và đảm bảo quyền lợi cho các em là nhiệm vụ không thể thiếu của mỗi quốc gia. Trong bối cảnh tội phạm mua bán người dưới 16 tuổi ngày càng tinh vi và phức tạp, việc nghiên cứu và hoàn thiện quy định pháp luật là điều cấp thiết.

Với mục tiêu này, đề tài sẽ tập trung vào việc phân tích quy định pháp luật hiện hành, bao gồm các điều luật cụ thể như Điều 150 và Điều 151 của BLHS, cũng như các văn bản hướng dẫn thi hành. Đồng thời, nghiên cứu cũng sẽ xem xét thực tiễn thi hành các quy định này tại Hà Nội, từ đó chỉ ra những khó khăn, hạn chế và đề xuất các giải pháp cụ thể để hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao hiệu quả công tác phòng chống tội phạm mua bán người dưới 16 tuổi.

Xuất phát từ những lí do nêu trên tác giả chọn đề tài: ***“Nghiên cứu các quy định của pháp luật hình sự về Tội mua bán người dưới 16 tuổi và thực tiễn trên địa bàn thành phố Hà Nội”***, thông qua việc nghiên cứu này, tác giả hy vọng sẽ đóng góp vào việc nâng cao nhận thức cộng đồng, tăng cường hiệu quả của công tác bảo vệ trẻ em và xây dựng một xã hội an toàn, lành mạnh hơn.

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu trong nước

Ở Việt Nam, có nhiều tài liệu, công trình nghiên cứu khoa học, Luận văn Thạc sĩ, Luận án Tiến sĩ và các bài viết trên các tạp chí chuyên ngành nghiên cứu về Tội mua bán người dưới 16 tuổi. Một số các công trình tiêu biểu đã công bố, cụ thể như sau:

Đề tài *“Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về tội mua bán người trong Luật hình sự Việt Nam”* Luận văn thạc sĩ của tác giả Đoàn Ngọc Huyền (2014), Hà Nội. Tác giả đã phân tích quy định của hệ thống pháp luật Việt Nam về khái niệm mua bán người, theo đó BLHS năm 1999 chưa đưa ra khái niệm mua bán người, tuy nhiên tại một số văn bản khác đã đề cập đến vấn đề này, đó là quy định lại Điều 1 Thông tư 01/2023/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP-BTP ngày 23/7/2013 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ công an, Bộ quốc phòng, Bộ tư pháp hướng dẫn việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người có hành vi mua bán người; hành vi đánh tráo, mua bán, chiếm đoạt trẻ em... [12]

Đề tài *“Pháp luật phòng, chống mua bán người qua thực tiễn của tỉnh Thanh Hóa”* Luận văn thạc sĩ của tác giả Lê Thị Lan Anh (2014), Hà Nội. Tác giả đã phân tích các quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến Tội phạm này như quy định tại Điều 119 và Điều 120 BLHS năm 1999. Điều 3 Luật phòng, chống mua bán người năm 2011; Điều 1, Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2013/TTLT/TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP-BTP ngày 23/7/2013 hướng dẫn việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi mua bán người, hành vi mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em. [1]

Đề tài nghiên cứu khoa học cấp quốc gia *“Đấu tranh phòng chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em trong giai đoạn hiện nay”* của Chu Thị Trang Vân (2010), Hà Nội. Tác giả đã dựa trên những phân tích về mặt lý luận, thực tiễn, cũng như các quy định của pháp luật quốc tế, cụ thể là Điều 3 Nghị định

thur (NĐT) về ngăn ngừa, phòng chống và trừng trị việc buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em. [14]

Bài viết “*Bàn về tội mua bán người trong BLHS 2015*” của tác giả Nguyễn Văn Minh và Nguyễn Thị My Huyền- Tạp chí Kiểm sát số 06/2019 (2019). Tác giả đã đề cập tới định nghĩa mua bán người trên cơ sở phân tích định nghĩa mà các nhà khoa học đưa ra, phân tích sự phát triển của pháp luật quốc tế về định nghĩa này, đặc biệt là khái niệm mà tổ chức di cư quốc tế (IOM), quỹ nhi đồng LHQ (UNICEF) và cuối cùng là Nghị định thư (NĐT) về ngăn ngừa, phòng chống và trừng trị việc buôn bán người đặc biệt là phụ nữ và trẻ em. Bên cạnh đó tại bài viết này, hai tác giả đã nghiên cứu, phân tích các quy định tại thông tư liên tịch số 01/2013/TTLT/TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP-BTP và Nghị quyết số 02/2019-NĐ/HĐTP về các dấu hiệu cấu thành cơ bản của tội phạm. [13]

Đề tài “*Tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em trong PLHS Việt Nam*” của tác giả Lê Việt Hà (2009). Tác giả mới chỉ phân tích khái quát những vấn đề lý luận và thực tiễn của tội mua bán người dưới 16 tuổi. Nội dung nghiên cứu về hành vi của Tội mua bán người dưới 16 tuổi chưa thực sự sâu sắc. [10]

Về mặt lý luận, các nghiên cứu trên đã làm sáng tỏ nhiều vấn đề lý luận cơ bản về tội mua bán người, tội mua bán trẻ em. Các quan điểm khá thống nhất về những nhận thức chung về bản chất của mua bán người. Tuy nhiên, hiện chưa có sự phân biệt rõ ràng giữa khái niệm về “hành vi mua bán trẻ em” và khái niệm về “tội mua bán trẻ em”. Điều này đòi hỏi cần tiếp tục nghiên cứu về lý luận để có nhận thức cụ thể, chi tiết và toàn diện về tội phạm này.

Về khía cạnh pháp luật quốc tế, nghiên cứu pháp luật quốc tế, pháp luật một số quốc gia và vùng lãnh thổ về tội buôn bán trẻ em với những mục đích khác nhau. Còn ít nghiên cứu so sánh, đánh giá các quy định của pháp luật quốc tế về tội buôn bán trẻ em với quy định của BLHS 2015 (sửa đổi bổ sung

năm 2017). Đây là lĩnh vực nghiên cứu có nhiều tiềm năng và còn đang bỏ ngỏ.

Về thực trạng quy định của pháp luật, có thể thấy rõ việc nghiên cứu các quy định của BLHS Việt Nam về tội mua bán người nói chung và tội mua bán trẻ em nói riêng đều tập trung phân tích những dấu hiệu pháp lý trong cấu thành tội phạm của từng tội danh. Tuy nhiên, khi BLHS năm 2015 có những sửa đổi, bổ sung khá cơ bản và toàn diện đối với tội phạm này, đồng thời, có bổ sung thêm một số tội phạm mới có liên quan, nhưng chưa có tác giả nào nghiên cứu chuyên sâu, tổng thể về tội mua bán trẻ em để thấy được mối liên hệ giữa các điều luật trong BLHS. Đây là vấn đề cần được tiếp tục đánh giá, phân tích cụ thể.

Về thực tiễn áp dụng pháp luật, một số nghiên cứu về thực tiễn áp dụng quy định của BLHS Việt Nam đối với loại Tội phạm này cũng được nhiều tác giả quan tâm nghiên cứu. Với những nghiên cứu mà tác giả khảo sát được đã khá lâu, nhiều nội dung không còn cập nhật, nhiều giải pháp kiến nghị đã phần nào được đưa vào thành quy định của BLHS năm 2015. Trong khi đó với sự phát triển nhanh chóng và diễn biến phức tạp của loại tội phạm này làm nảy sinh nhiều vấn đề trong thực tiễn cần được xác định và giải quyết. Điều đó đặt ra yêu cầu cần tiếp tục nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, đồng thời đề ra những giải pháp căn cơ, kịp thời để nâng cao hơn nữa hiệu quả áp dụng quy định của BLHS về loại tội phạm này.

Vì vậy, việc nghiên cứu đề tài ***“Nghiên cứu các quy định của pháp luật hình sự về Tội mua bán người dưới 16 tuổi và thực tiễn trên địa bàn thành phố Hà Nội”*** vừa đảm bảo tính mới, cần thiết và phù hợp với xu thế, điều kiện và hoàn cảnh ở Việt Nam nói chung và thành phố Hà Nội nói riêng trong quá trình phát triển của đất nước hiện nay.

1.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu ngoài nước

Vấn đề mua bán người, đặc biệt là trẻ em, đã thu hút sự quan tâm

nghiên cứu sâu sắc từ nhiều tác giả quốc tế. Một số công trình tiêu biểu bao gồm:

Bài viết “*The Interational Law of Human Traffiking*” của tác giả Anna T Gallagher- Cambridge University Press (2010). Tác giả đã phân tích các dấu hiệu pháp lý của tội phạm buôn bán người, tội phạm buôn bán trẻ em. Theo đó để hình thành nên tội mua bán người đã trưởng thành thì cần có đầy đủ 02 dấu hiệu pháp lý, đó là: (1) dấu hiệu về hành vi, (2) là dấu hiệu về lỗi hay còn gọi là dấu hiệu về ý chí của người phạm tội. [18]

Bài viết “*Transnational Crime and Human Rights: Responses to Human Traffiking in the Greater Mekong Subregion*” của tác giả Susan Kneebone và Julie Debeljak- Routledge. Hai tác giả lại cho rằng ý định bóc lột không cần thiết phải được thực hiện đối với tội phạm buôn bán người, tức là tội phạm buôn bán được xem là hoàn thành khi chưa có hành vi bóc lột xảy ra và như vậy, mục đích, ý nghĩa của kẻ buôn bán người là đưa một người vào tình trạng bị bóc lột là đủ để cấu thành nên tội buôn bán người. [19]

Bài viết “*A problem by a Different Name? A Review of Research on Traffiking in South-East Asia and Oceania*” của tác giả Nicola Piper- Migration (vol 43), 203-222. Tác giả cho rằng mục đích bóc lột có thể hình thành ở bất cứ thời điểm nào trong quá trình buôn bán người, không nhất thiết phải ngay thời điểm đầu tiên của quá trình này. [20]

Bài viết “*Models wanted: The search for an Effective Respones to Human Traffiking*” của tác giả Elizabeth M Bruch- Standford Journal of International Law (1), 10-16. Trong bài viết một số vấn đề cơ bản đã được tranh luận nhiều nhất đó là nhận thức thế nào về buôn bán người và đưa ra một định nghĩa buôn bán người thống nhất, đồng bộ và bao quát. [16]

Bài viết “*Revisiting the UN Protocol on Human Traffiking: Striking Balances for more Effective Legislation*” của tác giả Kalen Fredette- Cadozo Journal of International and Comparative Law (17), 101-103. Tác giả cho

rằng buôn bán người đặc biệt phụ nữ là sự phân biệt đối xử và bạo lực đối với phụ nữ mà còn là sự vi phạm quyền con người của phụ nữ và đẩy phụ nữ vào nguy cơ bị bạo lực và lạm dụng. [17]

1.3. Phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu trong nước và ngoài nước

Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu đáng chú ý về tội mua bán người, đặc biệt là trẻ em dưới 16 tuổi, nhưng vẫn còn một số vấn đề quan trọng cần được tiếp tục khai thác để hoàn thiện hiểu biết và giải quyết hiệu quả tình trạng này. Cụ thể:

Thứ nhất, cần làm rõ sự khác biệt giữa “hành vi mua bán trẻ em” và “tội mua bán trẻ em”. Trong khi “hành vi mua bán trẻ em” có thể hiểu là những hành động cụ thể liên quan đến việc chiếm đoạt trẻ em, thì “tội mua bán trẻ em” lại liên quan đến khía cạnh pháp lý, tức là sự vi phạm pháp luật và việc truy cứu trách nhiệm hình sự. Việc phân biệt rõ ràng hai khái niệm này không chỉ giúp làm sáng tỏ bản chất của hành vi mà còn tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho các cơ quan chức năng trong việc truy cứu trách nhiệm hình sự. Điều này rất quan trọng, bởi nó ảnh hưởng trực tiếp đến cách thức áp dụng pháp luật cũng như việc bảo vệ quyền lợi cho trẻ em.

Thứ hai, việc nghiên cứu, so sánh và đánh giá các quy định của pháp luật quốc tế về tội buôn bán trẻ em với BLHS năm 2015 của Việt Nam là một hướng nghiên cứu cần thiết. Hiện nay, có nhiều điều khoản và quy định quốc tế nhằm bảo vệ trẻ em khỏi nạn buôn bán, và việc đối chiếu với quy định nội địa sẽ giúp xác định những khoảng trống pháp lý cũng như điểm mạnh của hệ thống pháp luật hiện hành. Qua đó, các nhà nghiên cứu có thể đề xuất các cải cách cần thiết để nâng cao hiệu quả của các quy định này, đảm bảo tính thống nhất và khả thi trong việc phòng chống tội phạm buôn bán trẻ em.

Thứ ba, đánh giá nghiên cứu thực tiễn áp dụng các quy định của BLHS Việt Nam về tội mua bán người, đặc biệt là trẻ em, cũng là một vấn đề cần

được chú trọng. Thực tiễn cho thấy rằng, mặc dù đã có quy định pháp luật, nhưng việc thực thi vẫn gặp nhiều khó khăn. Cần tiến hành khảo sát, thu thập dữ liệu từ các cơ quan chức năng, tổ chức xã hội và cộng đồng để xác định những vấn đề tồn tại trong việc áp dụng pháp luật. Từ đó, các giải pháp cụ thể và khả thi có thể được đưa ra nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật và tăng cường công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm.

Thứ tư, cập nhật tình hình thực trạng của tội phạm buôn bán người, đặc biệt là trẻ em, luôn thay đổi và phát triển theo thời gian. Do đó, cần có các nghiên cứu mới để phản ánh đúng thực tiễn. Những nghiên cứu này không chỉ tập trung vào việc xác định xu hướng, mà còn cần đánh giá những yếu tố tác động đến sự gia tăng hay giảm sút của tội phạm. Từ đó, các biện pháp phòng chống hiệu quả có thể được đề xuất, đảm bảo sự linh hoạt và thích ứng với tình hình thực tế.

Nghiên cứu đề tài ***“Nghiên cứu các quy định của pháp luật hình sự về Tội mua bán người dưới 16 tuổi và thực tiễn trên địa bàn thành phố Hà Nội”*** sẽ góp phần làm sáng tỏ các vấn đề nêu trên. Việc nghiên cứu sẽ không chỉ cung cấp cái nhìn sâu sắc hơn về quy định pháp luật mà còn góp phần định hình các chính sách, biện pháp cụ thể trong việc bảo vệ trẻ em khỏi nạn buôn bán, phù hợp với xu thế phát triển của xã hội và pháp luật hiện nay.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Trong chương 1 tác giả đã trình bày tổng quan về tình hình nghiên cứu liên quan đến tội mua bán người, đặc biệt là trẻ em, qua đó làm nổi bật tầm quan trọng và tính cấp thiết của đề tài. Tình hình nghiên cứu cả ở nước ngoài và trong nước cho thấy sự quan tâm sâu sắc đối với vấn đề này, với nhiều công trình và bài viết nghiên cứu có giá trị. Từ việc phân tích các khía cạnh pháp lý, xã hội đến thực tiễn áp dụng, các nghiên cứu đã cung cấp cái nhìn tổng thể về tình trạng buôn bán người và trẻ em.

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều khoảng trống trong nghiên cứu, như sự phân biệt giữa “hành vi mua bán trẻ em” và “tội mua bán trẻ em”, cũng như thiếu sót trong việc so sánh quy định của pháp luật quốc tế với BLHS Việt Nam. Ngoài ra, việc đánh giá thực tiễn áp dụng pháp luật cũng cần được thực hiện thường xuyên để cập nhật tình hình tội phạm, từ đó đề xuất các biện pháp hiệu quả.

Nghiên cứu đề tài “Nghiên cứu các quy định của pháp luật hình sự về Tội mua bán người dưới 16 tuổi và thực tiễn trên địa bàn thành phố Hà Nội” không chỉ đáp ứng nhu cầu nghiên cứu lý luận mà còn đóng góp vào công tác phòng chống tội phạm, bảo vệ quyền lợi cho trẻ em. Qua đó, đề tài sẽ góp phần xây dựng hệ thống pháp luật hoàn chỉnh và phù hợp với thực tiễn, đảm bảo tính hiệu quả trong công tác đấu tranh với tội phạm buôn bán trẻ em hiện nay.

CHƯƠNG 2. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Phạm vi không gian: Đề tài nghiên cứu thực tiễn thi hành Tội mua bán người dưới 16 tuổi trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Phạm vi thời gian: Đề tài nghiên cứu và đánh giá thực tiễn thi hành Tội mua bán người dưới 16 tuổi từ năm 2020 đến năm 2023.

- Phạm vi nội dung: Phạm vi nghiên cứu sẽ được giới hạn trong việc khảo sát thực trạng thi hành pháp luật về tội mua bán người dưới 16 tuổi tại thành phố Hà Nội. Việc lựa chọn địa bàn này không chỉ nhằm mục đích đánh giá sâu sắc hơn về thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật, mà còn giúp phát hiện những khó khăn và thách thức mà các cơ quan chức năng đang gặp phải trong quá trình thực thi. Qua đó, nghiên cứu cũng sẽ đưa ra các giải pháp cụ thể và khả thi để cải thiện tình hình pháp lý và thực tiễn tại khu vực này, đồng thời góp phần bảo vệ quyền lợi cho trẻ em.

2.2. Đối tượng nghiên cứu của đề tài

Đề tài nghiên cứu này sẽ tập trung vào việc phân tích các quy định của PLHS liên quan đến tội mua bán người dưới 16 tuổi. Cụ thể, nghiên cứu sẽ xem xét các điều luật được quy định trong BLHS năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành liên quan. Mục tiêu là làm rõ các quy định cụ thể về tội mua bán người, khung hình phạt áp dụng cũng như điều kiện cấu thành tội phạm. Từ đó, không chỉ giúp xác định những yếu tố pháp lý quan trọng mà còn chỉ ra những điểm chưa hợp lý hoặc cần được điều chỉnh trong thực tiễn.

2.3. Phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng

- Cách tiếp cận: Đề tài được nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác – Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật, quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

- Ngoài ra, đề tài còn sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như

phương pháp phân tích, so sánh, đánh giá, tổng hợp, bình luận, ... Các phương pháp này đều được sử dụng xuyên suốt quá trình thực hiện đề tài, cụ thể:

+ Phương pháp phân tích: phương pháp này được sử dụng nhằm làm rõ những vấn đề mang tính lý luận về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định PLHS Việt Nam và nghiên cứu tình hình áp dụng các quy định pháp luật về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua số liệu trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

+ Phương pháp so sánh: phương pháp này được sử dụng nhằm phân biệt hành vi mua bán người dưới 16 tuổi với Tội mua bán người dưới 16 tuổi; so sánh điểm khác biệt giữa những quy định về Tội mua bán người dưới 16 tuổi qua các giai đoạn từ năm 1945 đến trước khi BLHS năm 1985 có hiệu lực thi hành; BLHS năm 1985; BLHS năm 1999; BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

+ Phương pháp tổng hợp: phương pháp này được sử dụng khi nghiên cứu thực tiễn từ các vụ án, sau khi kiểm tra các thông tin từ nhiều tài liệu trong hồ sơ vụ án; tổng hợp lại những thông tin quan trọng nhất nhằm xác định xem hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ cấu thành Tội mua bán người dưới 16 tuổi hay chưa.

+ Phương pháp thu thập số liệu, tổng kết thực tiễn: Phương pháp này được dùng để thu thập số vụ án và số bị cáo phạm Tội mua bán người dưới 16 tuổi trong giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2023 của TAND thành phố Hà Nội từ đó làm cơ sở cho việc nhận định về tình hình phạm Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn thành phố Hà Nội.

+ Phương pháp lịch sử: phương pháp này được sử dụng nhằm trình bày một cách khái quát lịch sử PLHS Việt Nam về Tội mua bán người dưới 16 tuổi.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Chương 2 đã làm rõ phạm vi, đối tượng, cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu của đề tài, tạo nền tảng vững chắc cho việc phân tích tội mua bán người dưới 16 tuổi trong khuôn khổ PLHS Việt Nam. Đối tượng nghiên cứu tập trung vào các quy định cụ thể trong BLHS2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và các văn bản hướng dẫn thi hành, với mục tiêu làm nổi bật các yếu tố pháp lý quan trọng cũng như nhận diện những bất cập cần khắc phục.

Phạm vi nghiên cứu được giới hạn tại thành phố Hà Nội, cho phép đánh giá thực trạng thi hành pháp luật và khám phá những thách thức mà các cơ quan chức năng gặp phải. Điều này không chỉ giúp cung cấp cái nhìn sâu sắc về tình hình hiện tại mà còn hướng tới việc đề xuất các giải pháp khả thi nhằm bảo vệ quyền lợi của trẻ em.

Cách tiếp cận đa chiều và phương pháp nghiên cứu được áp dụng trong nghiên cứu, bao gồm phân tích tài liệu, khảo sát thực tiễn, so sánh quốc tế và đánh giá hiệu quả, sẽ giúp tạo ra cái nhìn toàn diện về vấn đề này. Qua đó, đề tài hướng tới việc phát triển các chính sách và chương trình phù hợp nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng và gia tăng sự tham gia của xã hội trong công tác phòng chống tội phạm mua bán trẻ em. Kết quả của nghiên cứu này không chỉ có giá trị trong việc hoàn thiện khung pháp lý mà còn đóng góp vào công cuộc bảo vệ trẻ em trong xã hội hiện đại.

CHƯƠNG 3: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TỘI MUA BÁN NGƯỜI DƯỚI 16 TUỔI THEO PLHS VIỆT NAM

3.1. Khái niệm về tội mua bán người dưới 16 tuổi

Khái niệm về tội mua bán người dưới 16 tuổi trong Luật hình sự Việt Nam có thể được diễn giải như sau: *“Tội phạm là một hiện tượng xã hội - pháp lý, gắn liền với sự hình thành của nhà nước và hệ thống pháp luật, cũng như với sự xuất hiện của sở hữu tư nhân và sự phân chia xã hội thành các giai cấp có mâu thuẫn.”* [3, tr. 287].

Nhằm bảo vệ quyền lợi của mình, nhà nước quy định những hành vi nào được coi là tội phạm và áp dụng trách nhiệm hình sự đối với cá nhân thực hiện các hành vi này. Theo Điều 8 của BLHS năm 2015, tội phạm được định nghĩa như sau: Tội phạm là hành vi gây nguy hiểm cho xã hội, được quy định trong Bộ luật Hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện, có thể là cố ý hoặc vô ý, xâm phạm đến các yếu tố như độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, cũng như các chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa, quốc phòng, an ninh, trật tự và an toàn xã hội, cùng quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Từ định nghĩa này, có thể rút ra bốn đặc điểm cơ bản của tội phạm: (1) hành vi gây nguy hiểm cho xã hội, (2) do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện, (3) có lỗi và (4) vi phạm quy định của PLHS.

Khái niệm “buôn bán người” được quy định trong nhiều văn bản pháp luật quốc tế, trong đó có Nghị định thư về phòng ngừa, trấn áp và trừng trị việc buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ, trẻ em (Nghị định thư Palermo). Văn kiện này được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua ngày 15 tháng 11 năm 2000 và có hiệu lực ngày 25 tháng 12 năm 2003. Theo quy định của NĐT này, khái niệm buôn bán người (trong đó có phụ nữ, trẻ em) được quy định như sau:

a) “Việc tuyển mộ, vận chuyển, chuyển giao, chứa chấp và nhận người nhằm mục đích bóc lột bằng cách đe dọa dùng bạo lực hay cách thức ép buộc, bắt cóc, lừa gạt, man trá, lạm dụng quyền lực hoặc vị thế để bị tổn thương hay bằng việc cho hoặc nhận tiền hay lợi nhuận để đạt được sự đồng ý của một người kiểm soát đối với người khác vì mục đích bóc lột. Hành vi bóc lột ở đây ít nhất là bao gồm bóc lột vì mục đích mại dâm hoặc các hành vi bóc lột tình dục khác, các hình thức lao động hay dịch vụ cưỡng bức nô lệ hay những hình thức tương tự như nô lệ, khổ sai hay lấy các bộ phận cơ thể.

b) Việc một nạn nhân của nạn buôn bán người chấp nhận sự bóc lột có chủ ý được nêu tại điểm (a) trên đây sẽ không được tính đến nếu bất kỳ một cách thức nào nêu trong điểm (a) đã được sử dụng.

c) Việc tuyển dụng, vận chuyển, chuyển giao, chứa chấp hoặc nhận trẻ em với mục đích bóc lột sẽ bị coi là buôn bán người thậm chí khi không có những hình thức được nêu ở điểm (a) trên đây.

d) Trẻ em có nghĩa là bất kỳ người nào dưới 18 tuổi.”.

Theo quy định trong NĐT Palermo, sự đồng ý của trẻ em không có giá trị pháp lý, và mọi hành vi tuyển mộ, vận chuyển, chuyển giao, chứa chấp hoặc nhận trẻ em nhằm mục đích bóc lột đều được xem là tội buôn bán người, bất kể có sử dụng vũ lực, cưỡng ép, gian dối hay lừa gạt hay không. Đây là định nghĩa chính thức về buôn bán người, phù hợp với tinh thần của Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và NĐT bổ sung về chống buôn bán người. Ngoài NĐT Palermo, một số văn bản pháp luật quốc tế khác cũng đưa ra khái niệm liên quan đến buôn bán người. Mặc dù có nhiều điểm tương đồng với khái niệm trong NĐT, nhưng do được tiếp cận từ các khía cạnh khác nhau, không một khái niệm nào có thể bao quát và đầy đủ như định nghĩa trong NĐT Palermo. Theo quy định không bắt buộc về buôn bán trẻ em, mại dâm trẻ em và văn hóa phẩm khiêu dâm trẻ em, bổ sung cho Công ước về quyền trẻ em, khái niệm mua bán trẻ em được hiểu là “bất kỳ hành động giao

dịch nào mà qua đó trẻ em bị chuyển giao từ một cá nhân hoặc nhóm người này sang một cá nhân hoặc nhóm người khác nhằm thu lợi nhuận hay nhận bất kỳ tài sản nào khác.” Khái niệm này rộng hơn so với khái niệm trong NĐT Palermo, vì không yêu cầu mục đích bóc lột nạn nhân là yếu tố cần thiết để cấu thành tội phạm. Tuy nhiên, khái niệm này lại hẹp hơn, vì chỉ tập trung vào hành vi chuyển giao trẻ em vì lợi ích kinh tế, tức là chỉ điều chỉnh hành vi mua bán. Trong khi đó, NĐT Palermo đề cập đến nhiều hành vi khác nhau liên quan đến buôn bán người như tuyển mộ, vận chuyển, chuyển giao, chứa chấp và nhận người với mục đích bóc lột.

Về khái niệm tội buôn bán người, đặc biệt là tội buôn bán người dưới 16 tuổi, Nghị quyết 02/2019/NQ-HĐTP do Hội đồng thẩm phán TANDTC ban hành hướng dẫn như sau: Mua bán người là việc dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, lừa gạt hoặc thủ đoạn khác thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- Chuyển giao người để nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác;
- Chuyển giao người để người khác bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác;
- Tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp người khác để thực hiện hành vi chuyển giao người
 - Tiếp nhận người để giao tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác,
 - Tiếp nhận người để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác (16, Điều 21. Đối với tội mua bán người dưới 16 tuổi (trước đây gọi là mua bán trẻ em) được quy định, hướng dẫn cụ thể qua các lần pháp điển hóa bộ luật hình sự. Thông tư liên tịch 01/2013/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP-BTP, tại Điều 4, quy định về các thuật ngữ được hiểu như sau:

1. “Mua bán trẻ em” là hành vi dùng tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác để trao đổi trẻ em (người dưới 16 tuổi) như một loại hàng hóa; cụ thể là

một trong các hành vi sau đây:

a) Bán trẻ em cho người khác, không phụ thuộc vào mục đích của người mua;

b) Mua trẻ em để bán lại cho người khác, không phân biệt bán lại cho ai và mục đích của người mua sau này như thế nào;

c) Dùng trẻ em làm phương tiện để trao đổi, thanh toán,

d) Mua trẻ em để bóc lột, cưỡng bức lao động hoặc vì mục đích trái pháp luật khác (49, Điều 4).

Nghị quyết 02/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán TANDTC định nghĩa tội buôn bán người dưới 16 tuổi qua các hành vi sau:

- Chuyển giao người dưới 16 tuổi để nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác, trừ khi vì mục đích nhân đạo.

- Chuyển giao người dưới 16 tuổi để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể, hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác.

- Tuyển mộ, vận chuyển, hoặc chứa chấp người dưới 16 tuổi để thực hiện hành vi chuyển giao.

- Tiếp nhận người dưới 16 tuổi để giao tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác, trừ trường hợp vì mục đích nhân đạo.

- Tiếp nhận người dưới 16 tuổi để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể, hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác.

Có thể nhận thấy sự thay đổi quan trọng trong quy định về tội buôn bán người dưới 16 tuổi giữa BLHS2015 (Điều 151) và BLHS1999 (Điều 120).

Nghiên cứu các quy định PLHS Việt Nam cho thấy khái niệm buôn bán người dưới 16 tuổi có nhiều điểm tương đồng với quy định quốc tế. Tội này được xem là hình sự đối với những hành vi tổ chức, nhiều lần, và nhằm vào các mục đích như lấy bộ phận cơ thể, xuất khẩu trái phép, hoặc phục vụ cho mục đích mại dâm và vô nhân đạo. Bên cạnh đó, mặc dù không được quy định cụ thể trong Bộ luật hình sự, các văn bản hướng dẫn đã chỉ rõ các

phương thức phạm tội như môi giới hôn nhân trái phép với người nước ngoài, đưa người đi lao động nước ngoài trái phép, và môi giới nhận nuôi con nuôi bất hợp pháp.

Tuy nhiên, PLHS Việt Nam vẫn còn nhiều khác biệt, chưa hoàn toàn tương thích với khái niệm buôn bán người theo quy định của pháp luật quốc tế. Một trong những sự khác biệt rõ ràng nhất là quy định trong Luật Trẻ em 102/2016/QH13 của Quốc Hội, có hiệu lực từ ngày 01/06/2017, nêu rõ: “Trẻ em là người dưới 16 tuổi” (Điều 11), có nghĩa là theo quy định của pháp luật Việt Nam, người dưới 16 tuổi được coi là trẻ em. Tuy nhiên, khái niệm này chưa phù hợp với Nghị định thư Palermo và các văn bản pháp lý quốc tế khác, trong đó xác định “trẻ em” là người dưới 18 tuổi. Do đó, khi nạn nhân là người nước ngoài, điều này có thể dẫn đến sự xung đột giữa pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế, từ đó làm giảm hiệu quả của hợp tác quốc tế trong công tác phòng, chống buôn bán người giữa Việt Nam và một số quốc gia.

Từ Điều 151 BLHS năm 2015, Nghị quyết 02/2019/NQ-HĐTP và các quy định quốc tế, có thể đưa ra định nghĩa về tội mua bán người dưới 16 tuổi như sau: *Tội mua bán người dưới 16 tuổi là hành vi xâm phạm quyền tự do, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của trẻ em, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý, vi phạm quyền được bảo vệ, chăm sóc và giáo dục của trẻ em.*

3.2 Dấu hiệu pháp lý của Tội mua bán người dưới 16 tuổi

3.2.1 Khách thể của tội mua bán người dưới 16 tuổi

Trên cơ sở lý luận, dựa vào quy định của BLHS năm 2015 Tội mua bán người dưới 16 tuổi được quy định tại chương XIV - các tội xâm phạm tính mạng sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người. Theo đó, khách thể của tội mua bán người dưới 16 tuổi là quyền bất khả xâm phạm về thân thể, nhân phẩm và danh dự của con người, quyền được nuôi dưỡng chăm sóc, quản lý, giáo dục bởi gia đình (cha mẹ, ông bà, người thân, người giám hộ, cơ sở nuôi

ưỡng, cơ sở bảo trợ...). nhà trường, các cơ quan chức năng cũng như của toàn xã hội. Trẻ em bị coi như một thứ công cụ, phương tiện hay như một thứ “hàng hóa” để các đối tượng phạm tội chiếm đoạt, khai thác hoặc sử dụng vào những mục đích nhất định như bán lấy tiền hoặc lợi ích vật chất khác, khai thác tình dục, bóc lột sức lao động bằng việc bắt ép các em phải làm công việc khổ sai, nặng nhọc.

Đối tượng bị xâm hại bởi tội phạm là người dưới 16 tuổi, bao gồm cả giới tính nam và giới tính nữ. Người dưới 16 tuổi cũng là đối tượng đặc biệt được Nhà nước quan tâm, chăm sóc và bảo vệ.

3.2.2 Mặt khách quan của tội mua bán người dưới 16 tuổi

Về mặt lý luận, mặt khách quan của tội phạm được hiểu là “mặt bên ngoài của tội phạm, bao gồm những biểu hiện của tội phạm diễn ra hoặc tồn tại bên ngoài thế giới khách quan”

Các hành vi khách quan trong Tội mua bán người dưới 16 tuổi thường được biểu hiện như rủ rê, lôi kéo, dụ dỗ, lừa dối người dưới 16 tuổi theo người phạm tội hoặc người phạm tội có thể mua để nuôi, rồi đem bán với động cơ, mục đích vụ lợi. Trong thực tiễn đã xảy ra việc tấn công bắt cóc người dưới 16 tuổi để bán qua Trung Quốc. Người phạm tội cũng coi người dưới 16 tuổi như hàng hóa để mua, bán, trao đổi lấy tiền, hàng hóa hoặc các lợi ích vật chất khác. Đối tượng của việc mua bán là con người dưới 16 tuổi, không phân biệt giới tính (nam hay nữ) và người phạm tội cũng phải nhận thức được hành vi của mình là hành vi mua bán thì mới là hành vi phạm tội. Những người thực hiện ở các vai trò chủ mưu, tổ chức, xúi giục hoặc giúp sức cho người thực hiện hành vi mua bán người dưới 16 tuổi đều phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm.

Về mặt khách quan, tội phạm mua bán người dưới 16 tuổi bao gồm 3 nhóm hành vi:

Nhóm hành vi khách quan thứ nhất: Hành vi chuyển giao hoặc tiếp

nhận người dưới 16 tuổi để giao nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trừ trường hợp vì mục đích nhân đạo. Đây là nhóm hành vi được kể thừa theo quy định tại khoản 1 Điều 120 BLHS năm 1999. “*Xét về bản chất, đây là hành vi dùng tiền đồng hoặc phương tiện thanh toán khác như vàng, ngoại tệ... để trao đổi mua bán người như hàng hóa*”. Hành vi chuyển giao người dưới 16 tuổi được hiểu là hành vi giao người dưới 16 tuổi cho người khác nhận. Còn tiếp nhận người dưới 16 tuổi là hành vi đón nhận người dưới 16 tuổi từ người khác, nơi khác chuyển giao cho.

Ví dụ cụ thể trong bản án số 68/2019/HS-ST ngày 13/1 1/2019 của TAND tỉnh Lạng Sơn như sau: La Thị H biết người đàn ông Trung Quốc tên S không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) đang tìm phụ nữ Việt Nam, La Thị H đã chủ động liên hệ được S đặt vấn đề nhờ La Thị H tìm phụ nữ đưa sang Trung Quốc giao cho S thì S sẽ cho tiền. La Thị H biết Nông Thị T chưa đủ 16 tuổi, nhà ở cùng xã nên đã nảy sinh ý định lừa đưa Nông Thị T sang Trung Quốc giao cho S để lấy tiền tiêu. La Thị H lấy lý do làm thuê ở Trung Quốc lương tháng từ 2.500 đến 3000CNY để dụ dỗ làm Nông Thị T tưởng thật và đã đồng ý. Ngay sau khi Nông Thị T nhận lời La Thị H dặn Nông Thị T không được nói cho ai biết việc đi sang Trung Quốc làm. Sau đó, La Thị H đã điện thoại cho S thống nhất địa điểm giao nhận người. Ngày 23-3-2016, La Thị H báo và hẹn hôm sau sẽ đón Nông Thị T tại cầu P thuộc thôn N, xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn để đưa sang Trung Quốc và dặn Nông Thị T không được nói cho ai biết.

Khoảng 19 giờ ngày 24-3-2016, La Thị H bảo La Đức Q chở Nông Thị T cùng H đi theo hướng đến cửa khẩu N. Khi đi đến thị trấn R, huyện T, tỉnh Lạng Sơn thì La Thị H xuống xe, đi cùng người đàn ông lái xe ôm tên K do La Thị H đã điện thoại hẹn trước, còn La Đức Q chở Nông Thị T. Khi đi đến nơi giao nhau giữa đường Quốc lộ với đường mòn tuần tra biên giới thì La Thị H bảo dừng lại và trả tiền công cho K 70.000 đồng. Lúc này, La Thị H

bảo La Đức Q chờ rồi dẫn Nông Thị T đi bộ theo đường mòn tuần tra biên giới đến địa điểm đã hẹn người đàn ông tên S đã đứng đợi sẵn La Thị H bảo Nông Thị T đi theo S để sang Trung Quốc làm trước, 2 đến 3 ngày nữa La Thị H sang sau. Nông Thị T tưởng thật đã đi theo người tên S vào sâu đất Trung Quốc. La Thị H nhận của S 500CNY rồi đi về chỗ La Đức Q đang đứng đợi để cùng nhau đi về nhà.

Như vậy, trong vụ án này La Thị H đã thực hiện hàng loạt các hành vi gồm lừa gạt để Nông Thị T tin là H đưa T sang Trung Quốc làm thuê, sau đó La Thị H đã thực hiện hành vi chuyển giao Nông Thị T cho người đàn ông tên S và nhận số tiền 500CNY

Nhóm hành vi khách quan thứ hai: Hành vi chuyển giao hoặc tiếp nhận người dưới 16 tuổi để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác. Trong đó bóc lột tình dục được hiểu là *“ép buộc người khác bán dâm làm đối tượng để sản xuất ấn phẩm khiêu dâm, trình diễn khiêu dâm hoặc làn nô lệ tình dục”*. Còn cưỡng bức lao động được hiểu là *“dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc các thủ đoạn khác nhằm buộc người khác lao động trái ý muốn của họ”*. Hành vi này được thể hiện qua vụ án tại bản án 38/2018/HS-ST ngày 11/05/2018 của TAND Thành phố Hải Phòng vụ án được tóm tắt như sau:

Thông qua mạng xã hội, Đặng Vũ Vu, sinh năm 1989, trú tại: Tổ 1 HK, phường KD, quận LC, thành phố Hải Phòng và Trần Sỹ D, sinh năm 1990; trú tại: Số 172 LC, quận NQ, thành phố Hải Phòng làm quen và đưa cháu Nguyễn B Ph, sinh ngày 03/12/1992; trú tại. Số 2/134 đường DH, quận LC, thành phố Hải Phòng sang Trung Quốc để bản lấy tiền ăn tiêu.

Ngày 15/12/2006, sau khi đưa được cháu Ph sang Trung Quốc, V và D đã đưa cháu Ph đến nhà trọ của Hồ Lô Tùng Cái, Đông Hưng, Trung Quốc Tại đây, H thông báo với Q đến để xem mặt cháu Ph. Sau khi xem mặt cháu Ph, Q đồng ý mua và dặn H khi nào Q gọi đến thì H đưa cháu Ph đến cho Q

Khoảng 17h cùng ngày, sau khi nhận thông báo của Q. H bảo Hoàng Thị M sinh năm 1985; trú tại: Số 90/48 Tôn Đức Thắng, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng (là người ở cùng nhà trọ với H) đưa cháu Ph đến chợ Coạc Mầu, thị trấn Đông Hưng, Trung Quốc giao cho Q và một người đàn ông Trung Quốc. Q đưa cho Hà 500 NDT để chuyển lại cho H, còn Q được Phì Chảy trả cho 100 NDT. Cháu Ph bị đưa vào nhà hàng tại Trung Quốc và bị ép bán dâm ngày 08/01/2007 được gia đình giải cứu đưa về Việt Nam. Trong vụ án này cháu Ph đã bị đem bán và bị ép bán dâm.

- Nhóm hành vi khách quan thứ ba: Hành vi tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp người dưới 16 tuổi để thực hiện hành vi thuộc nhóm thứ nhất/ thứ hai.

Tuyển mộ dưới góc độ ngôn ngữ được hiểu là "tuyển chọn người một cách rộng rãi để tổ chức thành lực lượng làm gì đó". Theo đó tuyển mộ người dưới 16 tuổi ở trong điều luật này có thể được xác định là những hành vi tuyển lựa, lựa chọn người dưới 16 tuổi để thực hiện các hành vi như chuyển giao, tiếp nhận nhằm để giao, nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác (trừ trường hợp vì mục đích nhân đạo) hay để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác.

Ngoài ra điểm c khoản 2 Điều 151 BLHS năm 2015 còn quy định các hành vi như vận chuyển người dưới 16 tuổi (hành vi mang, chuyển người dưới 16 tuổi từ nơi này đến nơi khác thông qua các phương tiện khác nhau) và hành vi chứa chấp người dưới 16 tuổi cũng để thực hiện các hành vi như chuyển giao, tiếp nhận nhằm vào các mục đích như tác giả đã trình bày ở trên.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 151 BLHS năm 2015, người phạm tội có thể thực hiện các nhóm hành vi khách quan đã phân tích ở trên bằng bất cả phương thức, thủ đoạn nào, có thể là dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, lừa gạt, gian dối, mua chuộc hay bất kỳ phương thức, thủ đoạn khác.

Hậu quả của tội mua bán người dưới 16 tuổi là việc nạn nhân bị đưa ra

mua bán, trao đổi như hàng hóa, danh dự, nhân phẩm của họ bị chà đạp. Họ có thể bị bóc lột sức lao động, bị bóc lột tình dục, bị khổ sai, bị đánh đập và cũng có thể bị sử dụng vào những mục đích vô nhân đạo khác.

Nghiên cứu quy định Điều 151 BLHS năm 2015 có thể thấy rằng hậu quả của tội phạm không phải là dấu hiệu bắt buộc trong việc xác định tội danh, tuy nhiên hậu quả trong trường hợp này có ý nghĩa rất quan trọng trong việc đánh giá về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội

Tội mua bán người dưới 16 tuổi được coi là hoàn thành khi người phạm tội đã thực hiện được các hành vi khách quan đã được đề cập ở trên.

3.2.3 Mặt chủ quan của tội mua bán người dưới 16 tuổi

Hoạt động của con người là hoạt động có ý thức, bao giờ hoạt động cũng thống nhất hai mặt chủ quan và khách quan. Mặt chủ quan của tội phạm là diễn biến tâm lý của tội phạm bao gồm các dấu hiệu: lỗi, động cơ, mục đích của tội phạm. Phân tích mặt chủ quan của tội mua bán người dưới 16 tuổi gồm các vấn đề sau:

Nghiên cứu quy định tại Điều 151 BLHS năm 2015 tác giả cho rằng lỗi trong tội mua bán người dưới 16 tuổi là lỗi cố ý trực tiếp, có nghĩa là người phạm tội mua bán người dưới 16 tuổi nhận thức hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó và mong muốn thực hiện hành vi để đạt được những mục đích nhất định. Thực tế đã chứng minh rằng người phạm tội mua bán người dưới 16 tuổi biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật xong vì mục đích khác nhau mà bất chấp pháp luật để thực hiện hành vi phạm tội.

Tuy nhiên, có một vấn đề tác giả cho rằng, đánh giá lỗi của loại tội này là lỗi cố ý trực tiếp, khi nhận biết rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, trong đó phải bao gồm cả nhận thức rõ về đối tượng nạn nhân là người dưới 16 tuổi. Đây là dấu hiệu khác biệt với trường hợp mua bán người tại Điều 150 BLHS. Trong tội mua bán người, người phạm tội chỉ cần nhận biết

rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, biết rõ việc mua bán người là trái pháp luật mà vẫn thực hiện thì đủ để xác định lỗi cố ý trực tiếp. Nhưng tội mua bán người dưới 16 tuổi, người phạm tội phải biết rõ đối tượng nạn nhân là người dưới 16 tuổi, do vậy mới coi hành vi mua bán đối tượng này có mức nguy hiểm cao hơn so với tội mua bán người

Thực tế ở một số tòa án hiện nay khi áp dụng tội phạm tại Điều 151 BLHS chỉ cần đối tượng nạn nhân là người dưới 16 tuổi mà không quan tâm đến người phạm tội có biết nạn nhân đang ở độ tuổi dưới 16 hay không. Đây là một vấn đề cần được hướng dẫn thống nhất trong quá trình áp dụng.

Nhiều vụ án cho thấy, có trường hợp người phạm tội không thể nào nhận biết được bị hại là người dưới 16 tuổi với các lý do khách quan như: bị hại phát triển gần như trưởng thành thậm chí có những em gái dưới 16 tuổi còn cao và nặng hơn nhiều phụ nữ trưởng thành nên về mặt hình thức không thể nhận biết bị hại là người dưới 16 tuổi, có trường hợp bị hại cũng cố tình che giấu tuổi thật của mình như không nói tuổi, giấu chứng minh nhân dân... Chính vì lý do đó người phạm tội không thể xác định được nạn nhân mà mình mua bán là người dưới 16 tuổi. Những trường hợp này, thực tế người phạm tội chỉ nhận thức được việc mua bán người giống như người phạm tội bị truy tố theo Điều 150 BLHS. Việc xét xử như thực tiễn hiện nay là chưa phù hợp với vấn đề lý luận về lỗi cố ý trực tiếp

Về dấu hiệu động cơ phạm tội: động cơ phạm tội mua bán người dưới 16 tuổi là động lực bên trong thúc đẩy người phạm tội thực hiện hành vi mua bán người dưới 16 tuổi. Đối với loại tội phạm này, động cơ phạm tội không phải là dấu hiệu bắt buộc, nhưng lại là dấu hiệu định khung tăng nặng quy định tại điểm g khoản 2 Điều 151 BLHS năm 2015. “vi động cơ đê hèn”.

Về dấu hiệu mục đích: Mục đích tuy là dấu hiệu thuộc mặt chủ quan của tội phạm nhưng không phải luôn luôn có ý nghĩa quyết định tính nguy hiểm của tội phạm, nên cũng không phải là dấu hiệu đặc trưng của tội phạm

này. Trên thực tế, mục đích của tội phạm mua bán người dưới 16 tuổi rất đa dạng, như để khai thác tình dục (mục đích mại dâm); để bán lấy tiền (mục đích vụ lợi), để khai thác, bóc lột sức lao động, bắt làm các công việc nặng nhọc, khổ sai (mục đích vô nhân đạo). Mục đích của tội phạm mua bán người dưới 16 tuổi được các nhà làm luật quy định là những dấu hiệu định khung tăng nặng tại điểm b khoản 1 Điều 151 BLHS năm 2015. "vì mục đích vô nhân đạo"; điểm đ khoản 2: "đưa nạn nhân ra khỏi biên giới nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam".

Khi xác định các tình tiết là yếu tố định tội, trong đó vì mục đích nhân đạo thì không bị coi là tội phạm. Ví dụ có thể là trường hợp người biết người khác thực sự có nhu cầu nuôi con nuôi (do hiếm muộn hoặc có lòng yêu trẻ) đã môi giới cho người này xin con nuôi của người vì hoàn cảnh gia đình khó khăn không có điều kiện nuôi con muốn cho con đẻ của mình đi làm con nuôi và có nhận một khoản tiền từ việc cho con và việc môi giới. Đây là trường hợp vì mục đích nhân đạo nên người môi giới, người cho con mình đi làm con nuôi

3.2.4. Chủ thể của tội mua bán người dưới 16 tuổi

Chủ thể của tội phạm là cá nhân phải là người có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi nhất định và đã thực hiện hành vi phạm tội cụ thể.

Chủ thể của tội phạm mua bán người dưới 16 tuổi là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đạt độ tuổi luật định và thực hiện hành vi phạm tội theo quy định của tội này

Đề được coi là có năng lực trách nhiệm hình sự khi phạm tội này, người phạm tội phải đạt độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và không thuộc trường hợp ở trong tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự.

Theo khoản 2 Điều 12 BLHS năm 2015 quy định về tuổi chịu trách nhiệm hình sự và tội mua bán người dưới 16 tuổi là tội phạm rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng nên về nguyên tắc chủ thể của tội mua bán người

dưới 16 tuổi là người có năng lực trách nhiệm hình sự, từ đủ 14 tuổi trở lên và đã thực hiện hành vi phạm tội này

Trong thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm mua bán người dưới 16 tuổi thường gặp người phạm tội là người đã thành niên, ít trường hợp người đủ 14 tuổi phạm tội.

3.3. Hình phạt áp dụng đối với Tội mua bán người dưới 16 tuổi theo pháp luật hình sự Việt Nam

Đối với tội mua bán người dưới 16 tuổi, Điều 151 BLHS năm 2015 quy định khung hình phạt cơ bản và khung tăng nặng cụ thể

3.3.1. Khung hình phạt cơ bản (khoản 1 Điều 151 BLHS năm 2015)

Khoản 1 Điều 151 BLHS năm 2015 quy định “Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm a) Chuyển giao hoặc tiếp nhận người dưới 16 tuổi để giao, nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trừ trường hợp vì mục đích nhân đạo, b) Chuyển giao hoặc tiếp nhận người dưới 16 tuổi để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác, c) Tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp người dưới 16 tuổi để thực hiện hành vi quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản này.

Về hình phạt tại khoản 1 Điều 151 BLHS năm 2015 có thể thấy, hình phạt được áp dụng đối với người phạm tội mua bán người dưới 16 tuổi là rất nghiêm khắc do tính chất rất nguy hiểm của nó, không chỉ có khả năng gây tác hại lớn đối với sự phát triển lành mạnh của trẻ em và đối với hạnh phúc gia đình mà còn cả đối với trật tự an toàn xã hội. Khoản I quy định khung hình phạt từ 07 năm đến 12 năm, là tội phạm rất nghiêm trọng.

So với khoản 1 Điều 149 BLHS năm 1985 và khoản 1 Điều 120 BLHS năm 1999 thì khoản 1 Điều 151 BLHS năm 2015 quy định mức hình phạt nặng hơn rất nhiều. Khoản 1 Điều 149 BLHS 1985 quy định "người nào bắt trộm, mua bán hoặc đánh tráo trẻ em thì bị phạt tù từ một năm đến bảy năm"

và khoản 1 Điều 120 BLHS năm 1999 quy định "người nào mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em dưới bất kì hình thức nào thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm. Khoản 1 Điều 151 BLHS năm 2015 mức phạt đến 12 năm. Qua quy định, mức hình phạt ngày càng nghiêm khắc cho thấy chính sách hình sự của nhà nước ta đặt vấn đề bảo vệ trẻ em, bảo vệ người dưới 16 tuổi là rất quan trọng.

Một số nội dung của các dấu hiệu trong cấu thành cơ bản đã được giải thích tại Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 hướng dẫn áp dụng Điều 150 về tội mua bán người và Điều 151 về tội mua bán người dưới 16 tuổi (sau đây gọi là Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐTP). Một số tình tiết cụ thể như: “Đẻ bóc lột tình dục” là trường hợp chuyển giao, tiếp nhận hoặc tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp nạn nhân nhằm chuyển giao cho người khác để thực hiện các hoạt động bóc lột tình dục (như tổ chức cho nạn nhân bán dâm, đưa nạn nhân đến các cơ sở chứa mại dâm để bán dâm, sử dụng nạn nhân để sản xuất ấn phẩm khiêu dâm, trình diễn khiêu dâm, làm nô lệ tình dục...) hoặc tiếp nhận nạn nhân để phục vụ nhu cầu tình dục của chính mình,

“Đẻ cưỡng bức lao động” là việc dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc các thủ đoạn khác nhằm buộc nạn nhân lao động trái ý muốn của họ; “Đẻ lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân là trường hợp chuyển giao, tiếp nhận hoặc tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp nạn nhân để chuyển giao nhằm lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân. Bộ phận cơ thể là một phần của cơ thể được hình thành từ nhiều loại mô khác nhau để thực hiện các chức năng sinh lý nhất định của con người. Ví dụ Nguyễn Văn A đã chuyển giao Nguyễn Thị C cho Nguyễn Văn B để B lấy giác mạc của C (trên thực tế B chưa có hành vi lấy giác mạc của C).

“Vi mục đích vô nhân đạo khác” là sử dụng nạn nhân để làm thí nghiệm, buộc nạn nhân phải đi ăn xin hoặc sử dụng nạn nhân nhằm đạt được các mục

đích tàn ác khác.

3.2.2. Khung hình phạt tăng nặng (khoản 2 Điều 151 BLHS 2015)

Khoản 2 Điều 151 BLHS năm 2015 quy định Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm

- a) Lợi dụng chức vụ quyền hạn;
- b) Lợi dụng hoạt động cho, nhận con nuôi để phạm tội
- c) Đối với từ 02 người đến 05 người
- d) Đối với người mà mình có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng;
- đ) Đưa nạn nhân ra khỏi biên giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa

Việt Nam.

e) Phạm tội 02 lần trở lên;

g) Vì động cơ đê hèn;

h) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%, nếu không thuộc trường hợp quy định tại điểm d khoản 3 Điều này.

Các dấu hiệu định khung hình phạt bao gồm:

a) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn

Là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn và đã sử dụng chức vụ, quyền hạn để một cách trái phép nhằm mục đích thực hiện các hành vi quy định trong tội mua bán người dưới 16 tuổi. Hành vi để gây thiệt hại cho lợi ích của Nhà nước, của tổ chức xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân và ảnh hưởng trực tiếp đến nạn nhân của tội phạm (người dưới 16 tuổi) là do người có chức vụ, quyền hạn thực hiện và có liên quan trực tiếp đến chức vụ, quyền hạn của người phạm tội, nếu họ không có chức vụ, quyền hạn đó thì họ khó có thể thực hiện được hành vi đó. Ví dụ người lãnh đạo quản lý trại trẻ mồ côi, cơ nhỡ ... đã lợi dụng chức vụ quyền hạn để thực hiện việc mua bán trẻ em

Theo BLHS năm 2015 người có chức vụ quyền hạn không chỉ bao gồm

nhưng người làm trong các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, mà còn bao gồm cả những người làm việc trong các cơ quan, tổ chức phi chính phủ và trong các doanh nghiệp ngoài nhà nước.

b) Lợi dụng hoạt động cho nhận con nuôi để phạm tội

Điều 7 Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐTP quy định truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp sử dụng thủ đoạn môi giới nuôi con nuôi

Người sử dụng thủ đoạn môi giới nuôi con nuôi dưới 16 tuổi bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội mua bán người dưới 16 tuổi theo quy định tại Điều 151 của BLHS nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây. Biết mục đích của người nhận nuôi con nuôi dưới 16 tuổi là để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể, bán cho người khác hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác nhưng vẫn chuyển giao nạn nhân để nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác, Lợi dụng việc cho nhận con nuôi để tiếp nhận con nuôi là người dưới 16 tuổi để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác; Lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác để môi giới nhận nuôi con nuôi dưới 16 tuổi trái pháp luật hoặc tạo điều kiện cho việc môi giới, nhận nuôi con nuôi trái pháp luật mà biết mục đích của người nhận nuôi con nuôi là nhằm bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác

Trường hợp phạm tội này cũng có thể thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 của điều luật nhưng cũng có thể không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 của điều luật. Tuy nhiên, dù là người có chức vụ quyền hạn hay không thì người phạm tội cũng phải lợi dụng hoạt động cho, nhận con nuôi để thực hiện hành vi mua bán người dưới 16 tuổi.

c) Đối với từ 02 người đến 05 người

Đây là trường hợp phạm tội 01 lần đối với từ 02 người đến 05 người hoặc phạm tội 02 lần trở lên đối với từ 02 người đến 05 người, chưa hết thời

hiệu truy cứu TNHS, được đưa ra truy tố, xét xử cùng một lúc. Trường hợp phạm tội đối với từ 02 người đến 05 người thực hiện 02 lần trở lên thì cùng với việc truy cứu TNHS theo điểm c khoản 2 Điều 151 BLHS, người phạm tội còn phải bị áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 BLHS.

Trước đây BLHS 1999 gọi là “phạm tội đối với nhiều trẻ em”. Tuy nhiên, đến BLHS năm 2015 quy định giới hạn số nạn nhân từ 02 đến 05 trẻ em, còn nếu từ 06 trẻ em trở lên thì nhà làm luật quy định tại điểm e khoản 3 của Điều 151 BLHS năm 2015 . Khi áp dụng tình tiết này, cần chú ý tất cả nạn nhân đều dưới 16 thì người phạm tội mới bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo điểm c khoản 2 Điều 151 BLHS năm 2015, nếu có 02 người đến 05 người nhưng trong đó có người đã đủ 16 tuổi trở lên thì người phạm tội còn bị truy cứu trách nhiệm hình sự thêm tội “mua bán người” quy định tại Điều 150 BLHS năm 2015 .

Có thể thấy rõ tình tiết phạm tội này qua bản án số 82/2020/HS-ST ngày 22/06/2020 của TAND tỉnh Quảng Ninh như sau. Ngày 04/10/2019, Bị cáo Võ Thị L đã có hành vi đưa 2 cháu Phạm Ngọc D (sinh ngày 04/9/2005) và Tống Thị Ảnh Ng (sinh ngày 17/01/2004) từ tỉnh Bạc Liêu –Việt Nam sang Trung Quốc giao cho người đàn ông Trung Quốc (lấy làm vợ), để L được nhận tiền từ 50.000 nhân dân tệ đến 60.000 nhân dân tệ/1 người. Trong khi L đưa cháu D và cháu Ng từ Bạc Liêu đến nhà nghỉ Trung Hiền, thuộc khu 1, phường Trần Phú, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh, thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Móng Cái phát hiện bắt giữ. Để thực hiện hành vi trên, Bị cáo L còn có hành vi thuê người khác làm giả 01 chứng minh nhân dân cho cháu Tống Thị Ảnh Ng và đã dùng chứng minh giả này mua vé máy bay, làm giấy thông hành để đưa cháu Ng từ Bạc Liêu sang Trung Quốc, gã bán cho người đàn ông Trung Quốc lấy Nguyệt làm vợ. Hành vi của bị cáo Võ Thị L đã cấu thành tội “Mua bán người dưới 16 tuổi” thuộc

trường hợp “đôi với từ 02 đến 05 người”, “đưa nạn nhân ra khỏi biên giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” theo điểm c, đ khoản 2 Điều 151 BLHS năm 2015 và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” thuộc trường hợp “Sử dụng tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng”, theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 BLHS,

Với hành vi như trên TAND tỉnh Quảng Ninh đã áp dụng điểm c, đ khoản 2 Điều 151, điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 15, khoản 3 điều 57, điểm a khoản 1 Điều 55 –BLHS, Xử phạt bị cáo Võ Thị L 08 (tam) năm tù về tội “Mua bán người dưới 16 tuổi” và 03 (ba) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; Cộng hình phạt 02 tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 11(mười một)năm tù, Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 05/10/2019.

Như vậy với hành vi bán 02 cháu Phạm Ngọc D và Tống Thị Ảnh Ng của bị cáo Võ Thị L đã phạm tội mua bán người dưới 16 tuổi với tình tiết phạm tội với từ 02 đến 05 người.

d) Đối với người mà mình có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng

Đây là trường hợp phạm tội đối với người mà người phạm tội được giao trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng do quan hệ gia đình (cô, đi, chú, bác,...) của nạn nhân hay do tính chất nghề nghiệp (nhân viên làm trong các trại trẻ mồ côi,..). Tuy nhiên cũng có trường hợp vì lạc hậu hoặc vì lý do mâu thuẫn trong gia đình hay có thể do mê tín dị đoan nên người cha hoặc người mẹ đã đem bán con cho người khác làm con nuôi hoặc bán cho người nước ngoài. Nếu bán ra nước ngoài còn chịu thêm tình tiết quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 151 BLHS năm 2015. Tình tiết tăng nặng này được áp dụng cụ thể trong bản án số 87/2019/HS-ST ngày 18/07/2019 của TAND tỉnh Nghệ An như sau:

Nội dung vụ án Do biết được Ven Thị L, sinh năm 1993, trú tại Bản N,

xã B, huyện K, tỉnh Nghệ An mới sinh con nhưng không muốn nuôi nên ngày 13/11/2018, Cụt Thị Th, sinh năm 1986, trú tại bản Kéo Pha Tu, xã B, huyện K, tỉnh Nghệ An, Ven Thị X, sinh năm 1985 và chồng là Moong Văn Th, sinh năm 1980 đều trú tại Bản Ph, xã Ph, huyện K, tỉnh Nghệ An bản bạc, thống nhất với Ven Thị L mang cháu Ven Thị Thanh H, sinh ngày 28/10/2018 (con đẻ của L) bán cho một người phụ nữ ở Ngã 3, thị trấn Diễn Châu, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An (người phụ nữ này Ven Thị X quen qua điện Th, không rõ tên, tuổi và địa chỉ cụ thể) với giá 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng. Sau khi nhận được tiền thì Ven Thị L sẽ trả tiền công cho Cụt Thị Th 5.000.000 (năm triệu) đồng, Ven Thị X và Moong Văn Th 3.000.000 (Ba triệu) đồng Trên đường Cụt Thị Th mang cháu Ven Thị Thanh H đi giao bản khi đến trước khách sạn Mừng Thanh thuộc khối 2, thị trấn Con Cuông, huyện Con Cuông thì bị phát hiện, bắt giữ.

Ngày 14 và 16 tháng 11 năm 2018, Ven Thị L, Ven Thị X, Moong Văn Th đã đến Công an huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An đầu thú về hành vi phạm tội của mình và khai báo toàn bộ sự việc như đã nêu trên. Như vậy, hành vi của bị cáo Ven Thị L đã phạm vào tội “Mua bán người dưới 16 tuổi” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 151 của BLHS; bị cáo Ven Thị X, Moong Văn Th, Cụt Thị Th đã phạm vào tội “Mua bán người dưới 16 tuổi” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 151 của BLHS năm 2015. Với hành vi như trên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã tuyên bố bị cáo Ven Thị L, Cụt Thị Th, Ven Thị X, Moong Văn Th (tên gọi khác Moong Văn C) phạm tội “Mua bán người dưới 16 tuổi”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 151 (đối với người mà mình có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng), điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 15, Điều 57 BLHS Xử phạt bị cáo Ven Thị L 08 (Tám) năm tù...

Như vậy hành vi bán con đẻ của chính mình nên Ven Thị L đã bị áp dụng tiền tiết theo điểm d khoản 2 Điều 151 BLHS năm 2015.

đ) Đưa nạn nhân ra khỏi biên giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐTP quy định

3. Đưa nạn nhân ra khỏi biên giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định tại điểm a khoản 2 Điều 150 và điểm đ khoản 2 Điều 151 của BLHS là trường hợp người phạm tội đã hoặc đang đưa nạn nhân ra khỏi biên giới quốc gia trên đất liền trên biển, trên không của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Cũng được coi là đưa nạn nhân ra khỏi biên giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nếu đã thực hiện thủ tục xuất cảnh đối với nạn nhân.

Người phạm tội có thể dùng thủ đoạn môi giới con nuôi trái pháp luật để chuyển giao người dưới 16 tuổi ra khỏi biên giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam để cho phía người nước ngoài bản người dưới 16 tuổi cho người khác. Trường hợp tổ chức, môi giới hoặc cưỡng ép người dưới 16 tuổi trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép không nhằm mục đích bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể hoặc không vì mục đích vô nhân đạo khác thì không bị truy cứu TNHS về tội mua bán người dưới 16 tuổi. Trường hợp nếu thỏa mãn dấu hiệu của tội tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép hoặc tội cưỡng ép người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép, thì người thực hiện hành vi sẽ bị truy cứu TNHS về các tội phạm này. Nếu người làm việc trong các trại trẻ mồ côi, mà lợi dụng chức vụ, quyền hạn để bản trẻ em dưới 16 cho người nước ngoài đưa ra khỏi biên giới nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam dưới hình thức nhận làm con nuôi thì người phạm tội bị áp dụng 4 tình tiết định khung hình phạt quy định tại các điểm a, b, d và đ khoản 2 Điều 151 BLHS năm 2015.

e) Phạm tội 02 lần trở lên

Khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐTP quy định

4. Phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm e khoản 2 Điều 150 và điểm e khoản 2 Điều 151 của BLHS là trường hợp người phạm tội đã thực hiện hành vi phạm tội mua bán người hoặc mua bán người dưới 16 tuổi từ 02 lần trở lên nhưng đều chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự và chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự

Ví dụ Ngày 15-6-2018, Nguyễn Văn A có hành vi mua bán người dưới 16 tuổi. Ngày 20-7-2018, A lại có hành vi mua bán người khác dưới 16 tuổi và bị bắt giữ. Cả hai lần phạm tội trên, Nguyễn Văn A đều chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội mua bán người dưới 16 tuổi. Trong trường hợp này, Nguyễn Văn A bị truy cứu trách nhiệm về tội mua bán người dưới 16 tuổi theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 151 của BLHS.

Như vậy, có thể hiểu phạm tội 02 lần trở lên là trường hợp người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội 02 lần trở lên mà những lần đó chưa bị xử lý về hình sự, chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS, được đưa ra truy tố xét xử cùng một lần Trường hợp người phạm tội thực hiện tội phạm 02 lần trở lên đối với từ 02 đến 05 người thì người đó bị áp dụng cả 2 tình tiết định khung hình phạt “đối với từ 02 đến 05 người” và “phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm c, e khoản 2 Điều 151 BLHS. g) Vì động cơ đê hèn

Khoản 2 Điều 3 Nghị quyết 02/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn

2. Vì động cơ đê hèn quy định tại điểm b khoản 2 Điều 150 và điểm g khoản 2 Điều 151 của BLHS là trường hợp người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội để trả thù, phạm tội để trốn tránh trách nhiệm của bản thân phạm tội đối với người mà mình mang ơn hoặc những hành vi phạm tội khác thể hiện sự bội bạc, phản trắc.

Khi nói đến “đê hèn” là nói đến tính chất của hành vi mà người phạm tội thực hiện nhưng pháp luật quy định “vì động cơ đê hèn” chứ không quy định phạm tội có tính chất đê hèn hay thủ đoạn đê hèn hoặc hành động đê hèn

để nói lên thái độ chủ quan của người phạm tội. Theo từ điển “đê hèn” là tính từ thể hiện tình hèn hạ, thấp kẻ đến mức đáng khinh bỉ, “đê hèn” đồng nghĩa với “đê mặt, đốn hèn”, trái với “cao thượng” Động cơ đê hèn là người phạm tội thực hiện tội phạm với động cơ rất xấu xa, thấp hèn, đáng khinh bỉ, không kể gì đến danh dự, nhân phẩm, tư cách của một con người. Động cơ của người phạm tội mang tính chất hèn nhát, bợ bạc, phản trắc, ích kỷ;

Tuy nhiên, cho đến nay vẫn chưa có văn bản nào hướng dẫn cụ thể thế nào là “mua bán người với động cơ đê hèn”.

Theo tác giả, hành vi của cha mẹ hoặc người nuôi dưỡng bán con dưới 16 tuổi để có tiền trả nợ do đánh bạc. Đây có thể được coi người phạm tội có tình tiết tăng nặng tại điểm d, g khoản 2 Điều 151 BLHS năm 2015.

h) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%, nếu không thuộc trường hợp quy định tại điểm d khoản 3 Điều này.

Đây là trường hợp người phạm tội thực hiện các hành vi trực tiếp hoặc gián tiếp làm ảnh hưởng đến sức khỏe, tinh thần, danh dự, nhân phẩm của nạn nhân với tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến dưới 60% nhưng không thuộc trường hợp đã lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân. Nếu lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân mà làm nạn nhân bị tổn hại sức khỏe hoặc rối loạn tâm thần và hành vi mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% thì người phạm tội bị áp dụng điểm d khoản 3 của điều luật chứ không áp dụng điểm h khoản 2 của điều luật nữa.

3.2.3. Khung hình phạt tăng nặng (khoản 3 Điều 151 BLHS 2015)

Khoản 3 Điều 151 BLHS năm 2015 quy định.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 18 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân: a) Có tổ chức; b) Có tính chất chuyên nghiệp; c) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm

thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; d) Đã lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân; đ) Làm nạn nhân chết hoặc tự sát; đ) Đối với 06 người trở lên; e) Tái phạm nguy hiểm.

Theo đó, các dấu hiệu định khung hình phạt cụ thể như sau

a) Có tổ chức

Khoản 1 Điều 3 Nghị quyết 02/2019/NQ-HĐTP quy định “1. Có tổ chức quy định tại điểm a khoản 2 Điều 150 và điểm a khoản 3 Điều 151 của BLHS là hình thức đồng phạm có sự cấu kết chặt chẽ và phân công sắp đặt vai trò của những người cùng thực hiện tội phạm”.

Phạm tội có tổ chức mua bán người dưới 16 tuổi đòi hỏi phải có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm Trường hợp cơ quan điều tra chỉ bắt được người thực hành, còn người tổ chức thường “giấu mặt” thì cơ quan Điều tra cần chứng minh để xác định trường hợp mua bán người dưới 16 tuổi có phải là phạm tội có tổ chức hay là đồng phạm thông thường

Trường hợp phạm tội có tổ chức mà người phạm tội là người đồng phạm với những người khác thực hiện tội phạm 02 lần trở lên theo một kế hoạch thống nhất trước mà những lần đó chưa bị xử lý về hình sự, chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS, được đưa ra truy tố xét xử cùng một lúc, thì cùng với việc áp dụng tình tiết định khung hình phạt tại điểm a khoản 3 Điều 151 BLHS, người phạm tội còn bị áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS “phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS

b) Có tinh chất chuyên nghiệp

Khoản 5 Điều 3 Nghị quyết 02/2019/NQ-HĐTP quy định

5. Có tinh chất chuyên nghiệp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 150 và điểm b khoản 3 Điều 151 của BLHS là trường hợp người phạm tội thực hiện hành vi mua bán người hoặc mua bán người dưới 16 tuổi từ 05 lần trở lên (không phân biệt đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự hay chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc

chưa được xóa án tích) và người phạm tội lấy khoản lợi bất chính thu được từ việc mua bán người hoặc mua bán người dưới 16 tuổi làm nguồn sống chính

Từ quy định trên có thể hiểu tình tiết tăng nặng có tính chất chuyên nghiệp là trường hợp người phạm tội thực hiện hành vi mua bán người dưới 16 tuổi từ 05 lần trở lên (không phân biệt đã bị truy cứu TNHS hay chưa bị truy cứu TNHS, nếu chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS hoặc chưa được xóa án tích) và người phạm tội lấy khoản lợi bất chính thu được từ việc mua bán người dưới 16 tuổi làm nguồn sống chính. Trường hợp phạm tội có tính chất chuyên nghiệp lại phạm tội có tổ chức hoặc đối với 06 người trở lên hoặc thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, thì người phạm tội có thể bị áp dụng thêm tình tiết định khung tăng nặng “có tổ chức”, “đối với 06 người trở lên”, “tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm a, b, g khoản 3 Điều 151 BLHS năm 2015.

c) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên

Đây là trường hợp người phạm tội thực hiện các hành vi trực tiếp hoặc gián tiếp làm ảnh hưởng đến sức khỏe, tinh thần, danh dự, nhân phẩm của nạn nhân với tỷ lệ tổn thương cơ thể trên 61%. Trường hợp này hoàn toàn tương tự như trường hợp quy định tại điểm h khoản 2 của điều luật, chỉ khác ở điểm, nạn nhân trong trường hợp phạm tội này có tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên. Khi áp dụng tình tiết này cần căn cứ vào tỷ lệ tổn thương cơ thể của nạn nhân đã được hội đồng giám định pháp y kết luận

đ) Đã lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân

Điều 6 Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐTP quy định truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp người phạm tội đã lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân Người phạm tội đã lấy bộ phận cơ thể quyết định sự sống của nạn nhân (ví dụ: tim, buồng gan...). làm nạn nhân chết thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội giết người theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 123 của BLHS.

Người phạm tội đã lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân nhưng không thuộc trường hợp hướng dẫn tại khoản 1 Điều này thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội mua bán người theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 150 của BLHS Trong trường hợp này, nếu gây thương tích, gây tổn hại sức khỏe, gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên hoặc làm nạn nhân chết do bị nhiễm trùng hoặc tự sát thì tùy từng trường hợp cụ thể người phạm tội còn bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm c hoặc điểm d khoản 3 Điều 151 của BLHS.

Có một điểm có thể dễ nhận ra là cấu thành tội phạm của tội mua bán người dưới 16 tuổi trong điểm b khoản 1 Điều 151 BLHS quy định mục đích tội phạm trong đó có trường hợp “để lấy bộ phận cơ thể” trong khi tình tiết tăng nặng định khung tại khoản 3 quy định là “đã lấy bộ phận cơ thể”. Cần phải hiểu rằng trong cấu thành tội phạm chỉ cần người phạm tội có mục đích lấy bộ phận cơ thể là đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo điểm b khoản 1 còn khi hậu quả đã xảy ra bằng việc đã lấy được bộ phận cơ thể nạn nhân thì cần truy cứu TNHS theo điểm d khoản 3 của điều luật này.

Đối với tình tiết đã lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân có thể hiểu là trường hợp mua bán người dưới 16 tuổi và đã lấy một phần cơ thể của nạn nhân vì những mục đích khác nhau. Phạm tội thuộc trường hợp đã lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân là trường hợp mua bán người đã lấy bộ phận thực hiện chức năng chuyên biệt của cơ thể của nạn nhân. Ví dụ đã lấy một quả thận, đã lấy một phần lá gan của nạn nhân ... Trong trường hợp người phạm tội đã lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân mà gây thương tích, gây tổn hại sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên hoặc làm nạn nhân chết do bị nhiễm trùng hoặc tự sát thì cùng với việc áp dụng tình tiết định khung hình phạt tăng nặng “ đã lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân” theo điểm d khoản 3 Điều 151 BLHS còn áp dụng thêm tình tiết định khung hình phạt tăng nặng “gây thương tích, gây tổn hại

cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên" hoặc tình tiết định khung hình phạt tăng nặng "làm nạn nhân chết hoặc tự sát" được quy định tại điểm c hoặc điểm d khoản 3 Điều 151 BLHS để truy cứu TNHS đối với người phạm tội.

đ) Làm nạn nhân chết hoặc tự sát

Cũng như đối với các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người có quy định tình tiết phạm tội này, nạn nhân bị chết hay tự sát là ngoài ý muốn của người phạm tội. Thông thường nạn nhân bị chết có thể do đã bị lấy bộ phận cơ thể (lấy các tạng) nhưng do nạn nhân bị suy yếu nên đã bị chết ngoài ý muốn của người phạm tội.

Còn trường hợp sau khi bị mua bán nạn nhân tự sát thì người phạm tội bị áp dụng tình tiết quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 151 BLHS. Cần lưu ý là trường hợp nạn nhân tự sát do hành vi mua bán người thì chỉ cần nạn nhân có hành vi tự sát là người phạm tội đã bị áp dụng tình tiết tăng nặng theo điểm đ khoản 3 Điều 151 BLHS

e) Đối với 06 người trở lên

Trường hợp phạm tội này hoàn toàn tương tự như trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 của Điều 151 BLHS, chỉ khác là số người bị mua bán từ 06 người trở lên. Như vậy, tình tiết phạm tội đối với đó người trở lên là phạm tội 01 lần đối với 06 người trở lên hoặc phạm tội 02 lần trở lên đối với 06 người trở lên và những lần đó chưa bị xử lý hình sự, đưa hết thời hiệu truy cứu TNHS, được đưa ra truy tố, xét xử cùng một lúc.

Trường hợp phạm tội đối với 06 người trở lên thực hiện 02 lần trở lên thì cùng với việc truy cứu TNHS theo điểm e khoản Điều 151 BLHS, người phạm tội còn phải bị áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS "phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

g) Tái phạm nguy hiểm

Có thể hiểu tái phạm nguy hiểm là trường hợp người phạm tội đã bị kết

án về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích hoặc đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi mua bán người dưới 16 tuổi được quy định tại khoản 1, 2 hoặc một trong các điểm a, b, c, d, đ, e khoản 3 Điều 151 BLHS

2.2.4. Hình phạt bổ sung đối với tội mua bán người dưới 16 tuổi (Khoản 4 Điều 151 Bộ luật Hình sự năm 2015)

Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm, phạt quản chế từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

So với hình phạt bổ sung quy định tại Điều 150 BLHS năm 2015 quy định đối với tội mua bán người thì hình phạt bổ sung đối với người phạm tội mua bán người dưới 16 có thêm hình phạt “ cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định“ và mức phạt tiền cũng cao hơn trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 150 BLHS 2015.

3.4. Ý nghĩa của tội mua bán người dưới 16 tuổi trong PLHS Việt Nam

Hệ thống pháp luật về xử lý vi phạm hành chính đã thiết lập những quy định khá đầy đủ nhằm xử lý các hành vi xâm phạm quyền trẻ em cũng như những hành vi vi phạm do trẻ em thực hiện. Theo quy định, những người từ đủ 14 tuổi trở lên sẽ phải chịu trách nhiệm hành chính: những người từ 14 đến dưới 16 tuổi chỉ chịu trách nhiệm về các vi phạm cố ý, trong khi từ 16 tuổi trở lên sẽ chịu trách nhiệm cho mọi hành vi vi phạm hành chính. Ngoài ra, pháp lệnh cũng quy định rằng khi xử phạt tiền đối với người từ 16 đến dưới 18 tuổi, mức phạt không được vượt quá 50% mức phạt áp dụng cho người trưởng thành. Việc bảo vệ quyền lợi hợp pháp của trẻ em còn được thể hiện qua các quy định nghiêm ngặt liên quan đến việc tạm giữ người theo thủ tục hành chính; cụ thể, nếu một người chưa thành niên bị tạm giữ quá 6 giờ, phải thông báo ngay cho cha mẹ hoặc người giám hộ của họ.

Người dưới 16 tuổi, hay còn gọi là trẻ em, là nhóm đối tượng đặc biệt cần được quan tâm, chăm sóc và bảo vệ. Một trong những quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ em thường bị đe dọa bởi các tội phạm có thể gây tổn hại đến tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của các em. Để bảo vệ trẻ em khỏi những nguy cơ này, nhà nước đã thiết lập các quy định pháp lý quan trọng trong BLHS năm 2015, đặc biệt là chương XIV. Các quy định này bao gồm:

Điều 123: Tội giết người, trong đó có hành vi giết người dưới 16 tuổi.

Điều 124: Tội giết hoặc bỏ rơi trẻ sơ sinh.

Điều 127: Tội làm chết người trong khi thi hành công vụ, đối với phụ nữ mang thai và trẻ em.

Điều 130: Tội bức tử, cũng áp dụng cho phụ nữ có thai và trẻ em dưới 16 tuổi.

Điều 133: Tội đe dọa giết người đối với trẻ em.

Điều 134: Tội cố ý gây thương tích cho trẻ em, người già yếu, v.v.

Điều 140: Tội hành hạ người khác, trong đó có trẻ em và phụ nữ mang thai.

Điều 142: Tội hiếp dâm trẻ em dưới 16 tuổi.

Điều 144: Tội cưỡng dâm đối với người từ 13 đến dưới 16 tuổi.

Điều 145: Tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ 13 đến dưới 16 tuổi.

Những quy định này nhằm đảm bảo an toàn và bảo vệ quyền lợi của trẻ em trước các hành vi xâm hại, dâm ô đối với người dưới 16 tuổi; Điều 147. Tội sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm; Điều 151. Tội mua bán người dưới 16 tuổi; điều 152. Tội đánh tráo người dưới 01 tuổi; Điều 153. Tội chiếm đoạt người dưới 16 tuổi.

Trong những năm gần đây, tình trạng mua bán người dưới 16 tuổi diễn biến ngày càng phức tạp và có chiều hướng gia tăng cả về số vụ và số đối tượng phạm tội với tính chất ngày càng nghiêm trọng, nhất là tại các tỉnh biên giới phía Bắc giáp Trung Quốc. Đảng và Nhà nước đã có các chính sách, biện

pháp mạnh mẽ nhằm ngăn chặn, phòng ngừa loại tội phạm này. Ngày 17/9/1997, Thủ tướng Chính phủ đã ra Chỉ thị 776/TTg về “Tăng cường trách nhiệm thực hiện các biện pháp ngăn chặn việc đưa trái phép phụ nữ và trẻ em ra nước ngoài”. Trong Chương trình quốc gia phòng chống tội phạm được ban hành theo Nghị quyết số 09/1998/NQ-CP ngày 31/7/1998 của Chính phủ đã đưa ra 4 Đề án; trong đó có Đề án 4 quy định một số nội dung về đấu tranh phòng chống các tội phạm xâm phạm trẻ em và tội phạm do người chưa thành niên gây ra. Đặc biệt, Quyết định số 130/2004/QĐ-TTg ngày 14/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình hành động phòng chống tội phạm buôn bán phụ nữ và trẻ em từ năm 2004 đến 2010 đã quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, ban, ngành trong phòng chống tội phạm mua bán phụ nữ, trẻ em. Ngày 30 tháng 11 năm 2005 Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 312/2005/QĐ-TTg về việc phê duyệt các đề án thuộc Chương trình hành động phòng, chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em từ năm 2005 đến năm 2010, Chương trình phòng, chống mua bán người giai đoạn 2016 – 2020 của Chính phủ, Chương trình thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em; Chương trình phòng, chống bạo lực đối với trẻ em; Chương trình phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em và các chương trình chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em, ...

Mua bán người dưới 16 tuổi thực sự là một tội ác nghiêm trọng, gây ra nỗi lo lắng lớn cho toàn xã hội và thu hút sự chú ý đặc biệt từ cộng đồng. Những trẻ em bị buôn bán phải đối mặt với hoàn cảnh sống đầy bi kịch, dẫn đến việc méo mó nhân cách và ảnh hưởng sâu sắc đến tâm lý, sức khỏe, cũng như nhân phẩm và tinh thần của chúng, đồng thời gây ra tác động tiêu cực đến xã hội. Hiện nay, các tổ chức và mạng lưới buôn bán người hoạt động xuyên quốc gia đang tạo ra những mối đe dọa nghiêm trọng đến quyền lợi được bảo vệ và sống hạnh phúc của con người, đặc biệt là đối với trẻ em. Trong bối cảnh này, việc sử dụng các chế tài pháp lý từ những lĩnh vực khác, vốn có

mức độ nghiêm khắc thấp hơn luật hình sự để xử lý hành vi mua bán người dưới 16 tuổi, sẽ không còn đủ sức mạnh để ngăn chặn tội phạm. Do đó, việc bảo vệ trẻ em dưới 16 tuổi bằng Luật Hình sự với các chế tài nghiêm ngặt là hết sức cần thiết.

BLHS năm 1985 đã quy định các hành vi liên quan đến việc bắt cóc, mua bán hoặc trao đổi trẻ em trong Chương các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình cũng như các tội phạm đối với người chưa thành niên. Đến BLHS năm 1999, tội danh này đã được chuyển sang Chương các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm và danh dự của con người, với tội danh liên quan đến việc mua bán, trao đổi hoặc chiếm đoạt trẻ em. Điều này giúp phù hợp hơn với đối tượng bị xâm phạm.

Việc đưa tội phạm này vào BLHS rất quan trọng, tạo cơ sở pháp lý cho công tác phòng ngừa và bảo vệ trẻ em khỏi nạn buôn bán người. BLHS năm 2015 đã xác định tội mua bán người dưới 16 tuổi là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của con người, với mức hình phạt cao nhất là tù chung thân. Chính vì lý do đó, việc quy định tội mua bán người dưới 16 tuổi trong BLHS là rất cần thiết và quan trọng.

3.5. Quy định của pháp luật một số quốc gia về tội mua bán trẻ em

Hiểu biết rõ ràng về tính nghiêm trọng của nạn buôn bán người và những hậu quả khủng khiếp mà nó gây ra, cộng đồng quốc tế đã thực hiện nhiều biện pháp mạnh mẽ nhằm ngăn chặn tội ác này. Thành phố Hà Nội hét các quốc gia trên thế giới đã ban hành các quy định PLHS nghiêm ngặt để xử lý những kẻ phạm tội. Theo báo cáo của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ năm 2019, tính đến cuối năm đó, đã có 168 quốc gia công nhận buôn bán người là một tội ác. Số lượng này vẫn tiếp tục gia tăng trong những năm gần đây, phản ánh sự chung sức của cộng đồng quốc tế trong cuộc chiến chống lại nạn buôn bán người. Tuy nhiên, đã đạt được nhiều tiến bộ, vấn đề buôn bán người vẫn tiếp

diễn ở nhiều quốc gia và khu vực trên thế giới. Các băng nhóm tội phạm ngày càng trở nên tinh vi và đa dạng hóa các phương thức hoạt động, gây ra nhiều khó khăn cho công tác phòng ngừa. Để giải quyết vấn đề này, cần có sự hợp tác chặt chẽ giữa các quốc gia, tổ chức quốc tế và cộng đồng xã hội. Bên cạnh việc tăng cường thực thi pháp luật, nâng cao nhận thức của cộng đồng về nguy cơ của nạn buôn bán người cũng vô cùng quan trọng. Các nghiên cứu về pháp luật của một số quốc gia sau:

3.5.1. Tội mua bán người dưới 16 tuổi trong BLHS của Campuchia

Campuchia, một quốc gia nằm ở vị trí trung gian trong các đường dây buôn bán người, đang phải đối mặt với nhiều thách thức nghiêm trọng liên quan đến nạn bóc lột con người. Các đối tượng buôn bán người và trẻ em thường xuyên lợi dụng sự yếu kém trong hệ thống pháp luật và điều kiện kinh tế khó khăn của người dân để thực hiện các hành vi phi pháp này. Nhiều phụ nữ và trẻ em Campuchia đã bị khai thác để phục vụ cho ngành công nghiệp tình dục, không chỉ trong nước mà còn ở các quốc gia Đông Nam Á lân cận. Họ cũng bị đưa đến các thành phố lớn ở Thái Lan để ăn xin, bán dâm hoặc lao động cưỡng bức, tạo ra một vòng xoáy khốn khổ cho những nạn nhân này. [32, tr. 27]. Chính từ thực trạng đó, Campuchia là một trong những nước tích cực trong công tác phòng chống mua bán người, mua bán trẻ em. Campuchia là thành viên ký kết nhiều Công ước, hiệp định liên quan đến phòng chống mua bán người như Hiệp ước quốc tế về quyền chính trị và dân sự, Công ước về quyền trẻ em, Công ước xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ, Công ước liên quan đến cưỡng bức lao động, Công ước số 182 của ILO về nghiêm cấm và hành động khẩn cấp xóa bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất ... Hiến pháp Campuchia bảo vệ quyền của mọi công dân và ngăn chặn buôn bán người, khai thác qua mại dâm và khiêu dâm. Luật nghiêm cấm các hành vi bắt cóc, buôn bán và bóc lột con người năm 1996 quy định các hành vi bị ngăn cấm là:

- “ Dụ dỗ một người bằng tiền hay bạo lực, đe dọa hoặc ma túy nhằm bắt cóc người đó cho mục đích buôn bán hoặc mại dâm (với hình phạt từ 15 đến 20 năm tù giam).

- Mua hoặc bán nạn nhân bị buôn bán (với hình phạt từ 15 đến 20 năm tù giam).

- Là chủ chứa, bao gồm có thu nhập từ kinh doanh mại dâm, xúi giục mọi người hành nghề mại dâm và giam giữ người ở bất kỳ địa điểm nào nhằm mục đích ép buộc họ hành nghề mại dâm (với hình phạt từ 05 đến 10 năm tù giam).

- Là chủ chứa mà nạn nhân là một trong những thành phần sau: trẻ em dưới 15 tuổi; bị bạo lực, bị ép buộc hoặc đe dọa bạo lực; chồng/ vợ hoặc con của chủ chứa; người mang quốc tịch nước ngoài bị buộc hành nghề mại dâm trong địa phận Campuchia; công dân Campuchia bị buộc hành nghề mại dâm ngoài biên giới Campuchia (với hình phạt từ 10 đến 20 năm tù giam).

- Có những hành vi truy lạc đối với trẻ em dưới 15 tuổi hoặc mua trẻ em từ chủ chứa (với hình phạt từ 10 đến 20 năm tù giam).”

Đặc biệt, Luật hôn nhân và gia đình năm 1989 của Campuchia đã cấm hôn nhân cưỡng ép và cho phép nạn nhân có quyền hủy hôn trong vòng sáu tháng sau khi kết hôn. Điều này cho thấy sự nỗ lực của chính phủ trong việc bảo vệ quyền lợi của nạn nhân và tạo điều kiện cho họ tái hòa nhập với xã hội. Tuy nhiên, một trong những thiếu sót lớn trong hệ thống pháp luật của Campuchia là chưa có các quy định cụ thể về bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân của nạn buôn bán người. Điều này tạo ra một khoảng trống lớn trong việc bảo vệ quyền lợi của những người đã bị tổn thương, khiến họ dễ rơi vào tình trạng tái buôn bán hoặc tiếp tục bị khai thác. Do đó, cần thiết phải có những cải cách trong pháp luật nhằm đảm bảo sự hỗ trợ kịp thời và hiệu quả cho các nạn nhân, đồng thời nâng cao năng lực phòng chống nạn buôn bán người trong tương lai. Chính phủ Campuchia cần nhanh chóng xem xét bổ sung các quy

định pháp lý nhằm hoàn thiện hệ thống, tạo ra một môi trường an toàn và bảo vệ cho tất cả công dân, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, trước các nguy cơ xâm hại và bóc lột.

3.5.2. Tội mua bán người dưới 16 tuổi trong BLHS của Liên Bang Nga

Liên bang Nga chỉ quy định một điều duy nhất về tội buôn bán người tại: “*Điều 127-1 trong Chương 17 của BLHS, liên quan đến các tội xâm phạm tự do, danh dự và nhân phẩm của con người.*” [4]. Theo điều luật này, hành vi buôn bán người được xác định khi có một trong ba hành vi sau: (i) mua, bán người; (ii) thực hiện các giao dịch liên quan đến việc mua, bán người; và (iii) khai thác những người đã được tuyển mộ, vận chuyển, giao nhận hoặc cất giấu. Tất cả những hành vi này đều bị truy cứu trách nhiệm hình sự, với hình phạt có thể lên đến 6 năm tù giam cho cả tội buôn bán trẻ em lẫn người lớn.

Trách nhiệm hình sự sẽ nặng hơn trong các trường hợp có tình tiết tăng nặng, bao gồm: (i) đối với hai người trở lên; (ii) đối với người chưa thành niên; (iii) lợi dụng chức vụ, quyền hạn; (iv) đưa nạn nhân ra nước ngoài hoặc giữ họ trái phép bên ngoài lãnh thổ; (v) sử dụng giấy tờ giả hoặc thu giữ, tiêu hủy giấy tờ tùy thân của nạn nhân; (vi) sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực nhằm chiếm đoạt các bộ phận cơ thể hoặc mô của nạn nhân, đặc biệt là với phụ nữ mang thai; (vii) đối với người mà kẻ phạm tội biết là không thể tự bảo vệ; (viii) vô ý làm chết người hoặc gây tổn hại nghiêm trọng đến sức khỏe của nạn nhân; (ix) thực hiện tội phạm gây nguy hiểm đến tính mạng hoặc sức khỏe của nhiều người; và (x) do một tổ chức có tổ chức thực hiện. Trong các trường hợp này, mức án có thể từ 3 đến 15 năm tù, kèm theo án treo lên đến 5 năm.

Hiện tại, Liên bang Nga chưa có quy định về trách nhiệm hình sự đối với các pháp nhân. Điều này cho thấy pháp luật của nước này vẫn chưa đưa ra một định nghĩa toàn diện về buôn bán người, mà chỉ liệt kê các hành vi được xem là phạm tội. Mặc dù vậy, BLHS cũng không mô tả rõ ràng cấu thành cơ

bản của các hành vi buôn bán người, và hành vi buôn bán trẻ em được coi là một tình tiết tăng nặng với hình phạt nghiêm khắc hơn.

3.5.3. Tội mua bán người dưới 16 tuổi trong BLHS của Malaysia

Tội phạm buôn bán người và buôn bán trẻ em, cùng với các hình phạt tương ứng, được quy định rõ ràng trong Luật Phòng, chống mua bán người và chống đưa người di cư trái phép của Malaysia. Luật này đã được sửa đổi và bổ sung vào năm 2016, nhằm củng cố khung pháp lý cho việc ngăn chặn và xử lý các hành vi này.

Theo luật, một số tội danh cụ thể được xác định như sau: “(i) tội buôn bán người (Điều 12); (ii) tội buôn bán người bằng thủ đoạn đe dọa hoặc dùng vũ lực (Điều 13); (iii) tội buôn bán trẻ em (Điều 14); và (iv) tội thu lợi từ việc bóc lột người bị buôn bán (Điều 15)” [8]. Điều 12 quy định rằng bất kỳ cá nhân nào buôn bán một người trưởng thành với mục đích bóc lột sẽ phải đối mặt với án phạt lên đến 15 năm tù giam và có thể bị phạt tiền. Đặc biệt, trong trường hợp buôn bán người mà có các tình tiết tăng nặng như việc sử dụng bạo lực, đe dọa, bắt cóc, hay lợi dụng tình trạng dễ bị tổn thương của nạn nhân, hình phạt có thể tăng lên từ 3 đến 20 năm tù giam, kèm theo khả năng bị phạt tiền (Điều 13). Đối với tội buôn bán trẻ em, tức là những người dưới 18 tuổi, hình phạt cũng được quy định tương tự, từ 3 đến 20 năm tù và có thể kèm theo phạt tiền (Điều 14).

Ngoài ra, những cá nhân thu lợi từ việc bóc lột những người bị buôn bán sẽ bị phạt tù lên đến 15 năm và có thể bị phạt tiền trong khoảng từ 50.000 đến 500.000 ringgit. Điều này cho thấy luật pháp Malaysia không chỉ nghiêm khắc trong việc xử lý tội phạm mà còn nhằm ngăn chặn những lợi ích kinh tế mà những kẻ phạm tội có thể thu được từ những hành vi phi đạo đức này.

Một điểm quan trọng khác là, bên cạnh việc quy định trách nhiệm hình sự đối với cá nhân, Luật Phòng, chống mua bán người và chống đưa người di cư trái phép còn mở rộng phạm vi trách nhiệm hình sự đến các pháp nhân.

Điều 64 của luật này xác định rằng các tổ chức, công ty hoặc cơ sở kinh doanh có thể bị truy cứu trách nhiệm nếu tham gia vào các hành vi buôn bán người hoặc trẻ em. Điều này thể hiện cam kết của Malaysia trong việc tạo ra một môi trường pháp lý mạnh mẽ, nhằm bảo vệ các nạn nhân và trừng phạt những kẻ phạm tội một cách nghiêm minh.

Từ những quy định này, có thể thấy Malaysia đang nỗ lực không ngừng để ngăn chặn và xử lý tội phạm buôn bán người, thể hiện sự quyết tâm của chính phủ trong việc bảo vệ quyền lợi và sự an toàn của công dân, cũng như những người dễ bị tổn thương trong xã hội.

3.5.4. Tội mua bán người dưới 16 tuổi trong BLHS của Cộng hoà nhân dân Trung Hoa

BLHS Trung Hoa quy định hai tội danh liên quan đến buôn bán người, bao gồm: “*Tội mua bán phụ nữ và trẻ em tại Điều 240, và tội mua phụ nữ, trẻ em bị bán tại Điều 241. Theo Điều 240, hành vi mua bán phụ nữ và trẻ em được định nghĩa là việc thực hiện một trong các hành vi như lừa gạt, bắt cóc, mua, bán hoặc chuyển giao phụ nữ, trẻ em với mục đích đem bán*”. [8]

Các trường hợp bị coi là tăng nặng trách nhiệm hình sự bao gồm: (i) người đứng đầu tổ chức buôn bán phụ nữ, trẻ em; (ii) việc mua bán từ ba người trở lên; (iii) hiếp dâm phụ nữ bị buôn bán; (iv) lừa gạt, cưỡng bức phụ nữ bị bán phải hành nghề mại dâm hoặc bán những người này cho kẻ khác; (v) sử dụng bạo lực, ép buộc hoặc thuốc mê để bắt cóc phụ nữ, trẻ em; (vi) bắt cóc trẻ sơ sinh để bán; (vii) gây ra cái chết cho phụ nữ, trẻ em bị buôn bán hoặc cho người thân của họ; (viii) đưa phụ nữ, trẻ em bị buôn bán ra nước ngoài.

Hình phạt dành cho tội buôn bán phụ nữ, trẻ em có thể lên tới mức tối thiểu 5 năm tù và tối đa là tù chung thân hoặc tử hình. Ngoài hình phạt chính, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền hoặc tịch thu tài sản. Ngoài tội mua bán phụ nữ, trẻ em quy định tại Điều 240, BLHS Trung Hoa cũng quy định

tội mua phụ nữ, trẻ em bị lừa bán tại Điều 241. Trong trường hợp mua phụ nữ, trẻ em bị lừa nhưng không ngăn cản họ trở về nơi cư trú cũ theo nguyện vọng, không có hành vi lạm dụng trẻ em bị bán, và không cản trở nỗ lực giải thoát cho họ, có thể không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

BLHS Trung Hoa cũng quy định trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân, cho phép truy cứu trách nhiệm hình sự khi tổ chức này phạm tội. Theo Điều 30 và 31, pháp nhân vi phạm có thể bị phạt tiền.

3.5.5. Tội mua bán người dưới 16 tuổi trong BLHS của Cộng hoà Liên bang Đức

Theo quy định của BLHS Liên Bang Đức, tội buôn người được cấu thành từ ba yếu tố chính: thủ đoạn, hành vi và mục đích. Cụ thể, tội này thường liên quan đến việc lợi dụng tình trạng khó khăn, khốn khổ hoặc thiếu sự hỗ trợ của nạn nhân, từ đó dẫn đến tình trạng bị bóc lột, bao gồm cả bóc lột tình dục và lao động.

Trong bối cảnh này, các hành vi như tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp, chuyển giao hoặc tiếp nhận người với mục đích thực hiện các hành vi bóc lột sẽ không được coi là tội buôn người chính thức mà được xem như tội hỗ trợ buôn người. Điều này có nghĩa là mặc dù những hành vi này có tính chất liên quan đến việc buôn người, nhưng chúng không đủ để cấu thành tội danh buôn người theo cách hiểu thông thường. Đặc biệt, trong các trường hợp nạn nhân là trẻ em dưới 14 tuổi, tình tiết này sẽ được coi là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong các vụ án liên quan đến buôn người.

Đối với tội buôn trẻ em, BHLHS Cộng hòa Liên Bang Đức có những quy định khác biệt. Không giống như tội buôn người thông thường, tội buôn trẻ em không yêu cầu chứng minh các yếu tố về thủ đoạn và mục đích. Thay vào đó, việc vi phạm nghĩa vụ chăm sóc, dạy dỗ và nuôi dưỡng trẻ em dưới 18 tuổi thông qua hành vi chuyển giao hoặc tiếp nhận trẻ em với mục đích nhận thù lao hoặc bồi dưỡng sẽ bị xem là phạm tội buôn trẻ em. Điều này thể hiện sự nhấn

manh của pháp luật Đức trong việc bảo vệ quyền lợi và an toàn của trẻ em.

Tổng thể, quy định về tội buôn người và tội buôn trẻ em ở Cộng hòa Liên Bang Đức có phần hạn chế hơn và khác biệt so với nhiều quy định quốc tế và pháp luật của nhiều quốc gia khác. Sự khác biệt này có thể tạo ra những thách thức không nhỏ trong việc bảo vệ trẻ em và ngăn chặn nạn buôn người, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu ngày càng phức tạp và các hình thức tội phạm đang gia tăng. Việc hiểu rõ và thực hiện hiệu quả các quy định này là rất quan trọng để đảm bảo rằng trẻ em và các nạn nhân khác được bảo vệ khỏi sự bóc lột và lạm dụng.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Tội mua bán người dưới 16 tuổi đã trải qua nhiều giai đoạn hình thành, sửa đổi và bổ sung theo lịch sử phát triển của thế giới và Việt Nam. Khái niệm về tội mua bán người dưới 16 tuổi trong các quy định của luật pháp quốc tế và Việt Nam ngày càng có sự tương đồng hơn. Tuy nhiên, vẫn tồn tại một số điểm khác biệt, đặc biệt là về độ tuổi quy định đối với trẻ em.

Lịch sử hình thành và phát triển tội mua bán người trong BLHS Việt Nam đã được quy định rõ ràng, phù hợp với từng giai đoạn văn hóa và chính trị. Trong các BLHS trước BLHS năm 2015, BLHS năm 1999 được xem là đầy đủ và hoàn thiện nhất trong việc quy định về tội mua bán trẻ em. Các quy định này thể hiện tư duy đổi mới của nhà lập pháp trong việc xác định trách nhiệm hình sự và định tội danh đối với tội phạm mua bán trẻ em.

Nghiên cứu PLHS của một số quốc gia cho thấy có sự tương đồng nhất định với pháp luật Việt Nam về tội mua bán trẻ em. Mặc dù có sự khác biệt trong một số nội dung và khung hình phạt, những quy định này phù hợp với tình hình phát triển của mỗi quốc gia và có sự đồng nhất tương đối với quy định của luật pháp quốc tế. Tình trạng buôn bán trẻ em là một vấn nạn nghiêm trọng không chỉ ảnh hưởng đến từng cá nhân mà còn gây ra hệ lụy sâu rộng cho xã hội và nhân loại. Qua việc nghiên cứu quy định pháp luật của một số quốc gia, chúng ta nhận thấy rằng mặc dù các nước đã ban hành những biện pháp pháp lý cụ thể và nghiêm khắc để xử lý tội phạm này, nhưng hiệu quả thực thi vẫn còn nhiều hạn chế.

Campuchia, với những thách thức lớn trong công tác phòng chống buôn bán người, đã có những nỗ lực đáng ghi nhận nhưng cần bổ sung thêm các quy định bảo vệ nạn nhân. Trong khi đó, Liên bang Nga và Malaysia cũng đã có những bước tiến trong việc quy định tội buôn bán người, tuy nhiên, việc thiếu các quy định về trách nhiệm đối với pháp nhân có thể tạo ra lỗ hổng trong việc ngăn chặn tội phạm. Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và Cộng hòa

Liên bang Đức đã thể hiện sự nghiêm khắc trong việc xử lý tội mua bán người, với những hình phạt nặng nề dành cho những kẻ phạm tội. Tuy nhiên, việc phân loại và xử lý các hành vi buôn bán trẻ em vẫn còn gặp nhiều thách thức do sự phức tạp trong quy định pháp luật.

Để hiệu quả hơn trong việc ngăn chặn nạn buôn bán trẻ em, cần có sự hợp tác chặt chẽ giữa các quốc gia, tổ chức quốc tế và cộng đồng. Đồng thời, việc nâng cao nhận thức xã hội về vấn đề này là hết sức cần thiết. Chỉ khi các quy định pháp luật được thực hiện hiệu quả và nạn nhân được bảo vệ, chúng ta mới có thể hy vọng xây dựng một xã hội an toàn, không còn nạn buôn bán người, đặc biệt là trẻ em.

CHƯƠNG 4: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ TỘI MUA BÁN NGƯỜI DƯỚI 16 TUỔI VÀ THỰC TIỄN THI HÀNH TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

4.1. Khái quát lịch sử pháp luật hình sự Việt Nam về tội mua bán người dưới 16 tuổi

4.1.1. Quy định về tội mua bán người dưới 16 tuổi trong BLHS năm 1985

BLHS năm 1985 đánh dấu bước khởi đầu trong việc hình thành khung pháp lý của Việt Nam liên quan đến các tội danh mua bán người. Mặc dù văn bản này đã đưa ra những quy định cơ bản về hành vi mua bán người, nhưng các quy định về tội mua bán người dưới 16 tuổi lại không được cụ thể hóa. Cụ thể, Điều 115 của Bộ luật này chỉ tập trung vào tội mua bán phụ nữ mà không làm rõ các hành vi liên quan đến trẻ em, đặc biệt là những trẻ em chưa đủ 16 tuổi. Từ đó, tạo ra một lỗ hổng lớn trong pháp luật, khiến việc xử lý các vụ án liên quan đến trẻ em trở nên phức tạp.

Việc thiếu sự phân biệt giữa nạn nhân là người lớn và trẻ em đã dẫn đến những khó khăn trong việc áp dụng pháp luật. Trong nhiều trường hợp, các cơ quan chức năng không thể xác định rõ ràng tội danh và hình phạt đối với những hành vi mua bán trẻ em, từ đó làm giảm hiệu quả trong công tác bảo vệ trẻ em. Chẳng hạn, trong các vụ án liên quan đến việc mua bán trẻ em, nếu không có quy định rõ ràng về tội danh và hình phạt, thì các đối tượng vi phạm có thể dễ dàng thoát khỏi sự trừng phạt của pháp luật. Hơn nữa, sự thiếu sót này còn khiến các vụ án mua bán trẻ em không được xử lý một cách đồng nhất. Mỗi trường hợp có thể bị áp dụng các mức án khác nhau, tùy thuộc vào cách hiểu và cách áp dụng luật của các cơ quan tư pháp, điều này dẫn đến sự không công bằng trong việc thực thi pháp luật. Vì vậy, việc quy định tội mua bán người dưới 16 tuổi trong BLHS năm 1985 đã không đủ khả năng để bảo vệ quyền lợi của trẻ em, đồng thời tạo ra những thách thức lớn trong công tác phòng ngừa và đấu tranh với tội phạm mua bán người.

Vì vậy, quy định của BLHS năm 1985 về tội mua bán người dưới 16 tuổi không chỉ thiếu sự rõ ràng mà còn chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn trong việc bảo vệ trẻ em. Điều này đã góp phần dẫn đến sự cần thiết phải cải cách và hoàn thiện pháp luật trong các năm sau, nhằm xây dựng một khung pháp lý hiệu quả hơn trong việc bảo vệ quyền lợi của trẻ em và đấu tranh với tội phạm mua bán người.

4.1.2. Quy định về tội mua bán người dưới 16 tuổi trong BLHS năm 1999

BLHS năm 1999 đã đánh dấu một bước tiến quan trọng trong việc hoàn thiện khung pháp lý liên quan đến tội mua bán người, đặc biệt là đối với trẻ em. Với sự nhận thức sâu sắc về thực trạng tội phạm này, Bộ luật đã đưa ra những quy định cụ thể và chặt chẽ hơn nhằm bảo vệ quyền lợi của trẻ em. Cụ thể, Điều 151 của Bộ luật này quy định rõ ràng các hành vi mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em dưới 16 tuổi, điều này cho thấy sự chuyển biến trong cách tiếp cận của pháp luật đối với vấn đề nhạy cảm này.

Theo quy định tại Điều 151, các hành vi liên quan đến trẻ em được xác định là tội phạm nghiêm trọng và sẽ bị xử lý với mức án từ 3 năm đến 10 năm tù. Đặc biệt, trong những trường hợp có các tình tiết tăng nặng, chẳng hạn như tổ chức có tổ chức, hoặc gây ra hậu quả nghiêm trọng hình phạt có thể lên tới 20 năm tù hoặc thậm chí tù chung thân. Điều này không chỉ phản ánh tính nghiêm minh của pháp luật mà còn thể hiện quyết tâm mạnh mẽ trong việc đấu tranh chống lại tội phạm mua bán người.

Một điểm đặc biệt quan trọng trong quy định này là trách nhiệm hình sự sẽ được áp dụng mà không cần phải xem xét ý thức chủ quan của người thực hiện hành vi về độ tuổi của nạn nhân. Nghĩa là, ngay cả khi người thực hiện hành vi mua bán trẻ em không nhận thức được rằng nạn nhân chưa đủ 16 tuổi, họ vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự. Quy định này thể hiện một cách tiếp cận nghiêm túc và thực tế hơn trong việc bảo vệ trẻ em, đặc biệt trong bối cảnh mà tội phạm mua bán người đang ngày càng gia tăng và diễn biến phức tạp.

Việc điều chỉnh này không chỉ nhằm tăng cường hiệu lực pháp lý mà còn phản ánh nỗ lực của nhà nước trong việc thực hiện các cam kết quốc tế về quyền trẻ em. Việt Nam đã ký kết nhiều công ước quốc tế như Công ước Liên Hợp Quốc về Quyền trẻ em, và việc cải thiện quy định pháp luật trong lĩnh vực này là một bước cần thiết để thực hiện các cam kết đó.

Nhờ vào việc quy định rõ ràng và chặt chẽ hơn về tội mua bán người dưới 16 tuổi, BLHS năm 1999 đã tạo ra một khung pháp lý vững chắc, giúp nâng cao hiệu quả trong công tác phòng ngừa và xử lý tội phạm. Điều này không chỉ góp phần bảo vệ trẻ em khỏi những hành vi vi phạm mà còn thể hiện cam kết của Việt Nam trong việc thúc đẩy và bảo vệ các quyền lợi của trẻ em theo tiêu chuẩn quốc tế. Qua đó, pháp luật Việt Nam đã thể hiện rõ ràng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ những đối tượng yếu thế trong xã hội, từ đó hướng tới một tương lai an toàn và công bằng hơn cho tất cả trẻ em.

4.1.3. Quy định về tội mua bán người dưới 16 tuổi trong BLHS năm 2015

Sự khác biệt chính giữa tội mua bán người và tội mua bán người dưới 16 tuổi nằm ở độ tuổi của nạn nhân. Cụ thể, tội mua bán người áp dụng cho nạn nhân từ 16 tuổi trở lên, trong khi tội mua bán người dưới 16 tuổi dành cho nạn nhân chưa đủ 16 tuổi. Sự khác biệt này dẫn đến sự khác nhau trong các yếu tố cấu thành tội phạm.

Cấu thành cơ bản của tội mua bán người yêu cầu phải có ba yếu tố: thủ đoạn, hành vi và mục đích. Ngược lại, để cấu thành tội mua bán người dưới 16 tuổi, Điều 151 BLHS năm 2015 chỉ yêu cầu hai yếu tố: “(1) hành vi và (2) mục đích. Lý do cho sự đơn giản hóa này là vì trẻ em dưới 16 tuổi chưa phát triển đầy đủ về thể chất và trí tuệ, khiến cho các em không thể đưa ra những quyết định sáng suốt.” [7]

Tuy nhiên, đối với tội mua bán người dưới 16 tuổi, có hai vấn đề quan trọng cần lưu ý, cụ thể như sau:

Thứ nhất, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 151, hành vi chuyển giao hoặc tiếp nhận người dưới 16 tuổi có thể được xem xét trong trường hợp

người thực hiện hành vi này có mục đích trực tiếp để nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác, nhưng đồng thời cũng có mục đích gián tiếp vì lý do nhân đạo. Chẳng hạn, một người có nhu cầu nuôi con nuôi do hiếm muộn, nếu họ được môi giới để nhận con nuôi từ một gia đình khó khăn và có giao nhận một khoản tiền cho việc này, thì sẽ không bị coi là hành vi chuyển giao hoặc tiếp nhận trẻ em để thu lợi. Có nghĩa là hành vi này sẽ không cấu thành tội mua bán người dưới 16 tuổi. Vì vậy, điểm a khoản 1 Điều 151 đã quy định rằng các hành vi này sẽ không bị truy cứu nếu chúng xuất phát từ mục đích nhân đạo. Mặc dù quy định này được đưa ra nhằm phản ánh thực tế xã hội, nơi nhiều gia đình không có khả năng nuôi dưỡng con cái trong khi có những gia đình hiếm muộn muốn tìm con nuôi, nhưng quy định này có thể tạo ra kẽ hở pháp lý để bị lợi dụng. Trong bối cảnh của hệ thống pháp luật, đặc biệt là các quy định về nuôi con nuôi và hôn nhân gia đình, Điều 151 BLHS năm 2015 có thể gây hiểu lầm. Luật Hôn nhân và Gia đình cùng với Luật Nuôi con nuôi quy định rõ ràng về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ và con cái, cũng như các điều kiện và thủ tục cho việc cho, nhận con nuôi. Chỉ những trường hợp tuân thủ quy định của Luật Nuôi con nuôi mới được coi là hợp pháp; ngược lại, nếu không tuân thủ, hành vi đó sẽ là trái pháp luật. Nghiên cứu cho thấy rằng quy định loại trừ tại điểm a khoản 1 Điều 151 BLHS có thể dẫn đến sự hiểu lầm rằng những trường hợp cho, nhận con nuôi không tuân thủ quy định cũng có thể được pháp luật chấp nhận. Đây chính là kẽ hở mà những đối tượng xấu có thể lợi dụng để biện minh cho hành vi mua bán trẻ em dưới 16 tuổi.

Thứ hai, đối với tội mua bán người dưới 16 tuổi, Điều 151 BLHS không yêu cầu người thực hiện hành vi phải biết rằng nạn nhân chưa đủ 16 tuổi. Điều này có nghĩa là trong mọi tình huống, nếu nạn nhân được xác định là dưới 16 tuổi, người thực hiện hành vi sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội mua bán người dưới 16 tuổi. Ngược lại, nếu nạn nhân từ đủ 16 tuổi trở lên, người thực hiện hành vi chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội mua bán người nếu có đủ các yếu tố cấu thành tội phạm. Một số quan điểm cho rằng

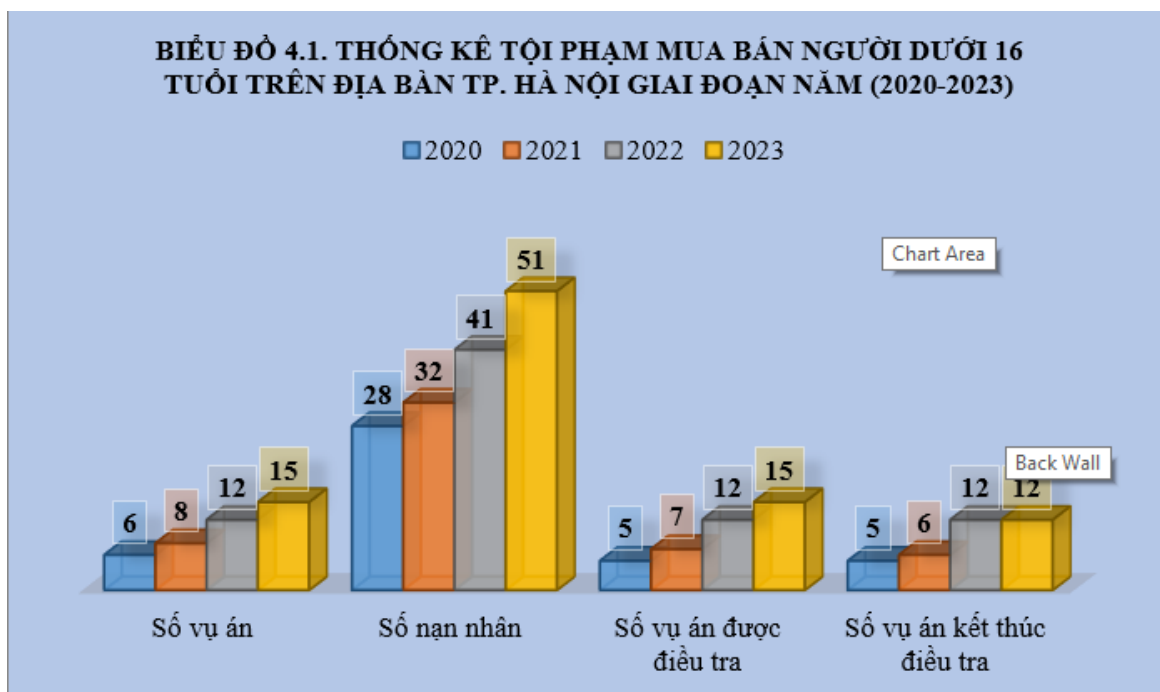
trách nhiệm hình sự về tội mua bán người nên phụ thuộc vào ý thức chủ quan của người phạm tội. Nếu người phạm tội không biết nạn nhân dưới 16 tuổi mà nghĩ rằng họ đã đủ tuổi, thì họ chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội mua bán người khi có đủ yếu tố cấu thành. Tuy nhiên, nghiên cứu cho rằng quan điểm này có thể làm suy yếu tính nghiêm minh của pháp luật trong việc đối phó với tội phạm mua bán người và trẻ em, nhất là khi đây là một vấn nạn toàn cầu xâm phạm đến quyền cơ bản của con người, bao gồm quyền được bảo vệ về tính mạng, sức khỏe, tự do thân thể, danh dự và nhân phẩm. Hơn nữa, nếu trách nhiệm hình sự phụ thuộc vào nhận thức chủ quan của người phạm tội về độ tuổi của nạn nhân, điều này có thể dẫn đến tình trạng họ luôn cho rằng mình không biết nạn nhân chưa đủ 16 tuổi (trừ những trường hợp rõ ràng). Trong bối cảnh trẻ em từ 13 đến gần 16 tuổi hiện nay thường có ngoại hình như những người đã đủ 16 tuổi, việc quy trách nhiệm hình sự về tội mua bán người dưới 16 tuổi không nên dựa vào ý thức chủ quan mà phải dựa trên sự thật khách quan, như quy định tại Điều 151 BLHS, là hoàn toàn hợp lý.

4.2 Khái quát chung về tội mua bán người dưới 16 tuổi trên địa bàn thành phố Hà Nội

Bảng 4.1. Thống kê tội phạm mua bán người dưới 16 tuổi trên địa bàn TP. Hà Nội giai đoạn năm (2020-2023)

| | Số vụ án | Số nạn nhân | Số vụ án được điều tra | Số vụ án kết thúc điều tra |
|------|-----------------|--------------------|-------------------------------|-----------------------------------|
| 2020 | 6 | 28 | 5 | 5 |
| 2021 | 8 | 32 | 7 | 6 |
| 2022 | 12 | 41 | 12 | 12 |
| 2023 | 15 | 51 | 15 | 12 |

(Nguồn: Số liệu được tổng hợp từ các cơ quan chức năng trên địa bàn thành phố Hà Nội. Công an Thành phố Hà Nội, Báo cáo thường niên 2020-2023).



Biểu đồ 4.1 : Thống kê tội phạm mua bán người dưới 16 tuổi trên địa bàn TP. Hà Nội giai đoạn năm (2020-2023)

Trong giai đoạn từ năm 2020 đến 2023, tội phạm mua bán người dưới 16 tuổi trên địa bàn thành phố Hà Nội đã cho thấy một xu hướng gia tăng đáng lo ngại. Cụ thể, số vụ án ghi nhận đã tăng từ 6 vụ trong năm 2020 lên tới 15 vụ vào năm 2023, tương ứng với tỷ lệ gia tăng khoảng 67%. Điều này không chỉ phản ánh tình hình nghiêm trọng của tội phạm mà còn cho thấy những hạn chế trong công tác thực thi pháp luật hiện tại.

Sự gia tăng số nạn nhân, từ 28 người trong năm 2020 lên 51 người vào năm 2023, chỉ ra rằng ngày càng có nhiều trẻ em bị lạm dụng và trở thành mục tiêu của các đối tượng tội phạm. Mặc dù một số vụ án đã được điều tra và kết thúc, tỷ lệ điều tra thành công vẫn chưa đạt yêu cầu mong muốn. Chỉ có 12 trong số 15 vụ án được kết thúc vào năm 2023, cho thấy cần phải áp dụng các biện pháp quyết liệt hơn để bảo vệ nạn nhân và xử lý hiệu quả các tội phạm.

Bối cảnh xã hội phức tạp, với những yếu tố như nghèo đói, thiếu hiểu biết về pháp luật, và sự thiếu vắng các chính sách bảo vệ trẻ em đầy đủ, góp

phần làm gia tăng tình trạng này. Nhiều gia đình gặp khó khăn về kinh tế có thể trở thành mục tiêu của các đối tượng tội phạm, khi họ dễ dàng bị lừa gạt hoặc ép buộc vào những tình huống nguy hiểm.

Tội phạm mua bán người dưới 16 tuổi thường diễn ra dưới nhiều hình thức khác nhau, thể hiện tính chất đa dạng và phức tạp của loại tội phạm này. Các đối tượng tội phạm thường mua bán trẻ em cho nhiều mục đích, bao gồm lao động cưỡng bức, mại dâm, hoặc thậm chí là hiến tạng. Điều này cho thấy sự tàn nhẫn và phi nhân đạo của các hành vi mua bán người.

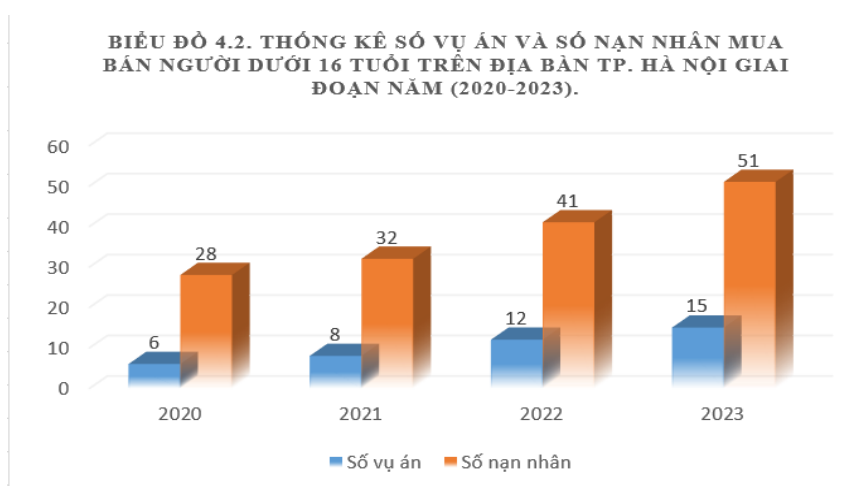
Các băng nhóm tội phạm hoạt động rất có tổ chức và thường có sự liên kết chặt chẽ với nhau, tạo ra mạng lưới phức tạp không chỉ trong nước mà còn xuyên quốc gia. Điều này gây khó khăn lớn cho công tác điều tra và xử lý của các cơ quan chức năng, khi mà các đối tượng tội phạm có thể dễ dàng di chuyển và lẩn trốn giữa các khu vực khác nhau. Các chiến thuật tinh vi, như sử dụng công nghệ thông tin và mạng xã hội để tuyển dụng nạn nhân, càng làm tăng thêm thách thức cho lực lượng chức năng trong cuộc chiến chống lại tội phạm mua bán người.

Vì vậy, tình hình tội phạm mua bán người dưới 16 tuổi trên địa bàn thành phố Hà Nội đang ngày càng nghiêm trọng, đòi hỏi sự vào cuộc mạnh mẽ từ các cơ quan chức năng cũng như sự hỗ trợ từ cộng đồng để ngăn chặn và triệt phá loại tội phạm này. Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp chính quyền và tổ chức xã hội để bảo vệ quyền lợi của trẻ em, đồng thời nâng cao nhận thức của cộng đồng về mối nguy hiểm này.

Bảng 4.2. Thống kê số vụ án và số nạn nhân mua bán người dưới 16 tuổi trên địa bàn TP. Hà Nội giai đoạn năm (2020-2023).

| Năm | Số vụ án | Số nạn nhân |
|------|----------|-------------|
| 2020 | 6 | 28 |
| 2021 | 8 | 32 |
| 2022 | 12 | 41 |
| 2023 | 15 | 51 |

(Nguồn: Số liệu được tổng hợp từ các cơ quan chức năng trên địa bàn thành phố Hà Nội. Công an Thành phố Hà Nội, Báo cáo thường niên 2020-2023).



Biểu đồ 4.2 : Thống kê số vụ án và số nạn nhân mua bán người dưới 16 tuổi trên địa bàn TP. Hà Nội giai đoạn năm (2020-2023).

Biểu đồ 4.2 thống kê cho thấy một xu hướng đáng báo động về số vụ án và số nạn nhân liên quan đến tội phạm mua bán người dưới 16 tuổi trên địa bàn Thành phố Hà Nội trong giai đoạn 2020-2023. Cụ thể, số vụ án đã tăng từ 6 vụ vào năm 2020 lên 15 vụ vào năm 2023, cho thấy tình hình tội phạm này đang có chiều hướng gia tăng. Tương tự, số nạn nhân cũng tăng từ 28 người dưới 16 tuổi vào năm 2020 lên 51 người dưới 16 tuổi vào năm 2023, cho thấy quy mô của vấn đề ngày càng lớn.

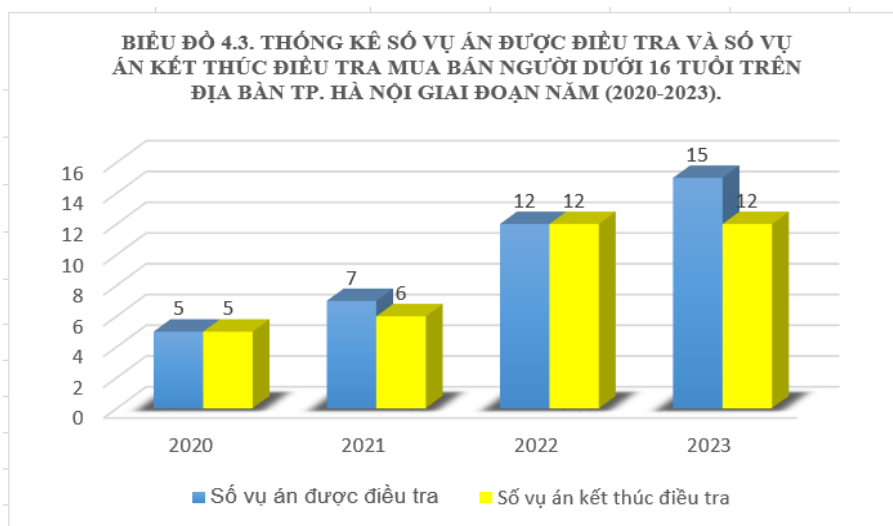
Dữ liệu cho thấy một xu hướng tăng liên tục cả về số vụ án và số nạn nhân trong suốt giai đoạn thống kê. Điều này chỉ ra rằng các biện pháp phòng

chống hiện tại chưa đủ hiệu quả để ngăn chặn tình trạng này. Mặc dù tốc độ tăng của số vụ án và số nạn nhân có thể không đều qua các năm, nhưng xu hướng tăng rõ ràng cho thấy cần thiết phải tiến hành các nghiên cứu sâu hơn để xác định nguyên nhân và đưa ra các giải pháp phù hợp. Đặc biệt, tất cả nạn nhân đều dưới 16 tuổi, là đối tượng dễ bị tổn thương và cần được bảo vệ. Ngoài ra, vấn đề này không chỉ xảy ra ở các vùng nông thôn mà còn diễn ra ngay tại các thành phố lớn như Hà Nội.

Bảng 4.3. Thống kê số vụ án được điều tra và số vụ án kết thúc điều tra mua bán người dưới 16 tuổi trên địa bàn TP. Hà Nội giai đoạn năm (2020-2023).

| Năm | Số vụ án được điều tra | Số vụ án kết thúc điều tra |
|------|------------------------|----------------------------|
| 2020 | 5 | 5 |
| 2021 | 7 | 6 |
| 2022 | 12 | 12 |
| 2023 | 15 | 12 |

(Nguồn: Số liệu được tổng hợp từ các cơ quan chức năng trên địa bàn thành phố Hà Nội. Công an Thành phố Hà Nội, Báo cáo thường niên 2020-2023).



Biểu đồ 4.3: Thống kê số vụ án được điều tra và số vụ án kết thúc điều tra mua bán người dưới 16 tuổi trên địa bàn TP. Hà Nội giai đoạn năm (2020-2023)

Từ biểu đồ 4.3 trên cho thấy sự gia tăng đáng kể số vụ án mua bán người dưới 16 tuổi tại Hà Nội trong giai đoạn 2020-2023, chỉ ra rằng tình hình tội phạm này ngày càng nghiêm trọng và cần sự quan tâm giải quyết kịp thời từ các cơ quan chức năng.

Số vụ án được điều tra và kết thúc điều tra đều có xu hướng tăng qua các năm, cho thấy tần suất xảy ra các vụ án này đang gia tăng. Trong giai đoạn này, hầu hết các vụ án đều được kết thúc điều tra, phản ánh hiệu quả làm việc của các cơ quan chức năng. Tuy nhiên, số vụ án kết thúc điều tra năm 2023 giảm so với năm 2022 có thể do một số vụ phức tạp cần thêm thời gian. Mặc dù số vụ án tăng, việc phân lớn đều được kết thúc điều tra chứng tỏ nỗ lực đáng kể trong công tác chống tội phạm mua bán người.

Nhu cầu xã hội về lao động giá rẻ trong các lĩnh vực như gia đình, nhà hàng, khách sạn có thể dẫn đến sự gia tăng hoạt động mua bán người. Các tổ chức tội phạm cũng ngày càng tinh vi và chuyên nghiệp hơn trong các hoạt động này. Bên cạnh đó, có thể còn tồn tại những kẽ hở trong công tác quản lý, đặc biệt là đối với trẻ em, nhóm dễ bị tổn thương nhất.

4.3. Thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật Hình sự về tội mua bán người dưới 16 tuổi trên địa bàn thành phố Hà Nội

4.3.1. Thực tiễn xét xử tội mua bán người dưới 16 tuổi trên địa bàn thành phố Hà Nội

Theo khảo sát từ 2020 đến 2023 tại TP. Hà Nội, số liệu từ Bộ Công an cho thấy toàn quốc ghi nhận hơn 3.000 vụ mua bán người, với gần 1.500 đối tượng tham gia và hơn 2.800 nạn nhân bị lừa. Nạn nhân chủ yếu là phụ nữ và trẻ em ở các vùng nông thôn, đặc biệt là vùng sâu, xa, giáp biên giới, thường trong độ tuổi kết hôn và không có việc làm ổn định. Họ bị bán với nhiều mục đích khác nhau, như làm vợ, con nuôi, hoặc bị ép vào các hoạt động mại dâm, cưỡng bức lao động, cho vay nặng lãi, để thuê, và bán nội tạng. Đặc biệt, trong số đó có 892 vụ mua bán người sang Trung Quốc, chiếm 85,2% tổng số

vụ, với 1.687 đối tượng và 2.418 nạn nhân bị lừa.

Từ năm 2020 đến nay, Công an Hà Nội đã phát hiện, xử lý và phối hợp với các lực lượng chức năng của Trung Quốc để giải cứu 19 nạn nhân bị lừa bán sang nước này, chủ yếu là phụ nữ và trẻ em. Trong thời gian này, các lực lượng chức năng tại TP. Hà Nội đã phát hiện 60 vụ, bắt giữ 36 đối tượng liên quan đến tội mua bán người, giải cứu 219 trẻ em, trong đó có 8 trẻ sơ sinh. Công an TP. Hà Nội cũng đã phối hợp với các đơn vị khác, tiếp nhận 256 nạn nhân bị lừa bán từ Trung Quốc.

Qua nghiên cứu và phân tích tình hình tội phạm mua bán người, đặc biệt là đối với những trường hợp dưới 16 tuổi trên địa bàn TP. Hà Nội trong giai đoạn từ 2020 đến 2023, có thể thấy rõ các xu hướng và vấn đề nghiêm trọng liên quan đến tội phạm này.

Bảng 4.4. Tổng số vụ án, tổng số bị cáo bị đưa ra xét xử về tội mua bán người dưới 16 tuổi trên tổng số vụ án, tổng số bị cáo bị đưa ra xét xử trên địa bàn TP. Hà Nội

| Năm | Tổng số vụ án đưa ra xét xử | Tổng số bị cáo đưa ra xét xử | Các tội liên quan đến người dưới 16 tuổi | | Mua bán người dưới 16 tuổi | | Tỷ lệ (V) và (I) % | Tỷ lệ (VI) và (II) % | Tỷ lệ (V) và (III) % | Tỷ lệ (V) và (IV) % |
|------------------|-----------------------------|------------------------------|--|----------------|----------------------------|----------------|--------------------|----------------------|----------------------|---------------------|
| | | | Tổng số vụ án | Tổng số bị cáo | Tổng số vụ án | Tổng số bị cáo | | | | |
| | (I) | (II) | (III) | (IV) | (V) | (VI) | | | | |
| 2020 | 1.532 | 2.497 | 31 | 62 | 6 | 28 | 0.392 | 1.12 | 19.35 | 9.68 |
| 2021 | 1.835 | 2.579 | 37 | 75 | 8 | 32 | 0.436 | 1.24 | 21.62 | 10.67 |
| 2022 | 2.221 | 3.562 | 41 | 81 | 12 | 41 | 0.540 | 1.15 | 29.27 | 14.81 |
| 2023 | 2.526 | 3.978 | 47 | 93 | 15 | 51 | 0.594 | 1.28 | 31.91 | 16.13 |
| Tổng cộng | 8.114 | 12.616 | 156 | 311 | 41 | 152 | 0.505 | 1.20 | 26.28 | 13.18 |

(Nguồn: Tổng hợp Toà án nhân dân TP. Hà Nội)

Bảng số liệu trên cung cấp cái nhìn tổng quan về tình hình tội phạm mua bán người dưới 16 tuổi tại Hà Nội trong giai đoạn 2020-2023. Nhìn chung, số vụ án và số bị cáo liên quan đến tội mua bán người dưới 16 tuổi có xu hướng tăng đều qua các năm, cho thấy tình hình tội phạm này diễn biến phức tạp. Mặc dù tỷ lệ tội mua bán người so với tổng số vụ án không quá cao, sự gia tăng số lượng các vụ án liên quan đến trẻ em là một vấn đề đáng báo động. Không chỉ có tội mua bán người, các hành vi xâm hại trẻ em khác cũng gia tăng, cho thấy sự đa dạng hóa của các hình thức tội phạm này.

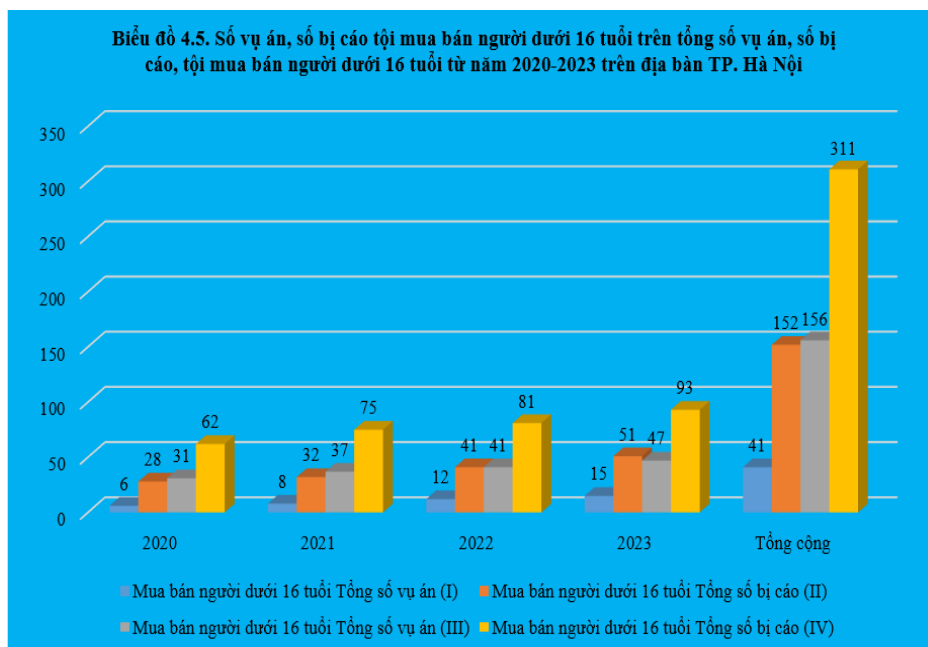
Phân tích chi tiết cho thấy tổng số vụ án và tổng số bị cáo liên quan đến tội mua bán người dưới 16 tuổi đều tăng, phản ánh sự gia tăng quy mô tội phạm. Tỷ lệ vụ án mua bán người dưới 16 tuổi so với tổng số vụ án có xu hướng tăng nhẹ, cho thấy tội phạm này đang chiếm một tỷ lệ nhất định và có xu hướng gia tăng. Tương tự, tỷ lệ bị cáo liên quan cũng tăng, cho thấy số lượng người tham gia vào hoạt động mua bán trẻ em ngày càng nhiều. Hơn nữa, tỷ lệ vụ án và bị cáo liên quan trực tiếp đến tội mua bán người dưới 16 tuổi so với tổng số vụ án và bị cáo liên quan đến trẻ em cũng gia tăng, khẳng định đây là vấn đề nghiêm trọng cần được quan tâm.

Tội phạm mua bán người dưới 16 tuổi gây hậu quả nghiêm trọng đối với trẻ em, ảnh hưởng đến cả thể chất, tinh thần và xã hội. Tình trạng này đặt ra thách thức lớn cho công tác phòng chống, đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chức năng, cộng đồng và gia đình. Để giảm thiểu tình trạng này, cần có giải pháp toàn diện, bao gồm nâng cao nhận thức cộng đồng, hoàn thiện khung pháp luật, tăng cường công tác truy bắt và xử lý tội phạm, cũng như hỗ trợ nạn nhân.

Bảng 4.5. Số vụ án, số bị cáo tội mua bán người dưới 16 tuổi trên tổng số vụ án, số bị cáo, tội mua bán người dưới 16 tuổi từ năm 2020-2023 trên địa bàn TP. Hà Nội

| Năm | Mua bán người và mua bán người dưới 16 tuổi | | Mua bán người dưới 16 tuổi | | Tỷ lệ (I) và (III) % | Tỷ lệ (II) và (IV) % |
|------------------|---|----------------|----------------------------|----------------|----------------------|----------------------|
| | Tổng số vụ án | Tổng số bị cáo | Tổng số vụ án | Tổng số bị cáo | | |
| | (I) | (II) | (III) | (IV) | | |
| 2020 | 6 | 28 | 31 | 62 | 19.35% | 45.16% |
| 2021 | 8 | 32 | 37 | 75 | 21.62% | 42.67% |
| 2022 | 12 | 41 | 41 | 81 | 29.27% | 50.62% |
| 2023 | 15 | 51 | 47 | 93 | 31.91% | 54.84% |
| Tổng cộng | 41 | 152 | 156 | 311 | 26.28% | 48.87% |

(Nguồn: Tổng hợp Toà án nhân dân TP. Hà Nội)



Biểu đồ 4.4: Số vụ án, số bị cáo tội mua bán người dưới 16 tuổi trên tổng số vụ án, số bị cáo, tội mua bán người dưới 16 tuổi từ năm 2020-2023 trên địa bàn TP. Hà Nội

Biểu đồ tình hình mua bán người dưới 16 tuổi tại Hà Nội trong giai đoạn 2020-2023 phản ánh một bức tranh đáng lo ngại. Xu hướng chung cho thấy số vụ án và số bị cáo liên quan đến tội mua bán người tăng đột biến, đặc biệt vào năm 2023, điều này cho thấy tình trạng này đang trở nên nghiêm trọng hơn và cần có biện pháp quyết liệt để ngăn chặn. Sự tương quan giữa số vụ án và số bị cáo cho thấy quy mô và mức độ nghiêm trọng của các vụ án ngày càng lớn. Cụ thể, trong năm 2020, số lượng vụ án và bị cáo còn thấp nhưng đã báo hiệu một vấn đề đáng quan tâm. Đến năm 2021, số lượng tăng nhẹ, cho thấy tình hình phức tạp hơn, và năm 2022 chứng kiến sự gia tăng tiếp tục, đặc biệt về số vụ án. Năm 2023, số lượng vụ án và bị cáo tăng đột biến, vượt ngoài tầm kiểm soát. Nguyên nhân có thể bao gồm gia tăng hoạt động tội phạm có tổ chức, tình trạng nghèo đói, khuyết điểm trong công tác quản lý, và ý thức pháp luật còn thấp của một bộ phận người dân. Hậu quả của tình trạng này không chỉ ảnh hưởng nghiêm trọng đến trẻ em, như bóc lột sức lao động và xâm hại tình dục, mà còn gây mất ổn định xã hội, làm giảm lòng tin của người dân vào pháp luật.

Diễn hình vụ án: Bản án số 69/2020/HS-PT ngày 25/02/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao TP. Hà Nội về tội “Mua bán người dưới 16 tuổi”: Ngày 23/11/2018, TP. Hà Nội Văn T đã tạo lòng tin với cháu Vàng Thị Gi để đưa cháu sang Trung Quốc bán. T đã liên lạc với Lâu Văn B, Hoàng Văn Th1 và Dương Văn C1 để cùng thực hiện hành vi. Sau khi bị lừa bán, Gi đã trốn thoát và báo cho Công an Trung Quốc, sau đó trở về Việt Nam và trình báo sự việc. Các bị cáo TP. Hà Nội Văn T, Lâu Văn B, Hoàng Văn Th1 và Dương Văn C1 phạm tội “Mua bán người dưới 16 tuổi” và bị xử phạt lần lượt 10 năm, 15 năm, 14 năm, và 14 năm tù giam. Đại diện hợp pháp của người bị hại đã kháng cáo yêu cầu tăng bồi thường, trong khi các bị cáo xin giảm hình phạt. Hành vi của các bị cáo đặc biệt nghiêm trọng, cần xử lý nghiêm khắc để làm gương và phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, do có nhân thân tốt và đã khắc

phục hậu quả, Tòa án đã chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Quyết định của Tòa án cấp phúc thẩm Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo và sửa bản án sơ thẩm về hình phạt. Không chấp nhận kháng cáo của đại diện hợp pháp người bị hại về tăng mức bồi thường dân sự, giữ nguyên trách nhiệm dân sự của các bị cáo. [2]

Bảng 4.6. Phân tích tình hình phạt áp dụng đối với bị cáo phạm tội mua bán người dưới 16 tuổi trên địa bàn TP. Hà Nội

| Năm | Phân tích hình phạt đối với bị cáo đã bị xét xử | | | | | | | | | |
|------------------|---|----------|-----------|------------------------|-------------------|-----------------------|-----------------------|--------------------------|------------------------|-------------------------------|
| | Miễn hình phạt | Cảnh cáo | Phạt tiền | Cải tạo không giam giữ | Cho hưởng án treo | Tù từ 3 năm trở xuống | Tù từ 3 năm đến 7 năm | Tù trên 7 năm đến 15 năm | Tù chung thân, tử hình | Có kèm theo hình phạt bổ sung |
| 2020 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 3 | 4 | 0 | 2 |
| 2021 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2 | 5 | 0 | 3 |
| 2022 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 3 | 0 | 4 |
| 2023 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 2 | 1 | 0 | 2 |
| Tổng cộng | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 7 | 13 | 0 | 11 |

(Nguồn: Tổng hợp Tòa án nhân dân TP. Hà Nội)

Dựa theo BLHS năm 2015, tội mua bán người dưới 16 tuổi được coi là một tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, với mức án có thể lên đến tù chung thân. Thống kê từ các bản án hình sự cho thấy đa số bị cáo nhận án phạt từ 7 đến 15

năm tù, điều này phản ánh tính chất nghiêm trọng của hành vi phạm tội. Mức án cao chủ yếu xuất phát từ việc các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với số lượng lớn, nhiều lần, hoặc có tính chất tái phạm. Do đó, việc áp dụng hình phạt nghiêm khắc là hoàn toàn cần thiết nhằm răn đe và loại bỏ hành vi này khỏi xã hội, từ đó bảo vệ trẻ em và gia đình. Ngoài hình phạt tù, việc áp dụng các hình phạt bổ sung như cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc hành nghề cũng rất quan trọng để hạn chế khả năng tái phạm của tội phạm.

Bảng 4.7. Thống kê số nạn nhân theo mục đích mua bán của tội phạm mua bán người dưới 16 tuổi trên địa bàn TP. Hà Nội từ năm 2020 - 2023

| Năm | Mại dâm | Làm con nuôi | Mục đích khác |
|------------------|----------------|---------------------|----------------------|
| 2020 | 6 | 8 | 14 |
| 2021 | 9 | 11 | 12 |
| 2022 | 11 | 14 | 16 |
| 2023 | 13 | 17 | 21 |
| Tổng cộng | 39 | 50 | 63 |

Bảng 4.7 cho thấy một xu hướng đáng báo động về số lượng nạn nhân của tội phạm mua bán người dưới 16 tuổi tại Hà Nội trong giai đoạn 2020-2023. Số liệu chỉ ra sự gia tăng không ngừng về nạn nhân ở tất cả các mục đích mua bán, bao gồm mại dâm, làm con nuôi và các mục đích khác.

Xu hướng chung cho thấy số lượng nạn nhân tăng đều qua các năm, phản ánh tình hình tội phạm mua bán người ngày càng nghiêm trọng và phức tạp. Trong đó, mại dâm là một trong những mục đích chính, với số lượng nạn nhân tăng dần, cho thấy nhu cầu lao động tình dục bất hợp pháp vẫn cao. Mặc dù số nạn nhân bị mua bán để làm con nuôi cũng gia tăng, tốc độ này chậm hơn so với mại dâm, nhưng vẫn gây lo ngại do ảnh hưởng lâu dài đến quyền trẻ em. Số lượng nạn nhân bị mua bán cho các mục đích khác cũng tăng đáng kể, thể hiện sự đa dạng trong các hình thức bóc lột trẻ em, từ lao động cưỡng bức đến buôn bán nội tạng.

Tính chất nghiêm trọng của tội phạm mua bán người dưới 16 tuổi gây ra hậu quả khôn lường cho nạn nhân và gia đình họ. Nguyên nhân chủ yếu bao gồm nhu cầu kinh tế từ lợi nhuận bất hợp pháp, khuyết điểm trong công tác quản lý trẻ em, và nhận thức cộng đồng hạn chế về phòng chống tội phạm. Hậu quả đối với nạn nhân bao gồm tổn thương thể chất và tinh thần, nguy cơ mắc bệnh truyền nhiễm, và mất quyền sống bình thường. Gia đình các nạn nhân phải chịu đựng nỗi đau mất mát, sự kỳ thị của cộng đồng, và khó khăn kinh tế.

4.3.2. Một số hạn chế trong hoạt động xét xử đối với tội mua bán người dưới 16 tuổi

Trong những năm qua, sự phối hợp giữa các cơ quan tố tụng trong việc xử lý các vụ án mua bán người đã phần nào đáp ứng được yêu cầu trong công tác đấu tranh với loại tội phạm này. Do đó, hầu hết các vụ án liên quan đến nạn nhân dưới 16 tuổi đều được xác định là án điểm, tạo điều kiện để cán bộ và Thẩm phán làm việc chặt chẽ với các lực lượng Công an, Viện kiểm sát trong việc nắm bắt hồ sơ ngay từ giai đoạn điều tra. Điều này giúp cho việc tổ chức phiên tòa xét xử diễn ra thuận lợi, vừa đảm bảo thời gian theo quy định của pháp luật, vừa đảm bảo việc xét xử đúng người, đúng tội và theo đúng quy định.

Đối với các vụ án được lựa chọn làm án điểm, Tòa án đã triển khai các phương án phối hợp với Công an, Viện kiểm sát, chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan để chuẩn bị tốt cho phiên tòa. Việc xét xử lưu động tại địa phương nơi xảy ra vụ án không chỉ đảm bảo an toàn mà còn nâng cao hiệu quả giáo dục và răn đe của phiên tòa. Một số Tòa án đã hợp tác với chính quyền địa phương để tổ chức phát thanh trực tiếp phiên tòa, giúp người dân theo dõi diễn biến. Các phương tiện truyền thông địa phương cũng tích cực đưa tin và tuyên truyền về kết quả xét xử, góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, đặc biệt là tội phạm mua bán người.

Tuy nhiên, công tác xét xử đối với tội phạm mua bán người dưới 16 tuổi tại TP. Hà Nội vẫn còn tồn tại một số hạn chế, cần được khắc phục đó là:

Một là, TP. Hà Nội là một thành phố nằm ở vùng đồng bằng Bắc Bộ, nổi bật với vị trí địa lý thuận lợi và lịch sử văn hóa phong phú. Từ đó, tạo ra nhiều khó khăn cho các cơ quan chức năng trong việc điều tra, truy tố và đặc biệt là xét xử. Việc xét xử lưu động tại các khu vực biên giới thường gặp nhiều thách thức, do sự đa dạng về ngôn ngữ và phong tục tập quán của nhiều dân tộc sinh sống tại đây.

Hai là, tội phạm mua bán người thường diễn ra một cách kín đáo, khiến việc phát hiện và tố giác gặp khó khăn. Ngay cả khi có thông tin, quá trình xác minh và điều tra cũng không dễ dàng, vì nhiều vụ việc thường bị phát hiện muộn, khi nạn nhân và đối tượng đã ở nước ngoài, trong khi chứng cứ thường rất hạn chế, chủ yếu dựa vào lời khai của nạn nhân hoặc người nhà họ.

Thực tiễn xét xử cho thấy, tội phạm này thường mang tính chất truy xét, rất ít trường hợp bị bắt quả tang. Do đó, những vụ án không thuộc dạng phạm tội quả tang chỉ được phát hiện khi nạn nhân trở về và tố cáo. Việc thu thập chứng cứ chủ yếu dựa vào lời khai của nạn nhân và lời nhận tội của đối tượng; nếu nạn nhân khai rằng nhiều người khác cũng bị lừa bán mà không chỉ riêng mình, thì việc chứng minh trở nên khó khăn nếu đối tượng không thừa nhận. Điều này có thể dẫn đến việc xử lý oan hoặc bỏ sót tội phạm. Trong những trường hợp xác định được tội phạm nhưng chưa xác định được nạn nhân do họ đang ở nước ngoài, các Tòa án có cách xử lý không đồng nhất; có Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nạn nhân, trong khi có Tòa án yêu cầu xác định nạn nhân để đưa vào tố tụng, nhưng việc này thường không khả thi, dẫn đến việc tạm đình chỉ vụ án kéo dài.

Đối với các vụ án truy xét, việc xác định các tình tiết để áp dụng khung hình phạt tăng nặng theo khoản 3 Điều 151 BLHS 2015, cụ thể là “Đã lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân,” gặp nhiều khó khăn. Điều này chỉ có thể được làm

rõ khi nạn nhân trở về và tố cáo. Trong những trường hợp có đủ chứng cứ cho thấy hành vi mua bán nhiều người nhưng nạn nhân chưa trở về hoặc không rõ địa chỉ hiện tại, việc xử lý sẽ rất phức tạp, đặc biệt nếu họ đã bị lấy đi một bộ phận cơ thể.

Tương tự, tình tiết liên quan đến việc nạn nhân tự sát cũng khó xác định nếu không biết rõ về hoàn cảnh của họ. Nếu nạn nhân tự sát do bị làm nhục nhưng không có chứng cứ cụ thể, việc xử lý đối tượng phạm tội sẽ trở nên khó khăn.

Việc xác định thiệt hại và giá trị vụ lợi trong các vụ mua bán người cũng gặp nhiều thách thức. Thỏa thuận giữa người mua và người bán có thể không rõ ràng, và nạn nhân có thể không biết giá trị của bản thân mình trong giao dịch này. Đặc biệt, khi người mua ở nước ngoài, cơ quan điều tra thường phải dựa vào lời khai của đối tượng phạm tội, điều này làm giảm tính khách quan và độ tin cậy của chứng cứ.

Ngoài ra, một số quy định trong BLHS và Nghị quyết hướng dẫn về tội mua bán người dưới 16 tuổi còn thiếu rõ ràng, gây khó hiểu. Ví dụ, trong trường hợp tội mua bán người với tình tiết “đã lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân” (điểm d khoản 3 Điều 151 BLHS) và tội giết người (điểm h khoản 1 Điều 123 BLHS), có những quan điểm trái chiều. Nếu người phạm tội lấy đi bộ phận quan trọng như “quả tim” của nạn nhân, biết rõ rằng việc này sẽ dẫn đến cái chết của nạn nhân, thì việc định tội trong trường hợp này đang gây tranh cãi và cần được làm rõ hơn.

Quan điểm 1: Trong trường hợp này, chỉ nên truy cứu trách nhiệm hình sự về tội mua bán người với hai tình tiết tăng nặng: đã lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân và làm nạn nhân chết (điểm d, đ khoản 3 Điều 151 BLHS). Người phạm tội thực hiện hành vi nhằm mục đích lấy quả tim, do đó, dấu hiệu cấu thành tội phạm về mua bán người được thể hiện rõ ràng trong toàn bộ quá trình phạm tội, giúp làm rõ hành vi vi phạm.

Quan điểm 2: Cần truy cứu trách nhiệm hình sự đối với cả hai tội: tội giết người và tội mua bán người dưới 16 tuổi. Đối với tội mua bán người, áp dụng tình tiết “đã lấy đi bộ phận cơ thể của nạn nhân,” còn tội giết người thì không áp dụng tình tiết này.

Quan điểm 3: Cũng cần truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hai tội giết người và mua bán người dưới 16 tuổi, nhưng đối với tội giết người, áp dụng tình tiết “để lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân,” trong khi tội mua bán người không áp dụng tình tiết “đã lấy đi bộ phận cơ thể của nạn nhân.”

Tình tiết “lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân” trong cấu thành tội phạm là quy định khó xác định, vì không thể biết rõ ý định của đối tượng, và hầu hết các đối tượng phạm tội đều không thừa nhận hành vi mua bán người nhằm mục đích này. Mặc dù quy định có tính chất phòng ngừa, việc áp dụng lại gặp khó khăn do thiếu chứng cứ chứng minh ý định của người phạm tội. Nếu chỉ dựa vào lời khai của họ, sẽ trái với nguyên tắc suy đoán vô tội trong tố tụng hình sự.

Một số tình tiết trong cấu thành tội phạm có thể dễ dàng nhầm lẫn với các tội danh khác như:

- Tội mua bán người và tội chứa mại dâm (Điều 327): Trong các vụ án chứa mại dâm, có những trường hợp nạn nhân tự nguyện tham gia, nhưng cũng có trường hợp họ bị bắt và bán vào các ổ mại dâm. Nếu không chứng minh được hành vi mua bán người, chỉ có thể truy cứu trách nhiệm hình sự về tội chứa mại dâm.

- Tội mua bán người và tội chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người (Điều 154): Trong các hành vi chiếm đoạt bộ phận cơ thể, người phạm tội có thể thực hiện qua trộm cắp, lừa đảo, hoặc dùng vũ lực. Việc truy cứu trách nhiệm hình sự sẽ phụ thuộc vào điều luật áp dụng, liệu là Điều 150, 151 hay 154.

BLHS 2015 quy định rằng hậu quả của hành vi mua bán người là “gây

rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân,” nhưng không giải thích rõ ràng khái niệm này. Điều này gây khó khăn trong việc áp dụng thực tiễn và thiếu tính thống nhất.

Bốn là, công tác phối hợp ở một số địa phương vẫn chưa hiệu quả, dẫn đến việc nhiều vụ án mua bán người phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung, có trường hợp bị trả hồ sơ đến hai lần, kéo dài thời gian xử lý. Một số phiên tòa bị hoãn do chuẩn bị chưa đầy đủ, không lường trước được các tình huống có thể xảy ra, và công tác bảo vệ phiên tòa chưa đảm bảo trật tự.

Hiện nay, một số cơ quan hỗ trợ tư pháp chưa đáp ứng được yêu cầu trong việc giải quyết các vụ án hình sự, đặc biệt là các vụ án mua bán người dưới 16 tuổi, gây khó khăn cho các cơ quan tố tụng và kéo dài thời gian xử lý. Nhiều vấn đề trong giải quyết các vụ án chưa được liên ngành Tư pháp trung ương tổng kết và hướng dẫn cụ thể, khiến các yêu cầu điều tra không được thực hiện.

Năm là, đội ngũ thẩm phán đã được đào tạo để đáp ứng yêu cầu công tác, nhưng do yếu tố vị trí địa lý và năng lực chuyên môn còn hạn chế, thẩm phán có thể gặp khó khăn trong việc ra quyết định đúng đắn, ảnh hưởng đến chất lượng xét xử.

4.3.3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế và vướng mắc trong hoạt động xét xử tội mua bán người dưới 16 tuổi trên địa bàn TP. Hà Nội

Qua việc phân tích tình hình xét xử tội phạm mua bán người dưới 16 tuổi tại TP. Hà Nội trong thời gian gần đây, chúng tôi đã chỉ ra một số hạn chế và vướng mắc trong việc áp dụng các quy định pháp luật cùng quy trình xét xử liên quan đến tội này. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến các vấn đề này bao gồm:

Thứ nhất, hệ thống pháp luật về các tội phạm liên quan đến trẻ em (bao gồm người dưới 16 tuổi) nói chung và tội mua bán người dưới 16 tuổi nói riêng vẫn chưa được hoàn thiện và thiếu tính đồng bộ. Việc ban hành các văn

bản hướng dẫn đôi khi không kịp thời và không theo kịp thực tế diễn ra, dẫn đến sự thiếu thống nhất trong áp dụng và xét xử. BLHS năm 2015, với các sửa đổi và bổ sung năm 2017, là văn bản pháp lý toàn diện nhất về tội mua bán người dưới 16 tuổi. Điều 151 của Bộ luật này cùng với Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐTP đã cung cấp những quy định cụ thể và rõ ràng về hành vi cũng như khung hình phạt đối với tội này. Tuy nhiên, các quy định trong BLHS và các Thông tư hướng dẫn vẫn còn nhiều bất cập và chưa hoàn toàn đồng nhất, gây khó khăn trong việc áp dụng pháp luật.

Thứ hai, do ảnh hưởng từ cơ chế quản lý tổ chức, các Thẩm phán có thể chịu sự chi phối từ cấp ủy địa phương trong quá trình tái bổ nhiệm, dẫn đến việc thiếu tính khách quan trong một số trường hợp xét xử. Trình độ năng lực và tinh thần trách nhiệm của đội ngũ Thẩm phán và Hội Thẩm nhân dân còn hạn chế; kỹ năng nghề nghiệp và kinh nghiệm của họ không đồng đều. Hơn nữa, có những Thẩm phán chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình, thường có tư duy phiến diện khi đánh giá chứng cứ và nghiên cứu hồ sơ vụ án. Việc áp dụng các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ cũng không chính xác, dẫn đến mức xử phạt không hợp lý. Bên cạnh đó, điều kiện làm việc của cán bộ tại các cơ sở gặp nhiều khó khăn, vị trí địa lý không thuận lợi và mức lương thấp tại các cơ quan tố tụng khiến nhiều cán bộ không thể tham gia các lớp đào tạo. Điều này dẫn đến việc nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ chưa đạt yêu cầu, gây ảnh hưởng đến hiệu quả công việc.

Thứ ba, trong bối cảnh hội nhập quốc tế, những ảnh hưởng tiêu cực từ nền kinh tế thị trường đã dẫn đến sự suy giảm về đạo đức xã hội, lối sống thực dụng và một bộ phận người dân theo đuổi lợi nhuận bất chính. Sự phát triển nhanh chóng và đô thị hóa tại tỉnh đã khiến một số hộ gia đình mất việc làm, trong khi TP. Hà Nội vẫn chưa có những định hướng rõ ràng cho việc chuyển đổi ngành nghề. Điều này đã góp phần gia tăng tình trạng tội phạm, đặc biệt là các tội liên quan đến mua bán người, bao gồm cả mua bán người

dưới 16 tuổi. Công tác tuyên truyền và giáo dục cho người dân, đặc biệt là thanh thiếu niên, về việc phòng chống các loại tội phạm này vẫn chưa được triển khai rộng rãi và hiệu quả.

Thứ tư, sự phối hợp giữa các ngành và chính quyền địa phương trong việc quản lý con người và công tác phòng chống tội phạm còn thiếu tính đồng bộ. Chưa có những giải pháp hợp lý trong việc quản lý những người đã hoặc đang thi hành án liên quan đến hoạt động mua bán người, dẫn đến tình trạng tái phạm vẫn xảy ra.

Thứ năm, các vụ án liên quan đến mua bán người, đặc biệt là mua bán người dưới 16 tuổi, thường có yếu tố nước ngoài, chủ yếu từ Trung Quốc, và thường xảy ra tại các xã biên giới với địa hình khó khăn, dân cư thưa thớt và giao thông bất tiện. Sự hiện diện của nhiều đường mòn và lối mở làm cho công tác điều tra, truy tố và xét xử tội phạm gặp nhiều khó khăn, nhất là trong việc hợp tác với các cơ quan chức năng Trung Quốc. Một số vụ án không thể được khởi tố hoặc điều tra do đối tượng phạm tội là công dân Trung Quốc. Nạn nhân chủ yếu là phụ nữ và trẻ em ở các vùng sâu, vùng xa, có hoàn cảnh khó khăn và thiếu hiểu biết, thường bị dụ dỗ với lời hứa về công việc nhẹ nhàng, lương cao, để rồi bị đưa sang biên giới Móng Cái và bán sang Trung Quốc.

Thứ sáu, tình hình tội phạm mua bán người tại tuyến biên giới Việt Nam - Trung Quốc đang diễn biến rất phức tạp và tiềm ẩn nhiều nguy cơ mất an ninh trật tự. Mặc dù đã có các thỏa thuận giữa hai nước về đấu tranh chống tội phạm, bao gồm tội phạm mua bán người dưới 16 tuổi, nhưng do khác biệt về ngôn ngữ và phong tục tập quán, việc hợp tác vẫn chưa hiệu quả. Mối quan hệ thân tộc lâu đời giữa người dân hai bên biên giới cũng khiến cho công tác kiểm soát và phát hiện các vụ mua bán người gặp nhiều thách thức. Các đối tượng phạm tội trong nước thường liên kết chặt chẽ với các tổ chức nước ngoài, hình thành các đường dây mua bán người xuyên quốc gia, làm cho việc điều tra và truy bắt các đối tượng chủ mưu rất khó khăn.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 4

Chương 4 đã cung cấp cái nhìn sâu sắc về thực trạng pháp luật liên quan đến tội mua bán người dưới 16 tuổi trên địa bàn thành phố Hà Nội, từ khía cạnh pháp lý cho đến thực tiễn áp dụng. Qua khảo sát giai đoạn 2020-2023, chúng ta nhận thấy rằng mặc dù hệ thống pháp luật đã được xây dựng với nhiều quy định nhằm ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi mua bán người, nhưng thực tế vẫn còn nhiều thách thức trong việc thực thi và áp dụng những quy định này.

Cụ thể, thực trạng cho thấy nhận thức về tội phạm mua bán người trong cộng đồng còn hạn chế, dẫn đến việc phát hiện và xử lý các vụ việc chưa kịp thời và hiệu quả. Việc này không chỉ ảnh hưởng đến nạn nhân mà còn tạo điều kiện cho tội phạm tiếp tục hoành hành. Bên cạnh đó, các cơ quan chức năng cũng gặp khó khăn trong việc phối hợp và huy động nguồn lực, điều này khiến cho công tác đấu tranh chống tội phạm trở nên kém hiệu quả. Đặc biệt, vấn đề giáo dục và tuyên truyền về bảo vệ trẻ em cần được chú trọng hơn nữa để nâng cao nhận thức cộng đồng và tạo ra một môi trường an toàn cho trẻ.

Để nâng cao hiệu quả trong công tác phòng ngừa và đấu tranh với tội mua bán người dưới 16 tuổi, việc tăng cường công tác giáo dục pháp luật là rất cần thiết. Cần cải thiện hệ thống chính sách, quy trình điều tra và xử lý tội phạm, đồng thời xây dựng mạng lưới hỗ trợ cho nạn nhân. Việc này không chỉ giúp bảo vệ quyền lợi hợp pháp của trẻ em mà còn góp phần quan trọng vào việc xây dựng một xã hội an toàn, lành mạnh và nhân văn hơn, nơi mà mọi trẻ em đều được bảo vệ và phát triển trong môi trường tích cực.

CHƯƠNG 5: HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI MUA BÁN NGƯỜI DƯỚI 16 TUỔI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY.

5.1. Định hướng hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành về tội mua bán người dưới 16 tuổi

Qua nghiên cứu các BLHS năm 1985, 1999 và 2015, cùng với các văn bản pháp luật liên quan, có thể nhận thấy rằng chính sách hình sự của Nhà nước ta đang có xu hướng nghiêm khắc hơn trong việc xử lý tội mua bán người. BLHS năm 2015, được Quốc hội khóa XIII thông qua, đã khắc phục một số hạn chế của BLHS năm 1999. Cụ thể, kỹ thuật lập pháp đã được cải tiến, với việc luật hóa các trường hợp phạm tội trong điều luật, tạo sự thống nhất trong quá trình áp dụng của các cơ quan chức năng.

Khung hình phạt cho tội mua bán người dưới 16 tuổi, được quy định tại Điều 151 BLHS năm 2015, đã được tách ra từ tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em theo Điều 120 BLHS năm 1999 thành ba tội danh độc lập. Điều này giúp phản ánh chính xác tính chất và mức độ nguy hiểm của từng hành vi, đồng thời phân hóa trách nhiệm hình sự rõ ràng hơn.

Việc quy định độc lập tội mua bán người dưới 16 tuổi cũng làm rõ các dấu hiệu cấu thành tội phạm, giảm thiểu khả năng nhầm lẫn và chồng chéo giữa các tội danh. Mức hình phạt cho tội phạm này đã được nâng cao đáng kể. Ngoài ra, điều luật cũng quy định lại các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, với hình phạt bổ sung được điều chỉnh từ 50.000.000 đến 200.000.000 đồng, so với mức 5.000.000 đến 50.000.000 đồng theo BLHS năm 1999.

Tuy nhiên, qua nghiên cứu các quy định tại Điều 151 BLHS năm 2015 về tội mua bán người dưới 16 tuổi và đặc biệt là Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐTP, hướng dẫn áp dụng Điều 150 về tội mua bán người và Điều 151 về tội mua bán người dưới 16 tuổi, có hiệu lực từ 15/3/2019, tôi nhận thấy một số điểm hạn chế chưa được quy định rõ ràng hoặc dễ gây nhầm lẫn, cụ thể như sau:

Phân hóa độ tuổi nạn nhân: Điều 142 BLHS năm 2015 về tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi đã phân hóa theo độ tuổi của nạn nhân. Quy định này là hợp lý, vì hành vi phạm tội gây hậu quả nặng nề hơn với nạn nhân ở độ tuổi càng thấp. Đối với tội mua bán người dưới 16 tuổi, cũng có thể nhận thấy rằng việc mua bán dễ dàng hơn đối với những em nhỏ. Do đó, cần xem xét việc phân hóa độ tuổi nạn nhân trong quy định về tội mua bán người dưới 16 tuổi.

Thiếu thống nhất trong Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐTP: Một số điều trong Nghị quyết chưa có sự nhất quán:

Khoản 2 Điều 4 ghi: “nhưng vẫn thể hiện hành vi môi giới để nhận tiền hoặc lợi ích vật chất khác.” Trong khi đó, điểm a khoản 1 Điều 5 ghi: “...chuyển giao họ cho phía nước ngoài để lấy tiền hoặc lợi ích vật chất khác.” Điểm a khoản 1 Điều 7 cũng ghi: “...nhưng vẫn chuyển giao nạn nhân để nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác.” Các điều này đều quy định theo Điều 150 và Điều 151 là: “để nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác.” Như vậy, hướng dẫn tại khoản 2 Điều 4 thiếu “tài sản,” và hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều 5 vừa thiếu “tài sản” lại vừa sử dụng thuật ngữ “lấy” thay cho “nhận,” dẫn đến thiếu chính xác và không thống nhất trong Nghị quyết.

Khoản 2 Điều 6 chỉ hướng dẫn Điều 150 về tội mua bán người mà không đề cập đến các tình tiết tương tự được quy định tại khoản 3 Điều 151 BLHS.

Ví dụ, tại điểm c khoản 3 quy định về việc "gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân với tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên"; điểm d quy định về việc "đã lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân"; và điểm đ nói về việc "làm nạn nhân chết hoặc tự sát". Nếu người phạm tội mua bán người dưới 16 tuổi không thuộc trường hợp "đã lấy bộ phận cơ thể quyết định sự sống của nạn nhân" hoặc "làm nạn nhân chết", thì họ sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội giết người theo quy

định tại điểm b khoản 1 Điều 123 BLHS, nhưng vẫn có thể bị truy cứu theo Điều 151 nếu có các tình tiết quy định tại khoản 3.

Đối với người dưới 16 tuổi, khi áp dụng Điều 123 về tội giết người, sẽ có hai tình tiết định khung tăng nặng: “giết người dưới 16 tuổi” và “giết người để lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân”.

Theo Nghị quyết, “2. Người phạm tội đã lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân nhưng không thuộc trường hợp tại khoản 1 Điều này sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội mua bán người theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 150 của BLHS. Nếu trong trường hợp này gây thương tích, tổn hại sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần với tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên, hoặc làm nạn nhân chết do nhiễm trùng hoặc tự sát, tùy từng trường hợp, người phạm tội có thể bị truy cứu thêm theo điểm c hoặc điểm d khoản 3 Điều 150 của BLHS.”

Sự hướng dẫn này có thể gây nhầm lẫn giữa “đã lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân” và “gây thương tích, gây tổn hại sức khỏe, gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân”. Tôi cho rằng nên tránh sử dụng cụm từ “trong trường hợp này”, vì nó không chính xác. Đối với tội mua bán người dưới 16 tuổi theo Điều 151, lại không có hướng dẫn cụ thể về vấn đề này.

Hướng dẫn tại Điều 8 về truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp có nhiều hành vi phạm tội:

Người phạm tội mua bán người, đặc biệt là mua bán người dưới 16 tuổi, có thể bị truy cứu về các hành vi phạm tội khác như hiếp dâm, cưỡng dâm, cướp tài sản hoặc trộm cắp tài sản.

Nghị quyết đưa ra ví dụ: Nguyễn Văn A mua Nguyễn Thị C để bán, và trong quá trình đưa C đi bán, A đã đánh C gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể 30%. Trong trường hợp này, A bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội mua bán người và tội cố ý gây thương tích.

Tuy nhiên, tôi cho rằng ví dụ này không chính xác. Tình tiết gây

thương tích, tổn hại sức khỏe hoặc rối loạn tâm thần của nạn nhân là tình tiết định khung hình phạt. Theo Điều 150 và Điều 151, tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% là tình tiết định khung tăng nặng ở khoản 2, và tỷ lệ từ 61% trở lên là tình tiết định khung hình phạt ở khoản 3. Điều này có nghĩa là nếu tỷ lệ tổn thương cơ thể dưới 31% (tức là 30% trở xuống), người phạm tội chỉ bị truy cứu theo khoản 1 của điều luật.

Như vậy, nếu đã là tình tiết định khung hình phạt, thì không còn là tình tiết định tội độc lập. Giả sử Nguyễn Văn A đánh C và gây thương tích từ 31% đến 60% hoặc từ 61% trở lên, thì A có bị truy cứu trách nhiệm về tội mua bán người và tội cố ý gây thương tích không? Nếu hướng dẫn của Hội đồng Thẩm phán là chính xác, thì khi truy tố hai tội, việc áp dụng các tình tiết gây thương tích và tổn hại sức khỏe sẽ được thực hiện ra sao? Tôi cho rằng vấn đề này cần được xem xét kỹ lưỡng, vì nó có thể gây khó khăn trong thực tiễn áp dụng.

Điểm a và điểm b khoản 1 Điều 4 của Nghị quyết quy định: “*a. Cưỡng bức, đe dọa hoặc lừa gạt để buộc người khác kết hôn với người nước ngoài và chuyển giao người đó cho người nước ngoài để nhận tiền, tài sản, lợi ích vật chất khác; b. Cưỡng bức, đe dọa hoặc lừa gạt để buộc người khác kết hôn với người nước ngoài và chuyển giao người đó cho người nước ngoài nhằm bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác.*”

Các hành vi cưỡng bức, đe dọa và lừa gạt đã cụ thể hóa dấu hiệu “dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, lừa gạt” được quy định tại khoản 1 Điều 150, là các dấu hiệu định tội. Tuy nhiên, người phạm tội còn có thể sử dụng những thủ đoạn khác để buộc người khác kết hôn với người nước ngoài, và những thủ đoạn này đã được hướng dẫn tại khoản 3 Điều 2 của Nghị quyết. Do đó, việc bổ sung cụm từ “hoặc thủ đoạn khác” trong điểm a và b khoản 1 Điều 4 sẽ giúp đảm bảo đúng các dấu hiệu của tội phạm và hướng dẫn một cách đầy

đủ, chính xác hơn về quy định của điều luật.

Cũng cần lưu ý rằng tội mua bán người và tội mua bán người dưới 16 tuổi không phân biệt giữa việc chuyển giao người cho người nước ngoài hay trong nước. Tình tiết “đưa nạn nhân ra khỏi biên giới của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” chỉ là tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự. Vì vậy, người thực hiện các hành vi cấu thành tội phạm mua bán người, dù không chuyển giao nạn nhân ra nước ngoài hoặc không đưa họ ra khỏi biên giới Việt Nam, vẫn bị coi là phạm tội.

Để nâng cao hiệu quả của các quy định pháp luật, tôi đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều 151 về tội mua bán người dưới 16 tuổi như sau:

Các hành vi cấu thành tội phạm: Cần làm rõ các hành vi cấu thành tội mua bán người dưới 16 tuổi, bao gồm việc chuyển giao hoặc tiếp nhận nạn nhân cho mục đích bóc lột, cưỡng bức lao động, hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác.

Khung hình phạt: Đề xuất khung hình phạt cần được điều chỉnh để phản ánh mức độ nghiêm trọng của từng hành vi phạm tội, đặc biệt là với các tình tiết tăng nặng.

Quy định cụ thể về tình tiết tăng nặng: Cần xác định rõ các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, chẳng hạn như việc lợi dụng chức vụ quyền hạn, số lượng nạn nhân, hoặc đối tượng nạn nhân.

Đảm bảo tính khả thi trong áp dụng: Cần xem xét để đảm bảo rằng các quy định mới sẽ dễ dàng được áp dụng trong thực tiễn, hạn chế sự nhầm lẫn và chồng chéo.

Việc hoàn thiện các quy định của PLHS về tội mua bán người dưới 16 tuổi là cần thiết để đảm bảo hiệu quả trong việc đấu tranh với tội phạm, bảo vệ quyền lợi của những đối tượng dễ bị tổn thương trong xã hội. Cần thiết phải nghiên cứu và áp dụng các biện pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả phòng ngừa và xử lý tội phạm này.

5.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định PLHS đối với tội mua bán người dưới 16 tuổi

Thực hiện đánh giá tình hình tội phạm mua bán người dưới 16 tuổi, chúng ta có thể nhận diện những hạn chế, khó khăn và nguyên nhân trong quá trình xét xử các vụ án liên quan đến loại tội phạm này tại TP. Hà Nội. Ngoài việc đề xuất sửa đổi và bổ sung các quy định của pháp luật, để nâng cao hiệu quả trong công tác phòng ngừa tội phạm, cần thực hiện một số giải pháp khác nhau trên nhiều lĩnh vực như kinh tế - xã hội, văn hóa - giáo dục và quản lý tổ chức. Những giải pháp này phải được thực hiện dưới sự lãnh đạo của Đảng, theo cách đồng bộ và có hệ thống, nhằm đảm bảo tính hiệu quả khi áp dụng vào thực tế. Dưới đây là một số giải pháp mà tôi đề xuất:

5.2.1. Nâng cao hiệu quả tổ chức và hoạt động của Tòa Án Nhân Dân

Theo Hiến pháp năm 2013, *“Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp.”* [1, Điều 102]. Điều này khẳng định vai trò trung tâm của Tòa án trong việc xác định tính chất của các hành vi vi phạm, xem chúng có phải là tội phạm hay không. Với vai trò quan trọng này, ngành Tòa án cần có những cải cách về tổ chức và hoạt động để đáp ứng yêu cầu của Đảng, Nhà nước và nhân dân.

Nội dung cải cách tổ chức và hoạt động của TAND đã được nêu trong nhiều văn kiện của Đảng và Nhà nước gần đây. Văn kiện của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII đã chỉ ra những nội dung chính của cải cách tư pháp, bao gồm: *“... Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp luật làm cơ sở cho tổ chức và hoạt động của hệ thống các cơ quan tư pháp, đảm bảo rằng mọi vi phạm pháp luật đều phải được xử lý, và mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật. Cũng cố, kiện toàn bộ máy các cơ quan tư pháp, phân định lại thẩm quyền xét xử của TAND, từng bước mở rộng thẩm quyền và xét xử sơ thẩm cho TAND cấp huyện.”* [10, tr.15].

Trong bối cảnh tổng thể của quá trình cải cách tư pháp, việc xây dựng

và hoàn thiện tổ chức cũng như hoạt động của TAND là một trong những mục tiêu quan trọng mà Đảng và Nhà nước đã đề ra. Việc đổi mới tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân hiện nay cần dựa trên một số phương hướng cơ bản nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng hoạt động tư pháp. Trước tiên, việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật là vô cùng quan trọng. Hệ thống pháp luật cần tạo ra cơ sở vững chắc cho cải cách tư pháp nói chung và cải cách TAND nói riêng. Điều này sẽ đảm bảo rằng mọi hành vi vi phạm pháp luật đều được xử lý một cách kịp thời, chính xác và đúng theo quy định của pháp luật.

Một trong những vấn đề cốt lõi trong quá trình đổi mới là tôn trọng và bảo vệ quyền con người, cũng như đảm bảo dân chủ và bình đẳng trước pháp luật cho mọi công dân. Những điều này không chỉ là nguyên tắc cơ bản mà còn là nền tảng cho mọi hoạt động của TAND. Để đạt được điều này, cần có những quy định pháp luật trong lĩnh vực hình sự và dân sự được hoàn thiện hơn nữa, hướng đến việc bảo vệ tối đa quyền lợi, tự do và lợi ích hợp pháp của công dân, cũng như lợi ích của nhà nước. Ngoài ra, việc xây dựng đội ngũ cán bộ tòa án có phẩm chất chính trị vững vàng và trình độ chuyên môn cao cũng là một yếu tố quan trọng. Đội ngũ cán bộ không chỉ cần có đạo đức nghề nghiệp mà còn phải có kiến thức chuyên sâu để xử lý các vụ án một cách công tâm và chính xác.

Hiện nay, cơ chế tổ chức của TAND các cấp đang gặp một số khó khăn, mặc dù chính quyền địa phương không có thẩm quyền quyết định về tổ chức và nhân sự của tòa án. Tuy nhiên, cấp ủy địa phương lại có ảnh hưởng lớn đến công tác tổ chức và cán bộ của TAND. Điều này có thể dẫn đến những tác động tiêu cực, đặc biệt là trong các vụ án có liên quan đến người thân của đại diện chính quyền địa phương, khiến cho tính độc lập và khách quan trong xét xử bị ảnh hưởng.

Vì vậy, việc thành lập mô hình Tòa án khu vực được coi là giải pháp

khả thi để khắc phục những hạn chế, bất cập trong tổ chức bộ máy hiện nay. Mô hình này sẽ giúp tăng cường tính độc lập, công bằng và minh bạch trong xét xử, qua đó nâng cao niềm tin của người dân vào hệ thống tư pháp. Từ đó, TAND có thể thực hiện tốt hơn vai trò của mình trong việc bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công dân và duy trì trật tự pháp luật trong xã hội.

5.2.2. Tăng cường Năng lực và Chất lượng Đội ngũ Cán bộ Tòa án

Để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong việc thực thi công lý và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công dân, việc nâng cao năng lực và trình độ của đội ngũ cán bộ Tòa án là một nhiệm vụ cấp bách và cần thiết. Trước bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, việc trang bị kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ cho cán bộ Tòa án các cấp cần được thực hiện một cách đồng bộ và hiệu quả.

Tăng cường đào tạo và bồi dưỡng, một trong những giải pháp quan trọng là đẩy mạnh chương trình đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn và nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ Tòa án. Các khóa học cần được thiết kế linh hoạt, cập nhật thường xuyên để phù hợp với sự thay đổi của hệ thống pháp luật và yêu cầu thực tiễn. Việc tổ chức các hội thảo, tọa đàm chuyên đề cũng rất cần thiết, giúp cán bộ Tòa án trao đổi kinh nghiệm và cập nhật kiến thức mới trong lĩnh vực tư pháp.

Khuyến khích tự học và phát triển bản thân, ngoài việc tham gia các khóa đào tạo chính thức, cần tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ, công chức trong ngành Tòa án có thể tự học tập nâng cao năng lực. Các cơ chế động viên, khuyến khích như khen thưởng, ghi nhận thành tích trong việc tự học sẽ tạo động lực lớn cho cán bộ phát triển bản thân. Thư viện, tài liệu nghiên cứu và các nguồn học liệu trực tuyến cũng cần được cải thiện và cập nhật để hỗ trợ cho việc học tập này.

Xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất đạo đức và tinh thần trách nhiệm, bên cạnh việc nâng cao trình độ chuyên môn, việc xây dựng một đội

ngũ cán bộ Tòa án trong sạch, vững mạnh về mặt phẩm chất đạo đức và bản lĩnh chính trị là vô cùng quan trọng. Cán bộ Tòa án không chỉ cần có kiến thức sâu rộng mà còn phải có tư duy phản biện, khả năng đánh giá và xử lý tình huống một cách công minh. Để đạt được điều này, các chương trình đào tạo cần chú trọng đến việc nâng cao tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ và tinh thần làm việc chuyên nghiệp của cán bộ.

Tạo môi trường làm việc thuận lợi, việc nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ Tòa án cũng cần gắn liền với việc cải thiện môi trường làm việc. Cần có các chính sách hợp lý để khuyến khích cán bộ, công chức phấn đấu và cống hiến cho ngành. Một môi trường làm việc thân thiện, công bằng và minh bạch sẽ giúp cán bộ Tòa án cảm thấy tự tin hơn trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình, từ đó nâng cao hiệu quả công việc.

Vì vậy, việc nâng cao năng lực và trình độ của đội ngũ cán bộ Tòa án không chỉ là một nhiệm vụ mà còn là một giải pháp chiến lược nhằm đảm bảo rằng Tòa án có thể thực hiện tốt vai trò của mình trong việc bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công dân, đồng thời đóng góp vào sự phát triển bền vững của hệ thống tư pháp Việt Nam.

5.2.3. Thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững

Để giảm thiểu tội phạm mua bán người dưới 16 tuổi, một trong những giải pháp quan trọng là thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững. Việc này có thể thực hiện thông qua nhiều biện pháp cụ thể. Trước hết, cần xây dựng các chương trình tạo việc làm cho thanh niên và phụ huynh, giúp họ có thu nhập ổn định. Khi có công ăn việc làm, các gia đình sẽ giảm áp lực kinh tế và ít có khả năng rơi vào tình trạng bán trẻ em như một giải pháp tạm thời. Bên cạnh đó, đầu tư vào giáo dục cũng là một yếu tố then chốt. Đảm bảo trẻ em được tiếp cận với giáo dục không chỉ giúp nâng cao nhận thức và kỹ năng cho thế hệ trẻ, mà còn trang bị cho các em khả năng tự bảo vệ mình khỏi các mối đe dọa. Cuối cùng, phát triển các chương trình hỗ trợ xã hội cho những gia đình

có hoàn cảnh khó khăn là rất cần thiết, nhằm giảm thiểu sự phụ thuộc vào các nguồn thu nhập không chính đáng.

Các nghị định và chính sách cần được thiết lập để hỗ trợ những nỗ lực này, chẳng hạn như Nghị định số 56/2017/NĐ-CP quy định về chính sách hỗ trợ người lao động trong việc tạo việc làm và Nghị định số 49/2019/NĐ-CP về việc triển khai các chương trình giáo dục cho trẻ em. Những chương trình này không chỉ giúp nâng cao chất lượng cuộc sống mà còn tạo ra một môi trường an toàn hơn cho trẻ em, từ đó góp phần đáng kể vào việc phòng ngừa và ngăn chặn tội phạm mua bán người. Sự kết hợp giữa phát triển kinh tế, giáo dục và hỗ trợ cộng đồng sẽ tạo nên một nền tảng vững chắc để bảo vệ trẻ em, đồng thời khuyến khích sự phát triển bền vững trong xã hội.

5.2.4. Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật

Việc nâng cao nhận thức về tội mua bán người là rất cần thiết trong cuộc chiến chống lại loại tội phạm này, đặc biệt là đối với trẻ em. Để thực hiện điều này, cần có một loạt biện pháp tuyên truyền và giáo dục hiệu quả.

Thứ nhất, các chiến dịch tuyên truyền rộng rãi phải được tổ chức để thông tin về tác hại của tội mua bán người và quyền lợi của trẻ em đến với cộng đồng. Sử dụng đa dạng các phương tiện truyền thông như báo chí, truyền hình, và mạng xã hội sẽ giúp tiếp cận nhiều đối tượng hơn.

Thứ hai, việc tích hợp kiến thức về bảo vệ trẻ em và nhận diện các hình thức tội phạm vào chương trình học tại các trường học là vô cùng quan trọng. Điều này không chỉ giúp học sinh hiểu rõ và cảnh giác trước những mối nguy hiểm mà còn trang bị cho các em những kỹ năng cần thiết để tự bảo vệ mình.

Thứ ba, tổ chức các khóa đào tạo cho cộng đồng, đặc biệt là các bậc phụ huynh, sẽ giúp họ nhận diện và phòng ngừa các nguy cơ liên quan đến mua bán người.

Các nghị định như Nghị định số 28/2017/NĐ-CP về tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho trẻ em và Nghị định số 20/2018/NĐ-

CP về công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm mua bán người là những cơ sở pháp lý quan trọng hỗ trợ cho những hoạt động này. Qua đó, những chương trình tuyên truyền và giáo dục sẽ góp phần xây dựng một xã hội an toàn hơn, nơi mà trẻ em được bảo vệ và phát triển trong môi trường lành mạnh.

5.2.5. Tăng cường hợp tác quốc tế trong trong cuộc chiến chống tội phạm mua bán người dưới 16 tuổi

Tội phạm mua bán người là một vấn đề toàn cầu, ảnh hưởng đến hàng triệu trẻ em trên khắp thế giới, vì vậy việc tăng cường hợp tác quốc tế trong cuộc chiến này là vô cùng cần thiết.

Thứ nhất, việc thống nhất quy định pháp lý thông qua các hiệp định quốc tế sẽ giúp tạo ra một khung pháp lý đồng bộ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc truy tố các tội phạm xuyên biên giới. Những hiệp định này không chỉ giúp các quốc gia phối hợp chặt chẽ hơn trong việc phát hiện và xử lý tội phạm, mà còn nâng cao tính hiệu quả của các hoạt động điều tra.

Thứ hai, việc chia sẻ thông tin giữa các quốc gia về các đường dây mua bán người, các phương thức hoạt động và các biện pháp phòng ngừa là rất quan trọng. Các cơ quan chức năng cần thiết lập các kênh thông tin an toàn và hiệu quả để có thể kịp thời cập nhật tình hình, từ đó đưa ra các biện pháp đối phó phù hợp.

Thứ ba, cung cấp hỗ trợ kỹ thuật và đào tạo cho các cơ quan chức năng ở các quốc gia đang phát triển sẽ giúp họ nâng cao khả năng phát hiện và xử lý các vụ mua bán người. Cụ thể, các nghị định như Nghị định số 130/2021/NĐ-CP quy định về phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm mua bán người, và Nghị định số 56/2017/NĐ-CP về tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này sẽ tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho những nỗ lực trên.

Những giải pháp này không chỉ giúp tăng cường hiệu quả áp dụng pháp luật mà còn tạo ra một môi trường an toàn hơn cho trẻ em. Đồng thời, việc

hợp tác quốc tế sẽ góp phần vào sự phát triển bền vững của xã hội, khuyến khích các quốc gia cùng nhau hướng tới mục tiêu chung là bảo vệ quyền lợi trẻ em và ngăn chặn các hành vi tội phạm. Sự chung tay của cộng đồng quốc tế là yếu tố quyết định để tạo ra một tương lai an toàn hơn cho thế hệ trẻ.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 5

Pháp luật Việt Nam, đặc biệt là PLHS, đã ghi nhận nhiều tiến bộ và thành tựu qua các thời kỳ lịch sử. Ở mỗi giai đoạn, hệ thống PLHS không ngừng được sửa đổi và hoàn thiện để phù hợp với sự phát triển của xã hội. Điều này là cần thiết, bởi các loại tội phạm ngày càng trở nên phức tạp và nguy hiểm hơn cả về tính chất lẫn mức độ.

BLHS là văn bản pháp lý quan trọng, đại diện cho ngành luật hình sự, quy định một cách đầy đủ và chi tiết về các loại tội phạm cùng hình phạt tương ứng. Những quy định trong BLHS không chỉ phản ánh quan điểm của nhà làm luật mà còn thể hiện chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước. Tuy nhiên, như đã trình bày ở trên, sự phát triển không ngừng của xã hội và tính nguy hiểm của tội phạm đặt ra yêu cầu phải tiếp tục hoàn thiện và đổi mới PLHS.

Bên cạnh việc hoàn thiện các quy định pháp luật, nâng cao hiệu quả áp dụng của chúng cũng đóng vai trò vô cùng quan trọng. Các quy định pháp luật cần phải gắn liền với thực tiễn cuộc sống nhằm bảo vệ con người và ngăn chặn tội phạm. Qua nghiên cứu BLHS năm 2015 và các văn bản hướng dẫn, tôi nhận thấy vẫn còn một số vấn đề cần bổ sung và hoàn thiện để các quy định trở nên chặt chẽ hơn. Khi các quy định này được cải thiện, việc áp dụng pháp luật của các cơ quan tố tụng, đặc biệt là Tòa án, sẽ trở nên minh bạch và rõ ràng hơn, giúp tránh bỏ lọt tội phạm và đảm bảo xét xử đúng người, đúng tội.

Từ những phân tích trên, tác giả đã đưa ra các kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định của BLHS về tội mua bán người dưới 16 tuổi, cùng với những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng PLHS nói chung, và áp dụng đối với tội mua bán người dưới 16 tuổi nói riêng. Những giải pháp này bao gồm: Tăng cường lãnh đạo và cam kết chính trị; Tổ chức bộ máy hiệu quả; Nâng cao năng lực chuyên môn; Thúc đẩy văn hóa và giáo dục cộng đồng; Phát triển

kinh tế và an sinh xã hội; Tăng cường hợp tác quốc tế

Việc đưa ra những giải pháp này không chỉ nhằm hoàn thiện quy định pháp luật mà còn góp phần quan trọng trong việc ngăn chặn và đẩy lùi tội phạm mua bán người dưới 16 tuổi, bảo vệ quyền lợi và sự an toàn cho trẻ em.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Kết luận

Tình trạng tội phạm mua bán người, đặc biệt là trẻ em dưới 16 tuổi, đã trở thành một vấn đề cấp bách không chỉ ở Việt Nam mà còn trên toàn cầu. Sự gia tăng của loại tội phạm này không chỉ gây tổn hại nghiêm trọng đến cuộc sống của các nạn nhân mà còn tạo ra nhiều thách thức lớn cho xã hội và các cơ quan chức năng. Với hơn 4.000 km biên giới trải dài qua 25 tỉnh, Việt Nam tiếp giáp với Lào, Campuchia và Trung Quốc, tạo điều kiện cho các hoạt động này diễn ra một cách dễ dàng. Khu vực biên giới có nhiều lối đi tiềm ẩn, thuận lợi cho việc giao lưu và thăm thân, nhưng cũng trở thành cơ hội cho các đối tượng tội phạm.

Mối quan hệ gắn bó về dân tộc và lịch sử giữa người dân hai bên biên giới càng làm cho tình trạng mua bán người trở nên nghiêm trọng hơn. Các tội phạm thường sử dụng những phương thức tinh vi để qua mặt cơ quan chức năng, khiến tỷ lệ phụ nữ và trẻ em bị bán sang Trung Quốc ngày càng cao.

Vấn đề này đã trở thành mối quan tâm lớn, đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ từ các cấp chính quyền, từ Trung ương đến địa phương. Một trong những giải pháp then chốt là cần cải thiện hệ thống pháp luật liên quan đến tội phạm mua bán người dưới 16 tuổi. Việc quy định rõ ràng và đầy đủ trong BLHS sẽ giúp kiểm soát hiệu quả tình trạng này.

Qua từng giai đoạn lịch sử, nhận thức và chính sách đối phó với tội phạm mua bán người, đặc biệt là trẻ em, đã có những bước tiến đáng kể. Các quy định hiện tại đã được cụ thể hóa, khung hình phạt được điều chỉnh chặt chẽ hơn. Tuy nhiên, tình hình tội phạm này ngày càng phức tạp và mang tính tổ chức cao, làm cho việc phát hiện và bắt giữ trở nên khó khăn hơn. Điều này đặc biệt nghiêm trọng khi nạn nhân là trẻ em, những đối tượng đang rất cần được bảo vệ và chăm sóc.

Tuy nhiên, qua việc nghiên cứu các quy định trong BLHS về tội mua

bán người dưới 16 tuổi, tôi nhận thấy nhiều vấn đề cần xem xét và điều chỉnh để phù hợp hơn với tiêu chuẩn quốc tế, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan tố tụng trong việc áp dụng pháp luật. Như đã đề cập, Tòa án đóng vai trò chính trong việc xét xử và ra quyết định dựa trên các quy định pháp luật. Chỉ khi việc áp dụng pháp luật diễn ra một cách thông suốt, chúng ta mới có thể đảm bảo xét xử đúng người, đúng tội, tránh oan sai, và đồng thời góp phần vào việc ngăn chặn tội phạm.

Kiến nghị

Dựa trên số liệu thu thập từ việc xét xử tội mua bán người dưới 16 tuổi tại TP. Hà Nội trong giai đoạn 2020-2023, tôi đã phân tích và đưa ra các tỷ lệ nhằm làm rõ những điểm đã đạt được cũng như những thiếu sót trong quá trình xét xử và áp dụng pháp luật. Đồng thời, nghiên cứu cũng giúp xác định các tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của những vấn đề này. Cuối cùng, tôi đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật và nâng cao hiệu quả trong việc áp dụng BLHS đối với tội mua bán người dưới 16 tuổi.

Vì vậy, việc cải thiện các quy định PLHS liên quan đến tội mua bán người, đặc biệt là đối với trẻ em dưới 16 tuổi, không phải là nhiệm vụ dễ dàng. Tuy nhiên, bài nghiên cứu đã chỉ ra những tồn tại, hạn chế và khó khăn trong cả quy định pháp luật và quá trình thực thi của các cơ quan tố tụng. Đây là một vấn đề nóng cần được Đảng, Nhà nước và toàn xã hội quan tâm hơn nữa. Với mục tiêu bảo vệ trẻ em và quyền con người, cũng như góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật, tôi hy vọng rằng nghiên cứu này sẽ trở thành tài liệu tham khảo hữu ích cho các bên liên quan.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Lê Thị Lan Anh (2014), Pháp luật phòng, chống mua bán người qua thực tiễn của tỉnh Thanh Hóa. Luận văn thạc sĩ Trường Đại học Quốc Gia Hà Nội.

2. Bản án số 69/2020/HS-PT ngày 25/02/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao TP. Hà Nội về tội “Mua bán người dưới 16 tuổi”.

<https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta473634t1cvn/chi-tiet-ban-an>

3. Bộ luật hình sự Cộng hoà Liên bang Đức năm 1871 (sửa đổi lần gần đây nhất vào năm 2020).

4. Bộ luật hình sự Liên bang Nga luật của liên bang nga số 102-ФЗ ngày 26 tháng 6 năm 2008 về đảm bảo sự thống nhất đo lường.

5 Bộ luật hình sự năm 1985, Luật số 15/1985/QH8.

6. Bộ luật hình sự năm 1999, Luật số 15/1999/QH10.

7. Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 năm 2015.

8. Bộ luật hình sự Trung Hoa năm 1997, được sửa đổi, bổ sung vào các năm 2001, 2002 và 2005.

9. Hiến pháp năm 1946, Điều 1 và Điều 9.
<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Hien-phap-1946-Viet-Nam-Dan-Chu-Cong-Hoa-36134.aspx>

10. Lê Việt Hà (2009). Tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em trong PLHS Việt Nam. Luận văn thạc sĩ Trường Đại học Quốc Gia Hà Nội.

11. Luật Phòng, chống mua bán người và chống đưa người di cư trái phép Malaysia (2007, sửa đổi 2016).

12. Đoàn Ngọc Huyền (2014), Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về tội mua bán người trong Luật hình sự Việt Nam. Luận văn thạc sĩ Trường Đại học Quốc Gia Hà Nội.

13. Nguyễn Văn Minh và Nguyễn Thị My Huyền, (2019), “Bàn về tội

mua bán người trong BLHS năm 2015”, Tạp chí Kiểm sát, (số 6), 45-46.

14. Chu Thị Trang Vân, (2010), Đấu tranh phòng, chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em trong giai đoạn hiện nay, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Đại học Quốc gia, Đại học Quốc gia Hà Nội.

15. Vụ án ‘Hiếp dâm người dưới 16 tuổi’ – Những vấn đề cần làm rõ trong phiên tòa phúc thẩm

<https://lsvn.vn/vu-an-hiep-dam-nguoi-duoi-16-tuoi-nhung-van-de-can-lam-ro-trong-phiên-toa-phúc-tham1651631376.html>

Tiếng Anh

16. Bruch, E. M. (2011). Models wanted: The search for an Effective Response to Human Trafficking. *Stanford Journal of International Law*, 1, 10-16.

17. Fredette, K. (2010). Revisiting the UN Protocol on Human Trafficking: Striking Balances for more Effective Legislation. *Cadozo Journal of International and Comparative Law*, 17, 101-103.

18. Gallagher, A. T. (2010). *The International Law of Human Trafficking*. Cambridge University Press.

19. Kneebone, S., & Debeljak, J. (n.d.). *Transnational Crime and Human Rights: Responses to Human Trafficking in the Greater Mekong Subregion*. Routledge.

20. Piper, N. (2018). A problem by a Different Name? A Review of Research on Trafficking in South-East Asia and Oceania. *Migration*, 43, 203-222.